

Nguyễn Thị  
Ngọc Hải



# TRẦN QUỐC HƯƠNG

NGƯỜI CHỈ HUY TÌNH BÁO



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

**TRẦN QUỐC HƯƠNG**  
**Người Chỉ Huy Tình Báo**

**Nguyễn Thị Ngọc Hải**

*Nhà xuất bản Văn Hóa - Văn Nghệ*  
*2020*



# THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN  
[WWW.SACHMOI.NET](http://WWW.SACHMOI.NET)





*Trần Quốc Hương (1954)*

## I. Tuổi thơ, gia đình và quê hương

“Mẹ tôi không biết chữ. Làm lụng như một phụ nữ nông dân đi cấy thuê, nhưng bà biết hát ví hay nhất. Như tất cả phụ nữ nông thôn ngày xưa, dù sinh trong gia đình không nghèo lắm, bà cũng không được đi học. Quê tôi ở vùng Hà Nam - Bình Lục đồng chiêm trũng, nghèo lắm. Cả làng tha phương cầu thực. Mùa nước lên, tháng 6, tháng 7 âm lịch chỉ còn đàn bà và trẻ con ở làng. Đàn ông đi làm thuê khắp nơi. Thợ hồ, thợ mộc Nam Định tài khéo có tiếng, ông chú của bố tôi, là bạn của Tam nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến. Ông chú học giỏi nhưng đỗ đạt không cao, được làng xã quý trọng lắm. Bố tôi làm nghề mộc, đóng xe bò rất giỏi, làm việc cho cơ sở Đông Kinh Nghĩa Thực, hiệu Đồng Lợi ở Phủ Lý. Cha tôi là con cả trong nhà, rất có hiếu với cha mẹ. Có một câu chuyện tôi không thể quên: ông làm việc ở Phủ Lý cách nhà 20 km, nhưng khi mẹ đau ốm bệnh nặng, ông sáng đi, tối về, đi bộ hàng ngày 20 km như thế về với mẹ, trông nom chăm sóc mẹ. Mà mẹ đau ốm lâu dài chứ không phải ngày một ngày hai. Ông đi bộ hàng ngày như thế cho tới khi mẹ chết.

Làng tôi có tiếng về phong trào yêu nước của nông dân. Cụ Phan Bội Châu cũng lui tới đó vì sĩ phu ở đó cũng như ông Nguyễn Khuyến, đều không chịu ra làm quan. Phong trào do cụ Phan Bội Châu đề xướng Đông Du, các sĩ phu ở đây cũng cho con cái sang Nhật học khá nhiều, có người còn lấy vợ có họ Hoàng gia bên đó. Một ông cậu tôi làm đốc phu, thành một vị tướng có tiếng của Đề Thám, Tây bắt giam quản chế ở làng. Đến thời kỳ có các phong trào do Đảng Cộng sản lãnh đạo, làng tôi cũng có tham gia và có tiếng trong phong trào bình dân. Người giác ngộ trực tiếp đối với tôi lúc đó là anh Nguyễn Đức Quý, sau này là Thứ trưởng Bộ Văn hóa. Lúc đó anh Quý dạy tư, vốn bị tù ở Sơn La, người gốc Bắc Ninh, hoạt động có thời kỳ làm bí thư Ban cán sự Hà Nam. Anh dạy học con cái các ông tham, phán. Anh tự học và giỏi cả ba ngoại ngữ Pháp, Anh, Tàu. Thời kỳ chống Pháp anh là đại diện của ta ở Thái Lan. Một người nữa tên là Rốc, hoạt động dưới vỏ bọc cảnh sát, sau anh làm công tác ngay trong phòng tra ở Việt Trì. Làng tôi có một lai lịch như vậy, trong bối cảnh xã hội như thế nên tôi được giác ngộ rất sớm.”

Ông Mười Hương thường nhớ như thế về quê nhà. Sau này khi cha mình bị quy là thành phần giai cấp tư sản, địa chủ gì gì đi nữa, ông vẫn tự phân tích bản chất lao động của cha muốn: “Sau này được đọc truyện Gia đình Actamanôp của Macxim Goocki tôi liên hệ thấy yêu lao động là bản tính của cha tôi. Ông đối xử bình đẳng với người ăn kẻ ở trong gia đình. Giỗ Tết, ốm đau ma chay của họ, ông chăm sóc chu đáo nên được người ta thương. Tiếng là chủ, tính chất phong kiến bóc lột nhưng ông sống đạo đức, không để nông dân bị đối xử tàn tệ.” Sau này khi ông đưa mộ bố mẹ về quê, bà con trong làng nói: Nghe các ông đi cách mạng làm lớn cũng chưa làm được gì cụ thể cho làng. Nhưng ông bà cụ này nếu cái năm đói không đổ thóc nhà mình ra nấu cháo cho làng ăn thì còn nhiều người chết.

Lý lịch của ông Mười Hương là con nhà địa chủ kiêm tư sản, lại có hai thằng con theo giặc (khi ông Mười Hương đi miền Nam hoạt động bí mật, người ta gán cho bố ông là có con theo giặc).

Thời kỳ cải cách ruộng đất gặp nhiều oan trái, cha ông vẫn nói với vợ: Mình chẳng tiếc gì ruộng đất bị tịch thu mất. Nhưng làng quê mà đấu tố nhau thế này thì phong hóa suy đồi rồi. Thằng Mười Hương sau này có về gặp lại thì nói với nó thế!

Người làng còn kể lại lúc cốt cán nông dân chỉ mặt ông quát: Địa chủ Tân, ra cho nông dân hỏi. Ông cụ vẫn nghiêm túc trả lời: đời tôi không giết chóc, bóc lột ai. Mẹ ông kể lại: Không phải bị đấu tố mà chết, nhưng thầy mày buồn thế sự, hay nằm thờ dài, mấy tháng sau thì chết ở Phủ Lý.

Người anh trai cả của ông Mười, như ông kể, “Lớn lên vừa lúc cách mạng tới, chứ không thì cũng đến đi làm cho Pháp. Anh cả tôi rất thông minh, sau làm thầu khoán các công trình làm nhà, cầu, đường. Anh kiếm khá tiền, mua được xe hơi như xe của tri huyện.” Tuổi thơ của ông Mười trải qua nhiều tình huống khắc nghiệt. Nhà ông theo phong cách quyền huynh thế phụ, quyền của ông anh trai cả rất lớn. “Hắn bắt tôi học, ngày nay tôi cảm ơn hắn, nhờ hắn mà tôi đọc nhiều.” - Ông Mười Hương nói vui khi nhớ về

những ngày mình còn là chú bé bị ông anh chỉ huy. Em ngồi học đầu bàn này, anh ngồi ở đầu bàn kia, để sẵn cái roi mây. Hễ em ngủ gật là ông anh quát cho. “Mà xong bài ở trường, ông anh còn nhồi grammaire - ngữ pháp tiếng Pháp. Bài nào kiểm tra chưa thuộc, ông anh bắt quì trên gai mít. Nhiều lúc tôi thấy sao khổ quá, chỉ muốn chết cho rảnh.” Bà mẹ thấy thằng con trai bé bị anh hành hạ quá, xót con, bà nói dối: “Nhà tao không có mả học. Sau lớn nó có phải đi gấp cút ăn cũng được.” Người cha thì ngược lại: Ông là nhà Nho, trọng chữ thánh hiền, “thấy roi vãi dưới đất bắt nhặt lên.” Ông quan niệm nhất nghệ tinh, nhất thân vinh, bắt con học chữ Nho để biết đạo lý ở đời, để ra đời biết làm văn tự, và ông “chê chữ Tây loằng ngoằng như rau muống.” Ông không bao giờ đánh chửi các con. Nếu con sai điều gì, lúc khác ông nhỏ nhẹ dùng các tích cổ để nói, khiến bọn trẻ thấy day dứt và nhớ lâu hơn.

“Cha mẹ tôi là hai người có cách nghĩ rất khác nhau, đều để lại dấu ấn tính cách nơi con cái sau này.” - Ông Mười đôi khi tự phân tích mình: “Cha của tôi ban đầu không tin có ai đánh được giặc Pháp, mặc dù trong hành động, ông luôn ủng hộ những người đánh giặc. Thời kỳ Việt Minh lên, ông vẫn cho rằng đánh được thằng Tây thì mặt trời mọc ở đằng Tây. Ngày xưa các cụ nhiều người tài giỏi mà đâu có làm gì được nó.” Quan niệm như thế, nhưng cụ chính là người hồi nhỏ đã từng chống thuyền đưa cụ Phan Bội Châu đi gặp gỡ lãnh tụ phong trào Văn thân trong vùng. Nhà của cụ có thời kỳ nuôi các đồng chí Xứ ủy Bắc Kỳ như Trần Tử Bình cán bộ Xứ ủy và sau này là chỗ ở của đồng chí Đỗ Mười lúc đó là Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam. Khi kháng chiến bùng nổ, cụ không ngần ngại theo lời hiệu triệu tiêu thổ kháng chiến, phá hết nhà cửa lớn của mình ở Phủ Lý để đi về quê tản cư. Khi Việt Minh đánh Pháp thắng lợi, rồi phục hồi đường xe lửa Nam Định chỉ trong ba, bốn tháng, cụ phục lắm.

Trong khi đó, tính tình cụ bà khác hẳn. Trong con mắt cụ chỉ có gia đình, chồng con là nhất. Cụ lấy việc thờ chồng nuôi con làm vinh dự, hạnh phúc. Khi mới giác ngộ, tôi đem thuyết giải phóng phụ nữ nói với mẹ, mẹ tôi chửi: Cho anh đi học, tưởng về anh nói cái gì hay ho chứ, toàn chuyện tào lao linh tinh, thôi đi, tao không nghe đâu. Đời cụ rất khổ, chồng chết nuôi

con. Con đi hoạt động, nuôi cháu. Cụ là người phụ nữ nhanh nhẹn, thông tuệ và hát ví rất giỏi: “Tôi học ở mẹ nhiều ca dao, tục ngữ, cách nói ví von so sánh của dân gian. Đó thực sự là một kho tàng truyền dạy cho tôi lẽ sống hàng ngày. Cụ thường dạy con theo điều tốt: Chín bỏ làm mười, Đánh được người mặt đỏ như vang là không tốt đẹp gì. Không nên ăn thua tranh giành. Chữ nhẫn cụ đưa vào con. “Tất cả mọi người cùng hoạt động với ông Mười Hương thường nhận xét: Úc đến tận cổ vẫn nuốt xuống được, ông Hương có cái hay là thế. Ông cho rằng: “Nghị lực có được là do ảnh hưởng của cha tôi.”

Xuất thân trong một làng quê và gia đình như vậy, chàng thiếu niên Mười Hương bắt đầu tham gia cách mạng từ năm 1937 trong phong trào thanh niên khi học hết tiểu học, và lên Hà Nội sau đó hai năm, 1939.

## II. Bị Pháp bắt năm 1941

Hình như nhiều cán bộ cách mạng Việt Nam có khởi điểm giống nhau: đến với phong trào, bước đầu tiên khi hoạt động là đến với phong trào học sinh, thanh niên hoặc công nhân. Mười Hương cũng vậy. Năm 1939 là năm thoái trào của phong trào Dân chủ, cách mạng gặp khó khăn, Đảng rút vào bí mật. Đó cũng là thời gian chàng thanh niên Mười Hương đã tham gia cách mạng được hai năm.

Ông cười khi kể lại vụ “lá cờ.” Vì tiếc lá cờ nên ông bị thực dân Pháp bắt.

“Đó là vào dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga. Hồi đó tôi còn nhỏ, rất ngây thơ. Quen biết nhiều anh trong Hội Truyền bá quốc ngữ. Chúng tôi không ở trọ nhà ai mà góp tiền mượn một căn gác ở chợ Hôm, cả mười người sống ở đó. Tôi nhỏ tuổi nhất, còn các anh là những công chức nhỏ: người làm thư ký, người làm hỏa xa, cùng hoạt động trong Hội Truyền bá quốc ngữ...”

Hôm đó là vào đầu tháng 11, dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười. Họ chia làm hai tổ: một treo cờ, một rải truyền đơn. “Tôi ở tổ treo cờ, cùng một anh nữa sau này là đại tá, đi tù Côn Đảo 19 năm, tham gia tập kết trở thành chuyên viên kiến trúc. Sau 1975 về lại Sài Gòn mới mất. Hai chúng tôi được phân công treo cờ ở đường Phùng Hưng bây giờ. Chỗ đó nay đi qua tôi vẫn nhớ có cây bàng mọc ở vườn hoa hình tam giác chéo. Anh kia gác cho tôi trèo lên. Lúc tôi chuẩn bị buộc lá cờ lên thì thấy hai tên mật thám dắt xe vào vườn hoa. Tôi nhảy đại xuống, nghe cái huých! Nó giật mình né, tôi thừa cơ bỏ chạy. Vì thuộc đường phố Hà Nội nên tôi chạy thoát: qua phố Hàng Da, luôn vào các ngõ hẻm.

Tôi đem hai cái cờ về thư viện của Thành phố, không biết giấu vào đâu, bèn đem để bên trên cái thùng nước giặt ở cầu tiêu khá cao, không ai với tới, sau đó đi về nhà. Nằm đọc sách một lúc, thấy tiếc hai lá cờ, tôi lại đến đó lấy về nhà, bỏ vào trong hòm. Không may, trong tổ đi rải truyền đơn có

người bị bắt khai chỗ ở của cả nhóm. Chúng đến lục soát và thế là tôi bị bắt.”

Lúc bọn chúng ập vào, chàng thanh niên vẫn đang ngủ. Bọn Pháp lục ra được hai lá cờ. Nó bắt luôn cả mười anh ở chung. Một điều may mắn hiếm có đã xảy ra: bắt được người và tang chứng rồi, bọn chúng kéo đi, bỏ sót một căn buồng quan trọng không lục soát. Đó là “nhà in” đầu tiên vừa được hình thành với chiếc máy in đặt trong phòng. Nhờ đó mà chiếc máy in “thế hệ tổ tiên” của nhà in Trần Phú sau này vẫn còn nguyên vẹn và hiện nay đặt trong Viện Bảo tàng Cách mạng ở Hà Nội.

\*\*\*

“Lúc đó trong khai sinh tôi chưa tới 15 tuổi, còn nhỏ, đi học trường Tây. Vì thế khi đưa tôi ra tòa án binh, địch không kết án được. Ông thầy cãi lúc đó nói: Thằng này sống xa gia đình, không ai trông nom, bị bạn bè rủ rê chứ không Cộng sản gì đâu. Cùng một thời gian đó, có những anh hoạt động nổi tiếng như Nguyễn Thọ Chân, Lê Toàn Thư... Các anh bị đưa ra Côn Đảo hết, chỉ tôi vì còn nhỏ được tha về.” Nhưng dù sao thì người thiếu niên này cũng đã bị giam cầm, khảo tra. Cùng bị bắt đợt đó có các anh Thanh niên Cứu quốc như Đỗ Xuân Hạc (em luật sư Đỗ Xuân Sảng), Luyến, Hợi, Oánh. Họ đã có những bài học đầu đời ở Hỏa Lò, Hà Nội. Những người Cộng sản nổi tiếng như Nguyễn Thọ Chân, Lê Toàn Thư cho cậu tham gia nhóm trung kiên học tập rút kinh nghiệm đối phó với địch khi bị đòn tra, khai thác...

Cũng thời gian này, chàng thiếu niên được những người tù Cộng sản kể cho nghe về một nhân vật. Câu chuyện về con người ấy có nhiều tình tiết ly kỳ: một Phó bí thư Xứ ủy đầu hàng khai báo khiến địch đến lùng bắt, song “người ấy” đã lẹ làng trốn thoát. “Người ấy” là đồng chí Trường Chinh. Một lần nữa, giặc tìm đến lớp chính trị của Trung ương vây bắt, rọi đèn pin trúng vào mặt đồng chí Trường Chinh nhưng ông nhanh chân hơn và rồi được hai ông cháu người dân chài cứu thoát. Người thiếu niên Mười Hương

trong tù được nghe kể chuyện về tình bạn chí cốt giữa hai chiến sĩ cách mạng nổi tiếng: Nguyễn Đức Cảnh - Trường Chinh. Họ là bạn học dưới một mái trường, cùng đi hoạt động, cùng bị tù đày và Nguyễn Đức Cảnh sau đó bị lên máy chém. Số phận đầy đọa thế nào, sau này vào những ngày đầu cách mạng, làm công tác bảo vệ Trung ương, ông Mười Hương lúc đó là một thanh niên trưởng thành, đã gắn bó đời hoạt động của mình với Tổng Bí thư Trường Chinh rất lâu dài. Nhưng đó là chuyện sau này. Bây giờ, cậu bé 15 tuổi ấy được ông anh ruột góp sức lo cho ra tù. “Lúc đó bọn chúng đưa tôi sang bên Sở Mật thám, kêu anh tôi lên làm cam đoan. Tôi nhớ mãi lời một tên mật thám nói với Chánh mật thám Bắc kỳ Lanéque: “Anh nên nhớ, Cộng sản ăn sâu vào máu những thằng bé con thế này. Thả ra là nó lại theo Cộng sản ngay. Anh cứ nhớ lời tôi.”

\*\*\*

Cậu bé ra tù. Chăm theo lá đơn giới thiệu của nhóm trung kiên trong tù thông qua hai đồng chí Lê Toàn Thư và Nguyễn Thọ Chân, cậu tìm đến với lãnh đạo Trung ương.

Vừa ra tù, đầu còn cao trọc, cậu về Thanh Trì bắt liên lạc với đồng chí Trường Chinh. Chủ nhà là cơ sở cách mạng, thấy người đầu trọc ở tù ra, không cho gặp. Cậu phải lên Hà Nội tìm cơ sở cũ qua Hội Truyền bá quốc ngữ lúc đó tập hợp khá nhiều trí thức lớn.

Ngày ấy, ở Hà Nội có những “pô-pốt” giống như nhà cho thuê, lính Tây cũng thường thuê để ở những khi làm việc ở sở về. “Lên Hà Nội, tôi ở pô-pốt trên gác nhà số 6B phố Công sứ Miriben, nay là phố Trần Nhân Tông, quận Hoàn Kiếm. Chúng tôi ở chung gần một chục người, gồm cả sinh viên, học sinh. Tôi có may mắn sống với bạn bè tứ xứ. Nơi đây phát triển mạnh phong trào truyền bá quốc ngữ, ở hướng đạo. Nhiều nhân vật nổi tiếng đã từng qua đây. Anh Tố Hữu trốn tù ra, quen với một anh, tới đó ở chờ liên lạc với Trung ương. Anh Nguyễn Tạo, Lê Tất Đắc trốn tù từ Buôn

Mê Thuật cũng về đấy. Tôi quen biết rộng nhờ vậy mà học được, biết được, giác ngộ sớm hơn lứa tuổi.”

Chính ở môi trường này, anh thanh niên Mười Hương quen nhiều trí thức lớn. Anh thân quý bộ ba Hoàng Đình Tuất, Lưu Văn Lợi, Nguyễn Huy Tường.

Anh Tường người Dục Tú, Đông Anh. Anh Tuất người Nghệ An. Anh Lợi người Gia Lâm, Hà Nội. Cả ba người bạn thân thiết này đều làm thư ký nhà đoan, hoạt động cách mạng, đều là những người viết lách giỏi. Cả ba anh là cơ sở cách mạng trong văn hóa cứu quốc. Anh cũng qua lại những ngôi nhà nghèo nàn của những nhà văn tên tuổi như Tô Hoài, Nam Cao, Nguyễn Hồng, Nguyễn Công Mỹ - em nhà văn Nguyễn Công Hoan.

“Nguyên Hồng lúc đó khổ lắm. Lúc đó, chẳng có nhà cửa gì. Nguyên Hồng ở nhờ nhà Nguyễn Huy Tường, có cả mẹ, vợ con anh ấy ở cùng. Thịnh thoảng mẹ Nguyên Hồng nấu cơm cho chúng tôi ăn. Nam Cao thì ở nhờ nhà Tô Hoài trên làng Bưởi.” “Từ những mối quan hệ này, tôi còn có nhiều liên hệ với các nhà văn, nhà trí thức vào dịp Đảng ta cho ra đời Đề cương văn hóa năm 1943”.

“Ở chỗ trọ, tôi cũng kết bạn với các anh Thôi Hữu, Phạm Triều. Vợ anh Thôi Hữu là cháu gái nhà cách mạng Tô Hiệu.” “Thôi Hữu - tức Nguyễn Đắc Giới - là một đồng chí chí cốt của tôi ở Hà Nội. Anh hơn tôi 6 tuổi, đã tốt nghiệp Thành chung, tham gia phong trào Thanh niên dân chủ trước năm 1940 ở Thanh Hóa, làm thơ và viết văn trên báo Bạn đường, tờ báo duy nhất lúc đó không bị thực dân Pháp cấm xuất bản sau khi Đại chiến thế giới hai nổ ra, vì lấy danh nghĩa là báo của tổ chức Hướng đạo. Nhiều bài viết của Thôi Hữu từ đầu năm 1941 đã được anh Trường Chinh khen ngợi. Sau khi đỗ Thành chung, Thôi Hữu vào Huế học trường Kỹ nghệ thực hành, tham gia bãi khóa và hoạt động cách mạng cho nên bị đuổi học. Ở Hà Nội, trong khi đang đi học ở trường Trung học Puginie, làm vở bọc để hoạt động trong phong trào Thanh niên cứu quốc, đầu năm 1942, tôi đã quen thân với

Thôi Hữu ở pô-pốt 6B phố Công sứ Miriben. Thôi Hữu ra Hà Nội làm thợ điện chỉ để bắt liên lạc với Trung ương và làm cách mạng. Cuối năm 1942, khi tôi bị bắt ở trên gác nhà đó thì may Thôi Hữu đang công tác ở Việt Trì nên thoát nạn. Chính Thôi Hữu cũng được các anh Trường Chinh và Hoàng Văn Thụ cử lên Tông (Sơn Tây) để bắt mối với Erwin Borchers (mang bí danh Việt Nam là Chiến Sĩ) một trí thức người Đức, thạo tiếng Pháp vì trốn tránh phát xít Hitler mà phải đi lính lê dương cho Pháp và sang Việt Nam. Borchers cầm đầu nhóm chiến sĩ quốc tế chống phát xít trong Tiểu đoàn 3 Trung đoàn Bộ binh lê dương số 5. Trong khi hoạt động ở Ban địch vận do anh Trường Chinh trực tiếp phụ trách thì Thôi Hữu bị địch bắt vào cuối năm 1943.”

“Tôi nghe nói Thôi Hữu bị bắt, không muốn để giặc tra tấn mình nên đã tìm cách cắt cổ tự sát nhưng không chết. Bọn địch đưa anh vào Bệnh viện Bạch Mai. Tôi nghe chị Hảo y tá là một cơ sở mật của ta báo, mới biết. Chị Hảo không biết anh Thôi Hữu, chị bảo tôi: “Bọn mật thám lùng sục dữ lắm, anh cứ đi lang thang thế này thì nguy hiểm lắm. Có một anh nhà văn mới bị bắt đã tự tử.” Nhờ chị Hảo nói vậy, tôi mới biết người bạn cùng trọ với mình, Thôi Hữu, đã lâm vào cảnh gieo neo. Tôi quyết định vận động chị Hảo bố trí cho tôi lên vào thăm một lúc.”

Theo lời chị Hảo thì anh Thôi Hữu tự tử cắt cổ, máu chảy tràn trề. Địch bắt giam ở một phòng riêng phía sau bệnh viện. Lên vào thăm lúc này là liều lĩnh vô cùng nhưng anh thanh niên đầy nhiệt huyết Mười Hương lúc đó nhất quyết phải vào với bạn, bất chấp nguy hiểm. “Chúng tôi là bạn thân. Có lần anh ấy bán cả sách vở cho tôi tiền ăn lúc khốn khó.” Cô Hảo gắt: “Vào để chết à?”. Nhưng anh Mười Hương bày cách: “Cô cứ nói với anh Thịnh, người yêu cô, cũng là y tá, chú ý xem giặc nó gác lúc nào, chập choạng lúc thay ca, tôi tạt vào năm phút thăm một tý thôi.” Theo kế hoạch này, anh đã vào được nơi Thôi Hữu nằm. “Vào một buổi chiều chị đi trực, tôi theo vào. Chị giúi cho tôi chiếc áo blu và mũ trắng trùm đầu. Theo lời chị dặn, đến gần dãy nhà điên, tôi phải nấp ở chỗ vắng. Đến nửa đêm, nhận được mật hiệu của chị, tôi lên vào hành lang. Đi một quãng ngắn, mấy lần quẹo mới tới cửa buồng giam hẹp, chói ánh đèn. Nhìn qua ô cửa nhỏ, thấy

rõ Thôi Hữu râu ria xồm xoàm, nửa nằm nửa ngồi, mình cởi trần, đen nhẻm, lằn rỗ nhiều thương tích. Nhận ra tôi, Thôi Hữu ứa nước mắt: Mày vào đây làm gì. Tôi bảo nghe tin không sao đừng dưng, chỉ gặp chốc lát thôi. Thôi Hữu sợ tôi gặp nguy hiểm, cứ đuổi tôi ra.” Tôi dứt vội cho anh ít tiền và bánh mì, nói rằng tôi đang cố gắng tìm bắt liên lạc với tổ chức nhưng chưa được. Thôi Hữu bảo tôi đến tìm Nguyễn Hữu Đang...”

Gần 9 tháng sau, vào đêm 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp, Thôi Hữu tự gây thương tích để được ném vào nhà xác. Rồi ban đêm, anh lần mò chui ra qua đường cống ngầm trốn thoát. “Mấy hôm sau, tôi vô cùng mừng rỡ và xúc động gặp lại. Thôi Hữu ở nhà Tô Hoài trong làng Nghĩa Đô gần chợ Bưởi. Ngay trong thời gian ở tù Hỏa Lò, Thôi Hữu đã được chỉ định ủy viên Ban cán sự Đảng Hà Nội. Ra tù, anh được phân công phụ trách ngoại thành Hà Nội. Đầu năm 1946, sau khi cách mạng thành công, anh được anh Trường Chinh chọn về làm báo Sự Thật. Bốn năm sau, giữa tuổi 30 đầy nghị lực và sáng tạo, trên đường đi Chiến dịch Đông Du, nhà văn, nhà báo, nhà thơ Thôi Hữu đã hy sinh giữa cánh đồng phố Giá, gần Viện quân y ở Vô Tranh (nay thuộc huyện Phú Lương, Thái Nguyên.”

### III. Ban công tác đặc biệt của Trung ương

Vào dịp kỷ niệm 72 năm ngày truyền thống của Văn phòng Trung ương - Ban Công tác đội trước đây (18/10/1930 - 18/10/2002) đón nhận Huân chương Sao Vàng - ông Mười Hương mới có dịp nhìn lại và viết ra tài liệu được ông đặt tên là “Hành trang quý báu trong đời”. Trong tài liệu đó, ông nhìn lại với tư cách là cán bộ cũ của Công tác đội trực thuộc Thường vụ Trung ương từ giữa năm 1943 đến trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Sau khi tham gia phong trào thanh niên, hoạt động ở Hà Nội và bị giặc Pháp bắt năm 1941, ra tù, ông đã bắt lại liên lạc với tổ chức của Đảng và làm công việc tiền thân của ngành công an sau này.

Đó là vào dịp ông đang công tác tại Ban cán sự Đảng Phúc Yên thì được Thường vụ Trung ương chọn về làm cán bộ Công tác đội trong An toàn khu (ATK) của Trung ương: “Anh Trường Chinh bảo: Cậu về nhận công tác mới, không ở Phúc Yên nữa. Ban Công tác đội Trung ương thành lập, cần người thông thạo Hà Nội, chuyên lo địa điểm cho Trung ương”. Chàng thanh niên Mười Hương tuổi 18 lúc đó đứng sững vì bất ngờ, đây là một vinh dự lớn mà anh không dám nghĩ tới.

Khi nói tới An toàn khu sau này thường chúng ta nghĩ tới những chiến khu Việt Bắc hoặc trong kháng chiến chống Mỹ có chiến khu D... và nhiều khu giải phóng. Nhưng ATK mà Mười Hương tham gia lúc đó là một sáng kiến của đồng chí Trường Chinh khởi xướng và chỉ đạo ngay sau khi Đảng ta chuyển vào hoạt động bí mật năm 1937. An toàn khu ở sát ngay Hà Nội chứ không ở tận núi rừng Việt Bắc như sau này khi kháng chiến bùng nổ.

Đó là một hệ thống căn cứ của Đảng gây dựng trong quần chúng ngay trong vùng giặc đang chiếm đóng. Ngay trong lòng địch, Đảng ta có An toàn khu giữa lòng dân để có chỗ đứng hoạt động và chỉ đạo phong trào cách mạng.

Là một người hoạt động lâu năm bên đồng chí Trường Chinh nên ông Mười Hương thường được biết những chi tiết quan trọng, được nghe trực tiếp lời kể, nhận xét của đồng chí Trường Chinh và biết được biết những chi tiết

quan trọng, được nghe trực tiếp lời kể, nhận xét của đồng chí Trường Chinh và biết được sau Hội nghị Mụy-ních năm 1938 Đảng ta hoạt động tại Hà Nội đã trở thành đối tượng đàn áp rất mạnh. Kẻ địch gọi đồng chí Hoàng Quốc Việt lên để răn đe. Các cán bộ của Đảng rút vào bí mật. Xứ ủy Bắc Kỳ nhận định nếu cứ hoạt động quanh quẩn ở Hà Nội và các thành phố lớn sẽ khó thoát khỏi bị đàn áp, bắt bớ. Nhưng sau một thời gian chuyển về hoạt động ở nông thôn lại nảy sinh khó khăn mới. Xa Hà Nội - trung tâm đầu não sẽ không nắm bắt được chuyển biến của tình hình, sẽ khó cho nhận định và chỉ đạo phong trào. Do đó, dù khó mấy, cần phải có chỗ đứng ở ngay sát Hà Nội, ngay trong lòng địch. Một An toàn khu không phải ở trên rừng núi có địa bàn, tổ chức riêng biệt như sau này ở các chiến khu. An toàn khu lúc ấy bí mật hình thành ngay dưới sự kiểm soát của giặc, thường ở những chỗ giáp ranh hai tỉnh, đầu xứ ít bị chú ý, địch dễ sơ hở. Ở đó lại giáp sông, nếu có động, vọt sang bên kia sông là an toàn. Đó là vùng Đông Anh, Từ Liêm kéo dài đến phía Chèm. Bên kia sông là Phúc Yên. Điều này cho thấy lòng dân quyết tâm bảo vệ những chiến sĩ của Đảng Cộng sản như thế nào. Nhờ sáng kiến này mà An toàn khu của Xứ ủy Bắc Kỳ sau chuyển thành An toàn khu của Trung ương Đảng. Con đường hình thành này có công lao của Đảng, của dân đã bắt đầu như thế nào?

Có thể lấy một hình ảnh của một chi bộ Đảng ở Dương Quang (Thuận Thành, Bắc Ninh) của anh Mai Vy và Nguyễn Đức Quý (sau này cả hai anh đều làm Thứ trưởng Bộ Văn hóa). Chi bộ của họ thành lập từ năm 1938, lúc ở đó chưa có cấp ủy cấp trên, phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Xứ ủy. Đây là một chi bộ hoạt động rất mạnh ngay sát Hà Nội mà đảm bảo an toàn. Trong khi đó, các cơ sở Đảng hoạt động phía Hà Đông liên tục bị đàn áp. Lúc đó các lãnh đạo cao nhất của Trung ương như Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt đã để ý và thống nhất với đề xuất của anh Nguyễn Đức Quý chuyển căn cứ của Xứ ủy từ phía Tây Hà Nội sang phía Đông. Chính đồng chí Hoàng Văn Thụ lúc đó là Bí thư Xứ ủy về gặp người của Chi bộ Dương Quang, tìm hiểu tình hình. Người bí thư chi bộ - anh Mai Vy - đã trình bày cụ thể về địa lý, chính trị, hoạt động của quần chúng, các viên hào lý và chức sắc của vùng. Đồng chí Hoàng Văn Thụ còn tìm hiểu kỹ về đời sống của từng gia đình đảng viên và gia đình cơ sở. Họ đã lập ra được một sơ đồ đường đi lối lại từ Hà Nội về, qua những nhà ga, các bến sông, đi

đến quyết định chọn nhà của Bí thư Chi bộ Mai Vy làm địa điểm liên lạc giữa Chi bộ và Xứ ủy. Và một vùng hoạt động khá rộng và bí mật được hình thành: Cơ quan in báo Giải phóng của Xứ ủy đặt ở nhà anh Cần, thôn Liễu Ngạn. Các cuộc họp Xứ ủy thì tại nhà anh Nguyễn Đức Quý ở thôn Yên Mỹ. Cán bộ các nơi đến liên lạc báo cáo, xin chỉ thị hay chờ nhận công tác cũng về vùng này, tại cơ sở bố trí ở các thôn Liễu Khê, Liễu Lâm, Ngãi Dương... Đồng chí Hoàng Văn Thụ ở tại nhà ông Toàn, thôn Đá. Đồng chí Hoàng Quốc Việt ở nhà anh Trạm, thôn Trung, xã Hội Xá...

Công tác bảo vệ rất tốt vì giữ được bí mật. Nơi ở của Xứ ủy ngoài bí thư Chi bộ không ai được biết. Các đồng chí lãnh đạo Xứ ủy không tiếp ai tại nhà mình ở mà thường họp gặp ở nhiều nơi khác. Chỗ gặp cũng thay đổi luôn. Người đến liên lạc phải nói đúng mật hiệu mới được tiếp nhận. Một hoạt động rộng lớn ngay trong lòng địch nên các cuộc tiếp xúc cũng có nội quy nghiêm cấm. Cũng tại vùng này, một ngày giữa vụ lúa chiêm, chị Trương Thị Mỹ - Xứ ủy viên đã đưa đồng chí Trường Chinh từ Thái Bình lên gặp hai đồng chí Hoàng Quốc Việt và Hoàng Văn Thụ. “Lúc đầu gặp mặt, anh Mai Vy cũng chưa biết Trường Chinh là ai, chỉ đoán đó là người có trách nhiệm quan trọng của Đảng. Cũng như anh Hoàng Văn Thụ, từ buổi đầu trò chuyện này, anh Trường Chinh cũng hỏi tỉ mỉ về gia cảnh người bí thư chi bộ Dương Quang, tình hình đời sống nhân dân trong thôn xóm, phong trào quần chúng và thái độ từng viên tổng lý, quan lại vùng này. Anh không quên hỏi đường đi lối lại từ thôn Ngũ Nhuế xã Dương Quang ra đường số 5 bao xa, ga nào đi xe lửa ra Hà Nội gần nhất, lối qua sông Đuống thì ra bến đò nào gần nhất, thuận tiện nhất.” Cuối năm 1940, anh Nguyễn Đức Quý được Xứ ủy cử đi đón đồng chí Phan Đăng Lưu ở miền Nam ra. Phan Đăng Lưu lúc đó là một ủy viên Ban chấp hành Trung ương duy nhất còn sống sót sau các đợt khủng bố, từ miền Nam ra miền Trung và Bắc để gặp các Xứ ủy bàn việc phối hợp đấu tranh vì cuộc Nam Kỳ khởi nghĩa sắp nổ ra. Năm 1944, khi đồng chí Lê Đức Thọ ra tù, ông Mười Hương được đồng chí Trường Chinh cử đi đón. Họ gặp nhau ở gốc cây gạo bến đò Sù (Phú Xá) và về thẳng An toàn khu.

Hội nghị Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) họp ba ngày (từ mùng 6 đến mùng 9 tháng 11 năm 1940) do chính đồng chí Phan Đăng Lưu chủ trì, sau này được gọi là Hội nghị Trung ương lần thứ bảy. Hội nghị quan trọng này của Đảng chuyển hướng chiến lược xác định kẻ thù chính là phát xít Nhật - Thực dân Pháp, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, tiến tới Tổng khởi nghĩa trong cả nước. Cũng ở Hội nghị này, Đảng quyết định bổ sung ba đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt vào cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và đồng chí Trường Chinh được cử làm người đứng đầu Ban Chấp hành Trung ương lâm thời.

Cũng cuối năm 1940 ấy, sau khi dự hội nghị này về tới Sài Gòn, đồng chí Phan Đăng Lưu bị giặc Pháp bắt, nhưng lúc đó Xứ ủy Nam Kỳ đã phát lệnh nổi dậy rồi, trước đó một ngày. Mặc dù ở hội nghị quyết định hoãn cuộc Nam Kỳ khởi nghĩa vì cho rằng chưa đủ điều kiện thắng lợi, nhưng đồng chí Phan Đăng Lưu không kịp thông báo quyết định này. Trước tình hình đó, đồng chí Trường Chinh thay mặt Thường vụ Trung ương đã ra ngay “hiệu triệu các đồng chí cấp bộ Đảng Cộng sản Đông Dương” và “thông báo khẩn cấp của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương” kêu gọi toàn Đảng toàn dân hưởng ứng và phối hợp cùng Nam Kỳ khởi nghĩa.

Chỉ sau một thời gian, An toàn khu của Xứ ủy mà rộng sang vùng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh). Ở đó có một chi bộ do anh Lê Quang Đạo làm bí thư, với những đảng viên tích cực như Nguyễn Duy Thân, Nguyễn Trọng Tĩnh và một số đồng chí khác, Xứ ủy đã phát triển thêm cụm căn cứ An toàn khu liên hoàn cơ động mà vững chắc.

Ông Mười Hương nhớ rằng từ trước Hội nghị Trung ương lần thứ bảy ở Đình Bảng cho đến cuối năm 1942, đồng chí Lê Quang Đạo đã làm trưởng ban Công tác đội của Xứ ủy Bắc Kỳ rồi chuyển thành Công tác đội của Trung ương. Khi đồng chí Lê Quang Đạo được cử đi công tác khác, thì đồng chí Lê Liêm vừa làm Bí thư Phúc Yên, vừa phụ trách Công tác đội của Trung ương.

Những công việc quan trọng nhất của Đảng và các cán bộ lãnh đạo cao nhất của Đảng lúc đó đều diễn ra ở An toàn khu, cho thấy sức lan tỏa của phong trào cách mạng được nhân dân góp sức, làm nên một vùng an toàn khu rộng lớn. Cho đến cuối năm 1941 đã có tới hai An toàn khu. Ban đầu, An toàn khu I chỉ hoạt động ở mấy tỉnh giáp ranh như Hưng Yên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Ninh, rồi tỏa rộng ra tới Đa Phúc, Đông Anh. Những làng quê nổi tiếng như Võng La, Phương Trạch, Dâu Canh như một vành đai đỏ bao quanh Hà Nội.

Sang đầu năm 1943, An toàn khu I đã mở rộng lên một số huyện của các tỉnh phía Bắc như Bắc Giang, Thái Nguyên, hình thành An toàn khu I do đồng chí Hoàng Quốc Việt phụ trách. Đó là nơi dự bị hoặc là nơi mở các lớp huấn luyện triển khai Nghị quyết Thường vụ Trung ương cho cán bộ. Ở ngay cửa ngõ Hà Nội, từ Yên Phụ lên Chèm, Vẽ, các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh thường ngồi viết báo Đảng. Vào đầu năm 1943, đồng chí Trường Chinh đã ngồi ở làng Võng La của An toàn khu ngay sát Hà Nội để viết ra dự thảo một văn kiện quan trọng “Đề cương văn hóa Việt Nam”. Ông Mười Hương nhớ rõ sau khi viết xong, đồng chí Trường Chinh còn đi dò sang bên kia sông Hồng vào phiên chợ Bỏi, để về làng Chài (Võng La) hoàn chỉnh văn kiện này, kịp đưa ra thảo luận thông qua Hội nghị Thường vụ Trung ương.

Cũng ở An toàn khu, có khá nhiều cán bộ phụ trách Công tác đội trong nhiều thời kỳ khác nhau. Chính từ những năm trước cách mạng ấy, ông Mười Hương với nhiệm vụ của một đội viên Công tác đội đã gặp gỡ, làm việc với rất nhiều cán bộ nổi tiếng giữ trọng trách các công việc của Đảng. Tên tuổi họ cũng gắn liền với lịch sử đấu tranh của Đảng Cộng sản Việt Nam: Bác Hồ, các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Lương Bằng, Phan Đăng Lưu, Lê Quang Đạo, Lê Liêm. Đặc biệt ông đã làm việc một thời gian dài dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Trường Chinh lúc đó là Tổng Bí thư. Cũng nhờ vị trí công việc mà ông Mười Hương đã làm việc, quen biết với rất nhiều nhà văn nổi tiếng như: Nguyên Hồng, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng, Đặng Thai Mai, Thôi Hữu, Thế Lữ... Cũng nhờ vào

công việc được giao ở Công tác đội mà ông Mười Hương được biết và có góp phần vào việc hoạt động của các tờ báo cách mạng sớm nhất. Một mảng rất lớn sau này ông được giao làm đầu mối với các nhà tình báo lớn, có tên tuổi như Phạm Ngọc Thảo, Vũ Ngọc Nhạ, Lê Hữu Thúy, Phạm Xuân Ẩn... Có thể nói cuộc đời ông đi suốt cả một giai đoạn dài, xuyên qua cả hai cuộc kháng chiến của dân tộc chống thực dân đế quốc xâm lược Pháp và Mỹ. Cũng chính Công tác đội, ở gần và bảo vệ, tổ chức công việc gắn với cấp lãnh đạo cao nhất của Đảng, mà ông Mười Hương có lẽ là một chứng nhân hiếm có của những tình tiết chưa có trong lịch sử.

Trong bản tài liệu được viết ra vào năm 2002, tức là 72 năm sau, ngày truyền thống của ngành, ông đã nhớ lại những chi tiết, những sự kiện thật xúc động chưa ai viết ra bao giờ.

Đó là câu chuyện tại Hội nghị Đình Bảng quyết định bổ sung ba đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt vào cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Đồng chí Phan Đăng Lưu lúc đó ở miền Nam ra họp, được hội nghị đề cử làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương lâm thời nhưng đồng chí không nhận. Đồng chí nói, tình hình như thế này Trung ương nên ở ngoài Bắc, tôi trở về miền Nam, sớm muộn cũng sẽ bị địch bắt. Và quả như vậy, tháng 11.1940 ngay sau khi về tới Sài Gòn, đồng chí bị giặc Pháp bắt. Đó là thời điểm sát nút, trước khởi nghĩa Nam Kỳ đúng một ngày. Đó còn là câu chuyện một lần cuộc họp Xứ ủy ở làng Đình Bảng do đồng chí Trường Chinh chủ trì, đồng chí biết gia đình ông Đám Thi, nơi diễn ra cuộc họp, có rất nhiều con cái tham gia công tác bảo vệ. Qua trò chuyện với ông Đám Thi, biết cụ cố sinh ra ông hay đi lễ chùa, đồng chí Trường Chinh đã nhờ cụ cố dẫn đi gặp gỡ làm quen với sư cụ chùa Đồng Kỵ. Sư cụ trông coi cả chùa Lã và chùa Dâu, vùng Đình Bảng.

Qua mối quan hệ này mà đại đức Phạm Thông Hòa - sư cụ chùa Đồng Kỵ đã trở thành người có cảm tình với cách mạng. Ngôi chùa của sư cụ đã có lần được đón Thường vụ Trung ương về họp vào những lúc kẻ địch lùng bắt gắt gao.

Trong tập tài liệu của mình, ông Mười Hương còn viết lại những điều ông được nghe, được biết về những chi tiết liên quan đến các sự kiện lớn của lịch sử. Đó là những ngày Trung ương Đảng tìm cách đón Bác Hồ khi được tin Bác đang tìm đường về nước. “Mùa thu năm 1938, Bác Hồ từ Nga về Trung Quốc. Từ cuối thời kỳ Mặt trận dân chủ, khi đang viết báo công khai ở Hà Nội, anh Trường Chinh đã được giao nhận những bức thư của Bác Hồ, ký bút danh là P.C.Lin, gửi về cho Xứ ủy và Trung ương Đảng. Anh Trường Chinh cho biết, những bức thư này do một công nhân hoạt động bí mật, làm việc trên tuyến đường xe lửa Vân Nam - Hà Nội chuyển về, rồi bỏ vào hòm thư của báo Notre Voix (Tiếng nói chúng ta) ở Hà Nội.

Tháng 6/1940, Pháp bại trận và đầu hàng phát xít Đức. Bác Hồ quyết định về nước. Ở Vân Nam, Bác liên lạc được với tổ chức của Đảng do anh Phùng Chí Kiên phụ trách, trong đó có cả anh Trịnh Đông A (tức Vũ Anh). Trong khi chờ đợi liên lạc với Trung ương, Bác Hồ đến Liễu Châu, tạm nhận một công tác ở Bộ Tư lệnh Đệ Bát Lộ quân do Diệp Kiếm Anh chỉ huy.”

“Sau Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (tháng 11/1940) được tin Bác Hồ, đại biểu Quốc tế Cộng sản tìm đường về nước, đã mấy lần, Trung ương Đảng ta phái anh Nguyễn Văn Minh Xứ ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ sang Vân Nam đón Bác, nhưng đều không gặp được. Phải đến cuối năm 1940, khi anh Hoàng Văn Thụ, một người đã từng hoạt động nhiều năm khắp vùng biên giới Việt - Trung, thông thạo địa hình và thổ ngữ địa phương, được cử đi đón thì mới tìm gặp được Bác. Nơi gặp chính là làng Tân Khư, thuộc đất Tĩnh Tây (Trung Quốc) giáp giới với Cao Bằng. Lúc đó vừa qua Tết dương lịch 1941. Anh Hoàng Văn Thụ báo cáo với Bác về phong trào cách mạng trong nước. Bác nói với đồng chí Hoàng Văn Thụ về quyết định của Bác về nước, đồng thời đề nghị Trung ương khẩn trương triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ tám. Mùa xuân năm 1941, Bác Hồ về nước qua cột mốc biên giới số 108 ở Cao Bằng”. Ông Mười Hương còn kể lại rất nhiều hình ảnh của những con người trung kiên ở nhiều lĩnh vực công tác, mà có thể đến nay vẫn “vô danh” sống cuộc đời bình thường. Như gia đình nhà anh Trạm

ở thôn Trung, xã Hội Xá, nơi đã là chỗ ở của đồng chí Nguyễn Duy Thân (cậu ruột đồng chí Lê Quang Đạo) và các anh Liêm, anh Tinh đều là cán bộ Công tác đội, là các con ông Đám Thi. Một trong những cán bộ Công tác đội phụ trách đường dây giao thông đặc biệt ở miền núi, giữ vững liên lạc giữa Thường vụ Trung ương và Bác Hồ, là ông Nhị Quý, hiện đang vui sống tuổi già ở Hà Nội. Ông Nhị Quý (tên thật là Ngô Ngọc Tín) quê ở Nam Định, hoạt động từ năm 1940, đã trải qua nhiều nhà tù khắc nghiệt như Hỏa Lò (Hà Nội), Sơn La, rồi Chợ Chu (Thái Nguyên). Cuối cùng ông vượt ngục Chợ Chu tiếp tục công tác. Ở chi bộ La Bằng (Đại Từ, Thái Nguyên) có người bí thư tên là Đường Văn Hôn, người dân tộc Sán Chỉ, tuy không biết chữ, nhưng hoạt động từ năm 1936 và thông thạo địa hình núi rừng Việt Bắc. Chính ông Hôn đã giác ngộ cách mạng cho một người trẻ tuổi sau này trở thành vị tướng danh tiếng Chu Văn Tấn. Anh Bạch Thành Phong, người được Thường vụ Trung ương phái về giúp Đảng bộ Hà Nội lập An toàn khu, phụ trách toàn bộ vùng Bưởi - Nghĩa Đô - Cổ Nhuế. Anh đã gây dựng được nhiều cơ sở cho Xứ ủy và Trung ương. Những chị giao thông liên lạc đặc biệt như Trần Thị Sáu (còn gọi chị Sáu già) giỏi giang, thu xếp nơi ăn chốn ở cho các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ. Chị làm giao thông cho Trung ương đưa bài vở và tài liệu cho báo Đảng. Những tên tuổi bình dị như chị Nguyễn Thị Hội ở Đình Bảng, chị Nguyễn Thị Nguyên (tức Bắc Chung) ở Bắc Ninh, chị Lương (tức Hải), đều là những cán bộ giao thông liên lạc giỏi, từng vào tù ra khám, gan góc chịu đựng mọi khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ.

\*\*\*

Công tác đội - cái tên gọi nghe không toát được hết tầm quan trọng của nó. Thực ra đó là Đội Cận vệ, ở sát Thường vụ Trung ương, được giao nhiệm vụ điều tra, nghiên cứu tình hình, nắm mọi mặt của An toàn khu. Mà An toàn khu không phải một vùng đất giải phóng của ta, không thể có bộ máy công khai hành chính, nhưng lại phải hoạt động như một bộ máy chặt chẽ nhất một cách bí mật. Họ phải nắm vững hoạt động của bộ máy địch tại các vùng rộng lớn, các diễn biến động tĩnh của đám chức sắc, hào lý, trương tuần và đám lính lệ ở các phủ, huyện trong vùng. Họ cũng phải phối hợp

với cán bộ chủ chốt của các chi bộ và tổ chức quần chúng cứu quốc trong vùng. Khi phong trào lên thì có thể làm tê liệt chính quyền cơ sở của địch. Khi cần thiết, phải chọn nơi ở và làm việc cho cán bộ lãnh đạo Đảng, đặt kế hoạch bảo vệ chu đáo lúc sinh hoạt bình thường cũng như khi có các cuộc họp quan trọng của Thường vụ Trung ương.

Họ làm nhiệm vụ bảo vệ sống còn cho lực lượng lãnh đạo của Đảng, bố trí địa điểm họp và làm việc của Trung ương, nắm giữ điều phối đường dây từ Trung ương đến địa phương. Các công tác này được tổ chức khá hoàn hảo. Quy chế cho An toàn khu được tổ chức hết sức nghiêm ngặt. Chỉ thị về công tác tổ chức của Trung ương ngày 1/12/1941 đã nêu rõ: “Đội tự vệ có trách nhiệm ủng hộ cơ quan, ủng hộ tranh đấu, cảnh giác, trinh thám hoặc thông tin. Cố nhiên, trong khi tranh đấu, nếu gặp địch nhân, nó phải ngăn cản địch nhân để quần chúng giải tán kịp và ủng hộ cho các chiến sĩ, có khi phải đánh tháo cho các chiến sĩ nếu họ bị địch bắt. Đội tự vệ phải gồm có nhiều tiểu tổ giữ một công việc, một trách nhiệm. Thí dụ tiểu đội đàn bà, trẻ con ông già thì canh gác, trinh thám, thông tin. Còn tiểu đội gồm có những người khỏe mạnh thì ủng hộ tranh đấu, giữ cơ quan trong khi khai hội, tự vệ các chiến sĩ trong khi đi lại nếu cần.” - Văn kiện Đảng toàn tập (tập 7).

Có thể thấy, đó gần như những nhiệm vụ của một tổ chức tiền thân của ngành công an sau này.

Chính ngay từ những ngày ấy, người thanh niên Mười Hương thường làm việc trực tiếp với đồng chí Trường Chinh và đã có những nhận xét:

“Ở An toàn khu, thỉnh thoảng tôi được anh Trường Chinh cho gọi đến chỗ anh ở và làm việc để báo cáo tình hình cụ thể thực hiện nhiệm vụ được giao. Tôi cũng nhận chỉ thị về công việc sắp tới. Chưa bao giờ tôi thấy anh nổi nóng hoặc cáu gắt với ai mỗi khi có điều gì không vừa ý. Chỉ thấy nét mặt anh bình tĩnh lắng nghe và ôn tồn chỉ bảo, vạch rõ đúng sai một cách có lý, có tình cho cán bộ cấp dưới. Điều tôi cảm nhận rõ nhất ở anh trước hết là tác phong làm việc hết sức cẩn thận, giữ gìn rất nghiêm nguyên tắc hoạt

động bí mật. Chỗ anh làm việc bao giờ cũng gọn gàng, ngăn nắp, không để lộ một dấu vết gì khác thường dù là nhỏ nhất. Cần một mảnh giấy nào để viết thì mới lấy ra. Không dùng đến hay làm xong rồi thì cất đi ngay. Sách báo xuất bản công khai ở Hà Nội được cơ sở cách mạng ở nội thành cung cấp, công tác đội chúng tôi chuyển đến cho anh đọc, được cất giữ cẩn thận ở những nơi khác, không ai được biết đến.

Thời bấy giờ, tôi chưa thấy có ai làm thư ký riêng hoặc trợ lý Tổng Bí thư, chưa có cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng ở An toàn khu. Mọi việc viết lách, từ chỉ thị, nghị quyết cho đến một bài báo đều tự tay anh viết lấy. Chính phong cách sinh hoạt và làm việc, tác phong gương mẫu của anh Trường Chinh đã gây ấn tượng mạnh cho tất cả những ai được sống và làm việc bên anh ở An toàn khu.”

An toàn khu phát triển rộng và vững chắc, ở nơi cơ quan của Thường vụ Trung ương có cơ quan báo Đảng và nhà in. Đồng chí Trường Chinh cùng các đồng chí khác như Lê Liêm, Lê Toàn Thư, Lê Quang Đạo, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt... làm báo Cứu Quốc và Cờ Giải Phóng. Thường vụ Trung ương có ba người. Tổng Bí thư Trường Chinh vừa làm chủ nhiệm chính trị và chủ bút các tờ báo của Đảng. “Có lần, Đội công tác chúng tôi lo cả một địa điểm bí mật riêng cho anh Trường Chinh tới làm bài, viết lách cho tờ báo. Nơi này là gian nhà của một lão nông nghèo ở Phúc Yên, tính đường chim bay chỉ cách Phủ Toàn quyền của địch chỉ hơn chục cây số.”

“Khi Bác ở chiến khu về Hà Nội, ở nhà 48 Hàng Ngang. Ông Nguyễn Lương Bằng nói: Thường vụ giao tôi lo cho Bác, cậu lo cho Tổng Bí thư Trường Chinh. Tổng Bí thư phụ trách luôn tuyên huấn cho nên cậu lo luôn cả mảng báo chí, phải có địa điểm cho các nơi liên lạc. Do đó, nơi ấy trở thành đầu mối gặp gỡ. Các ông Nguyễn Khánh Toàn, Lý Ban, tướng Nguyễn Sơn cũng móc nối ở đó, rồi tôi mới đưa họ đi gặp Trung ương.”

Có một thời gian, không khí chính trị ở Hà Nội rất lộn xộn, phức tạp, vậy mà Trung ương vẫn an toàn hoạt động. Ông Mười Hương lo nơi ăn ở của

đồng chí Trường Chinh suốt từ trước Cách mạng Tháng Tám cho tới kháng chiến bùng nổ, lo cho nhà báo in ấn không ngưng ngày nào.

Nhiều chuyện nguy hiểm đã xảy đến với ông. “Tôi ở cùng nhà với Nguyễn Huy Tưởng ở gần chợ Hôm. Bữa ấy tôi đưa tài liệu sang Đông Anh. Có một việc trước đó tôi để ý nhưng không nói với ai. Có một tên mật thám hiến binh Nhật ở ngay bên cạnh nhà chúng tôi. Nó có để ý việc đi lại của tôi nên tôi rất thận trọng. Hôm ấy đưa tài liệu sang Đông Anh về, tôi đạp xe lên cầu Long Biên, nhìn xuống dãy nhà thấp nơi chân cầu, thấy nó đang ngồi chờ bên cạnh chiếc xe đạp. Có lẽ nó đón đường tôi đây! Không thể lùi được nữa, tôi quyết định đạp vọt lên. Định bụng là đến giữa cầu, vút xe xuống bãi giữa tìm đường thoát. Nó đạp theo nhưng không nhanh bằng tôi, vừa đạp vừa la cho đám lính bên đầu cầu đón bắt nhưng không kịp. Tôi vượt qua rồi, đám lính gác cầu mới hiểu là tên kia muốn gì nhưng đã muộn. Tôi đạp đến giữa cầu, không thấy xôn xao gì liền đạp thẳng một mạch về Hà Nội, đi tới nhà khác luôn, không về ngôi nhà cũ nữa.” Đó chính là ngày mà Đội danh dự thành Hoàng Diệu xử gián điệp Nga “Thiên Hương”.

“Một lần, lúc này ta đã giành chính quyền, tôi từ nhà in về đang đạp xe xuống dốc Hàng Gà, đường Quang Trung bây giờ thì phát hiện có người đạp xe theo từ đầu đường, đoạn Thư viện Quốc gia. Tôi đi ngoằn ngoèo, áp sát tòa nhà Bộ Thông tin, thì thoáng thấy nó thọc tay vào túi. Tôi nhảy ra khỏi xe, nó nổ súng nhưng gốc cây đã che đạn cho tôi. Anh em ở Bộ Thông tin tuyên truyền Vệ quốc đoàn gần đó chạy lại, đang lên quy lát súng lách tách. Thấy lộ nó vội ngoặt vào xóm Hạ Hồi - xóm mật vụ thời đó.” Những hồi ức bất chợt như vậy của ông đem lại cho chúng ta những hình ảnh cụ thể cuộc sống Hà Nội những năm 1945-1946, lúc cách mạng mới thành công. Nhiều lúc ông nghĩ: may hay sao, chứ lúc tôi hoạt động ở trong Hà Nội đâu có dựa vào quân đội, công an như một tổ chức hoàn chỉnh gì đâu. Mình lấy hết sức ra lo bảo vệ và nhờ các anh ấy đều là những nhà cách mạng đầy kinh nghiệm hoạt động giữ bí mật và quy luật đi, ở rất linh hoạt. Chứ lúc đó bọn địch cũng lúng lúng sợ lắm.

Khoảng cuối năm 1943, trong một cuộc họp của Ban Công tác đội An toàn khu, đồng chí Trường Chinh đã chỉ thị phái Mười Hương thực hiện một nhiệm vụ mới.

Trong ghi chép cá nhân, ông Mười Hương viết về sự khởi đầu công việc đó như sau: “Mấy hôm sau, anh Trường Chinh lại cho gọi tôi đến chỗ anh và hỏi: Anh có quen giáo sư Đặng Thai Mai không?

Tôi chưa quen đâu nhưng biết ông ấy là một giáo sư nổi tiếng. Trường Thăng Long mà giáo sư dạy học đã dời ra mạn Thanh Xuân rồi. Nhưng tôi có nhiều chỗ quen biết, có thể tìm ra được nơi ở của ông ấy thôi.

Anh Trường Chinh liền viết một lá thư riêng, kèm theo một bản “Đề cương văn hóa Việt Nam” vừa mới in xong, bảo tôi đi gặp ngay giáo sư Đặng Thai Mai.” Hồi đó, gia đình giáo sư Đặng Thai Mai tạm lánh vào Sầm Sơn, Thanh Hóa. Chàng thanh niên Mười Hương rủ Nguyễn Xuân Bích, con trai cụ Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, tác giả Cổ học tinh hoa, cùng đi Sầm Sơn. Cẩn thận hơn trong giao tiếp, anh nói với Bích vào đó ở nhà của Đoàn Thêm, ra bãi biển tắm, làm quen giáo sư đã rồi mới tìm cách đến nhà nói chuyện sau. Lúc đó, thật tình Mười Hương còn chưa biết thái độ của giáo sư Đặng Thai Mai sẽ tiếp nhận ra sao.

Hai anh cùng nhau vào Sầm Sơn, đi bằng xe đạp. Đúng như kế hoạch, họ ở nhà của Đoàn Thêm, con cụ Đoàn Triềng, một nhà Nho có tiếng. Một lần, trên đường từ bãi biển về, anh thưa với giáo sư là có thư của một người bạn cũ của giáo sư nhờ chuyển. Giáo sư nhả anh cầm đến.

“Cách một hôm sau khi đưa lá thư, tôi đến nhà giáo sư chờ ông trả lời. Giáo sư bảo: Tôi nhận ra người bạn này. Về nói lại với người ấy rằng Mai không quên các anh ấy đâu. Tôi hỏi giáo sư có viết thư trả lời không, giáo sư bảo không viết mà sẽ nói miệng để tôi ra báo cáo lại. Giáo sư vui mừng nhận xét về bản Đề cương văn hóa mà anh Trường Chinh chuyển: Dân tộc là ăn

nhất. Ngoài ra, khoa học, đại chúng cũng rất đúng. Tôi đang viết cuốn sách về văn hóa, sẽ cố gắng đưa những ý này vào. Sau này, cuốn “Văn học khái luận” của giáo sư Đặng Thai Mai in, bị tên Cút-xô, chánh xứ phụ trách tuyên truyền, trước phụ trách Công sứ Sơn La, nói tiếng Việt rất thạo, phụ trách kiểm duyệt nhưng những nội dung tiến bộ được khéo léo đưa vào đã qua mặt được Cút-xô. “Bản in đầu của “Văn học khái luận” ở nhà in Hàn Thuyên tôi lấy về đưa Thường vụ xem, các anh rất thích thú.”

Thế là anh thanh niên Mười Hương không ngờ rằng chuyến di Thanh Hóa bằng xe đạp ấy, có bản Đề cương văn hóa nhét trong ống tuýp của khung xe, đã đem đến bước đầu cho dân tộc một đường lối văn hóa do Đảng Cộng sản vạch ra và đồng thời cũng đưa anh đến gần những công việc quan trọng.

\*\*\*

Năm 1943 ấy có nhiều sự kiện. “Bác Hồ bị quân Tàu Tưởng bắt ở Thiên Bảo, trải qua hàng chục nhà tù khắc nghiệt ở Quảng Tây. Trách nhiệm to lớn của Đảng và cách mạng lúc đó nặng nề, mà Thường vụ Trung ương Đảng chỉ có ba người: anh Trường Chinh làm Tổng Bí thư, vừa lãnh đạo, vừa cùng anh Hoàng Văn Thụ trực tiếp làm công tác binh vận, địch vận, vừa là báo Cờ Giải Phóng. Anh Trường Chinh lại cùng anh Hoàng Quốc Việt mở các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cho phong trào. Vận động thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam đứng trong mặt trận Việt Minh.” Giữa lúc anh Mười Hương đang gây dựng cơ sở cách mạng nội thành thì nhận được tin dữ: anh Hoàng Văn Thụ, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng bị giặc bắt cùng với một số cán bộ binh vận.

Ông viết lại câu chuyện này như sau:

“Một ngày giữa tháng Tám, tôi lên Chèm thì được chị Trần Thị Sáu cho biết tin. Chị Sáu công tác ở trạm liên lạc gần Chèm, vẫn thường là nơi anh Hoàng Văn Thụ tới triển khai các mũi tiến công của các tổ phụ nữ làm công

tác binh vận.” Chị Sáu và chị Hai Vẽ ở làng Phú Gia vẫn thường nhận nhiệm vụ địch vận vào tận hang ổ của quân Pháp ở trong thành Hà Nội, gồm các cơ sở binh chủng hậu cần và hậu cứ của các đơn vị lính khổ đờ do sĩ quan Pháp chỉ huy. Những người chiến đấu ngày ấy thường nghe tên Trung đoàn bộ binh thuộc địa số 1 (1er RIC) hoặc Trung đoàn pháo binh thuộc địa số 4 (4ème RAC). Đó là những địa điểm mà các chị vào tận nơi móc nối. Anh Hoàng Văn Thụ chỉ đạo công việc này.”

“Chị Sáu cho biết: Mấy hôm trước, theo đúng hẹn, chị đến làng Phú Gia để gặp anh Thụ. Đến nơi, chị Hai Vẽ cho biết không rõ anh đi đâu vắng mấy ngày rồi chưa thấy về. Một cán bộ lãnh đạo có uy tín, có nguyên tắc như anh Thụ không bao giờ sai hẹn”. Ông Mười Hương nghe vậy rất lo lắng, về báo cáo lại với đồng chí Trường Chinh và mấy ngày sau thì có tin chính xác: anh Thụ đã bị địch bắt. “Anh chị em Công tác đội chúng tôi đều bàng hoàng, như rụng rời cả chân tay. Mãi sau này chúng tôi được biết: anh Thụ dù rất cảnh giác, nhưng hôm đó không may, giấc vô tình bắt được anh khi anh theo một cán bộ binh vận đến một địa điểm. Địa điểm này bị một tên thợ cắt tóc làm chỉ điểm cho mật thám Pháp đặt cạm bẫy. Chị Trần Thị Sáu còn kể rằng anh Thụ còn để lại một số đồ dùng cá nhân. Chị Sáu giữ chiếc khăn và đôi guốc mộc anh đóng rất chắc. Anh Trường Chinh giữ chiếc áo len màu nâu đỏ... Ít lâu sau, anh Trường Chinh phải đem chiếc áo len ấy cho đồng chí khác mặc. Anh không thể cầm lòng khi nhìn thấy kỷ vật ấy.”

Trong một lần họp của Ban Công tác đặc biệt, họ được tin mừng: cuộc vượt ngục thành công của Chi bộ nhà tù Sơn La. Nhờ đó, các chiến sĩ cộng sản nổi tiếng đã thoát ngục tù, trong đó có các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Trần Đăng Ninh, Lưu Đức Hiểu..

\*\*\*

Tham gia trong Ban công tác đặc biệt của Trung ương, ông Mười Hương được phân công trực tiếp phụ việc với Tổng Bí thư Trường Chinh. Thời kỳ này, Đảng chủ trương thành lập Văn hóa cứu quốc và phong trào Mặt trận

dân chủ chống phát xít. Một trong những nhiệm vụ quan trọng được Tổng Bí thư Trường Chinh giao cho ông Mười Hương là tổ chức binh vận lính Tây ở Hà Nội để có thể bắt tay có điều kiện với những người Pháp phái De Gaulle.

Tổng Bí thư Trường Chinh giao cho ông Mười Hương nhiệm vụ thông qua anh Vũ Quý trong Ban Cán sự Đảng Hà Nội tiếp xúc với trí thức sinh viên yêu nước, giúp họ thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam, đứng trong hàng ngũ Việt Minh để mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc. Sau Hội nghị Trung ương 8, đồng chí Trường Chinh bảo: “Phải mở rộng mặt trận. Đảng ta phải giúp tư sản, địa chủ lập ra đảng của họ. Cậu hay vào Hà Nội, chú ý lựa con cái họ đang là học sinh, sinh viên. Chọn những trí thức tốt, xuất sắc đưa lên”. Chính vì chủ trương này, Mười Hương đã giới thiệu để Trung ương chọn được anh Dương Đức Hiền. Anh là sinh viên luật, tốt nghiệp không lo làm giàu cá nhân mà tổ chức nhiều công tác xã hội. Bọn Nhật cũng chú ý muốn dùng anh, cho người của Cường Để liên lạc nhưng anh từ chối. Chính anh là người sáng lập ra Đảng Dân chủ.

Thực hiện chủ trương của Đảng, đồng chí Trường Chinh lãnh đạo thành lập Mặt trận dân chủ chống phát xít Nhật, tập hợp lực lượng rộng rãi để có thể bắt tay có điều kiện với những người Pháp phái De Gaulle. Thôi Hữu đã được cử đi bắt mối với Erwin Borchers, sau này mang bí danh Việt Nam là Chiến Sĩ. Borchers là một trí thức người Đức, thạo tiếng Pháp, vì trốn tránh phát xít nên đi lính lê dương cho Pháp. Anh cầm đầu một nhóm chiến sĩ quốc tế chống phát xít trong Tiểu đoàn 3, Trung đoàn bộ binh lê dương số 5 (5e REI). Sau khi Thôi Hữu bị bắt, người tiếp tục đi gặp Chiến Sĩ là anh Côn, cháu đồng chí Trịnh Đình Cửu, con một tham tá địa chính thân mình, sau này tham gia Đảng Xã hội Việt Nam. Trước khi cử Mười Hương đi móc nối với những chiến sĩ quốc tế này, chưa biết quan điểm chính trị của họ một cách rõ ràng, ông Trường Chinh đã dặn dò rất nhiều: “Cậu phải nhớ kỹ điều này: binh vận lính Tây là khó lắm. Tây hết sức chống phản gián. Nó bắt được là giết thôi”. Ông còn kể ra câu chuyện có một anh cảnh sát vì làm binh vận lính Tây bị lộ, đã bị chúng đánh chết ở Việt Trì. Lúc đó, Mười Hương còn trẻ. “Tôi chẳng biết sợ, chẳng nghĩ ngợi gì nhiều.” Thông qua

anh Côn, Mười Hương hẹn gặp một người trong nhóm của Borchers tên là Frey ở nhà hàng (sau này Frey lấy tên là Hồ Chí Dân, làm đến chức Phó Tư lệnh khu Năm của ta).

Ông Mười Hương nhớ lại: “Tháng 9 năm 1943, tôi được phái đi gặp Ernest Frey, sĩ quan lê dương, người Áo. Frey chạy trốn sang Pháp lúc quân Đức Quốc xã tiến vào Áo. Anh cho biết nhóm chiến sĩ lê dương chống phát xít có bốn người: Ngoài Chiến Sĩ và Frey còn có Gotvald, trung sĩ người Tiệp và Schroder, trí thức người Đức, giáo sư xã hội học. Họ đã liên lạc được với những người Pháp, Áo... tiến bộ, ghét phát xít và đã thành lập được nhóm Xã hội - Cộng sản do Louis Caput, trước là thanh tra học chính Đông Dương, cầm đầu”. Sau đó, Mười Hương còn móc nối được với một quan tư thầy thuốc ở nhà thương Đồn Thủy. Anh ta còn khoe trước làm thầy thuốc ở Côn Đảo, đã chữa trị cho Lê Hồng Phong khi ở tù bị bệnh. Qua viên bác sĩ này, sự móc nối càng thuận lợi hơn, mới thành cả một nhóm. “Ba Lan có - anh này đi mặt trận Thanh Hóa, hy sinh ở Lào khi ở trong hàng ngũ ta - người Tiệp, người Áo, người Đức, đủ cả. Có cả một người Đức lấy tên Việt Nam là Lê Đức Nhân. Anh Nhân này sau làm cho đài phát thanh của ta rồi mới về nước. Anh là cử nhân văn học”. Nhiệm vụ của tôi là giữ vững liên lạc với nhóm này, qua họ móc nối với Caput, thực hiện việc bắt tay có điều kiện với đám Pháp thân De Gaulle, tiến tới thành lập Mặt trận dân chủ chống phát xít ở Đông Dương”.

Khoảng năm 1944, sau khi anh Hoàng Văn Thụ bị xử bắn, Thường vụ Trung ương lúc đó chỉ còn hai người. Sau khi hội ý với ông Hoàng Quốc Việt, Tổng Bí thư Trường Chinh muốn đích thân gặp nhóm chiến sĩ quốc tế. Nhận nhiệm vụ tổ chức bố trí cuộc gặp này là Đội công tác của Mười Hương. Ông còn nhớ cuộc gặp ấy như sau: “Hôm ấy, tôi bố trí cho Chiến Sĩ (Borchers) đi xe đạp men theo đường ruộng lên Chèm, tới làng Vẽ, ra nghĩa địa phía sau làng. Đó là khu lăng mộ của dòng họ Phạm. Tôi đề nghị anh ta mặc đồ kaki vàng như một cai Tây lục lộ. Tôi cũng bố trí ở phía xa, vòng ngoài làng có các em chăn trâu canh gác. Để có cuộc gặp này, Borchers từ Việt Trì phải vờ cáo bệnh về nằm nhà thương Đồn Thủy (Lanessau - nay là Bệnh viện 108) chờ tôi đón đi. Anh Trường Chinh mặc bộ đồ xanh công

nhân bình thường. Hai người nói với nhau bằng tiếng Pháp, khẩu súng lục của anh Trường Chinh để kề bên.”

Ông Trường Chinh với Borchers (Chiến Sĩ) ngồi bên ngôi mộ mới xây trò chuyện. Borchers lúc đó đâu có biết mình đang nói chuyện với Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương. Anh chỉ thấy con người này hiểu biết, sôi nổi tranh luận, phân tích các vấn đề quốc tế, phân tích tình hình chiến tranh, lực lượng Nhật, Pháp và những mâu thuẫn không sao tránh khỏi. Borchers cũng say sưa trình bày về hoạt động của nhóm chiến sĩ lê dương chống phát xít. Cuối cuộc gặp đó, người Tổng Bí thư Đảng còn gửi qua Borchers một “thông điệp miệng” tới những người Pháp thân De Gaulle rằng Việt Minh sẵn sàng gặp họ để cùng tiến hành một liên minh chống phát xít.

Ông Mười Hương kể lại: “Một tuần sau khi gặp anh Trường Chinh, Borchers nói với chúng tôi: “Cuộc trò chuyện với đại diện của Việt Minh thật là tuyệt vời, để lại cho tôi một ấn tượng hết sức sâu sắc và đầy thuyết phục. Tôi đã được nói chuyện hết sức cởi mở với một người cộng sản Việt Nam đích thực, thông minh, có uy tín và cừ khôi nhất”. Buổi gặp gỡ cũng tác động mạnh đến chiến sĩ lê dương chống phát xít và bạn bè họ. Chính vì thế mà trong tháng 11 năm 1944, qua sự chấp nối của Chiến Sĩ và Caput, một cuộc gặp gỡ giữa những người của phái De Gaulle và Việt Minh được ấn định. Tôi và Chiến Sĩ được giao nhiệm vụ tổ chức, bố trí cuộc họp này.”

Để chuẩn bị cho chuyến đi gặp gỡ những người có tư tưởng chống phát xít trong đội quân lê dương của Tổng Bí thư Trường Chinh ngay giữa lòng Hà Nội, ông Mười Hương đã phải nghiên cứu, chuẩn bị rất kỹ. Đó là cuộc họp bí mật với đại diện những người Pháp thân De Gaulle ở Hà Nội, gồm cả Louis Caput thuộc đảng bộ Đảng Xã hội (SFIO), Chiến Sĩ (tức Borchers) và Frey, đại biểu các chiến sĩ lê dương chống phát xít. Tìm ra một cái nhà cho “Tây” đến mà không lọt vào mắt bọn mật thám Nhật, Pháp là điều rất khó. “Tôi bàn với phía các ông bạn Tây. Dù đó là những Tây De Gaulle nhưng không phải đơn giản như chúng ta gặp các nhà cách mạng có tổ chức. Không thể họp ở một nhà cơ sở, vì vẫn phải giữ nguyên tắc bí mật. Lúc đầu, viên Thiếu tá quân y Sâybeclic (người đã từng chữa trị cho Lê Hồng Phong

ở tù Côn Đảo) bàn hay là họp ngay trong phòng khám bệnh của anh ở nhà thương Đồn Thủy. Tôi vào tận nơi xem xét, thấy có điều bất tiện, nhất là phải đi qua nhiều phòng làm việc, xung quanh toàn Tây. Anh ta lại là trưởng khoa, kéo vào đó một lúc cả chục người, công người Việt nữa rất dễ lộ.”

Cuối cùng, Sâybeclic cũng tìm ra được một địa điểm phù hợp, lại hoàn toàn bất ngờ vì xung quanh là người Nhật ở cả. Đó là ngôi nhà số 16 phố Delorme (đường Trần Bình Trọng hiện nay). “Tôi về báo lại với anh Trường Chinh. Anh bảo: “Được đấy, cậu lo đi!”. Cái khó nhất còn lại là đoạn đường để đưa Tổng Bí thư từ An toàn khu về được Hà Nội an toàn.” Lúc đó, đưa Tổng Bí thư đi mà tôi không nghĩ nhiều đến nỗi sợ trách nhiệm. Giá như bây giờ thì chắc phải dựa vào nhiều ban, bộ, có khi lại sợ, ông làm sao, mình mất đầu.” Ngay chính đồng chí Trường Chinh cũng không ngần ngại. Đừng nói chuyện có ai đi thay!”. Ông nhất quyết thực hiện nhiệm vụ này.

Đó là vào cuối năm 1944, trời rét đậm, cái lạnh thấu xương của mùa đông Hà Nội. Ông Mười Hương chuẩn bị, kiểm tra thật kỹ chiếc xe hơi mà mình sẽ chở Tổng Bí thư Đảng vào nội thành. Đồng chí Trường Chinh cải trang làm lái buôn bè gỗ. Con đường này thường lái bè từ Việt Trì về qua lại nhiều. Họ chở nhau trên chiếc xe đạp, đi qua rất nhiều chặng có quân Nhật gác ở mỗi ngã ba, ở đình Nhật Tân. Có sự canh gác của các thiếu niên tiên phong ở Quảng Bá. Đến gần Hà Nội thì “ông lái bè miền ngược” thuê xe tay kéo. “Tôi đưa anh về thẳng nhà người em gái tôi ở Bến Nứa. Em gái tôi có chồng là Trần Duy Dưỡng, trung đội trưởng tự vệ, sau này hy sinh ngay những ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Anh Trường Chinh nghỉ ngơi, tắm giặt ở đó. Cơm chiều xong, tôi đưa anh tới nhà anh Phan Hiên (sau này làm Bộ trưởng Bộ Tư pháp). Bây giờ, anh Hiên đang học năm thứ ba trường luật. Tôi đến nhà Caput, gặp anh Đào Văn Mỹ, người được ta bố trí làm bồi cho Caput, để nắm thông tin, kiểm tra mọi việc lần cuối mới trở về Hàng Ngang, thuê xe tay cho anh Trường Chinh đi tới địa điểm họp.”

\*\*\*

Trước khi tới cuộc họp này, đồng chí Trường Chinh đã nói rõ cho ông Mươi Hương và Phan Hiền về chính sách của Đảng với những người Pháp thân De Gaulle ở Đông Dương. Những quan điểm này đã được chính đồng chí Trường Chinh viết trên tờ báo Cờ Giải Phóng. Mươi Hương sẽ tham dự cuộc họp này với danh nghĩa đại biểu cho thanh niên Việt Minh ở Hà Nội. Anh Phan Hiền là đại biểu cho sinh viên, trí thức. Đã được thỏa thuận trước với “những người bạn Tây” là suốt thời gian ở hội nghị, không ai được rời khỏi nhà. Ăn ở, vệ sinh đều ở trong ngôi nhà này, không ra phố.

“Khi Hà Nội vừa lên đèn, chúng tôi đến nơi. Borchers và Frey đã có mặt ở đó trước mười phút đón anh Trường Chinh. Thiếu tá quân y Sâybeclic ra tận cửa đón chúng tôi. Một lúc sau, Caput và Thiếu tá hậu cần Orioh cũng tới. Vừa trông thấy anh Trường Chinh, Louis Caput thốt lên ngạc nhiên:

- Đại diện Tổng bộ Việt Minh lại chính là toa à, cộng sản à?

Anh Trường Chinh tươi cười đáp:

- Vào giờ phút này, Việt Minh đã lớn mạnh rồi tập hợp trong hàng ngũ mình tất cả những người Việt Nam yêu nước. Tất nhiên trong đó có cả cộng sản. Và Việt Minh, vào giờ phút này đang đứng cùng một trận tuyến với các Đồng minh chiến đấu chống phát xít Nhật để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc mình.

Sở dĩ Caput ngạc nhiên vì trước đây đã từng làm việc với Trường Chinh, người cộng sản, thời kỳ ông làm báo công khai Mặt trận dân chủ. Lúc đó Caput là bí thư Đảng bộ Xã hội Pháp toàn Đông Dương (SFIO). Cuộc họp kỳ lạ ấy tất cả ngồi ở sàn nhà. Đồng chí Trường Chinh được mời phát biểu trước. Ông bắt đầu bài nói của mình đầy lịch lãm và hiểu biết sâu sắc. Ông vạch rõ tình hình diễn biến, sự xung đột không tránh khỏi một mất một còn hai bên Nhật - Pháp. Trước tình hình ấy, bốn phận của các chiến sĩ yêu hòa bình là phải liên minh với Mặt trận Việt Minh, đại diện của cách mạng Việt

Nam. Bài nói của ông sáng sủa, chặt chẽ khiến các chiến sĩ chống phát xít hiểu rõ và bắt đầu hàng loạt các câu hỏi.

Orioh hỏi:

- Các ông đặt ra những điều kiện cụ thể gì?

Ông Trường Chinh chỉ rõ:

- Năm quyền vẫn là Nhật nhưng người thực hiện vẫn là bộ máy của Pháp đã có từ lâu. Vậy những người bạn Tây có thể làm được một việc là hãy thả các tù chính trị.

Caput hỏi:

- Tù chính trị như loại nào, xin cho thí dụ.

Ông Trường Chinh:

- Như Bùi Lâm chẳng hạn. Đó là một chiến sĩ cách mạng bị tù ở Sơn La. Hoặc là việc này: Nhật chủ trương vơ vét kho thóc nhưng lính Pháp sẽ phải thi hành. Hãy lăn công, đừng tích cực thực hiện ý đồ Nhật bắt nông dân phá lúa trông đay được không?

- Cái gì làm được chúng tôi sẽ làm. Các anh đưa ra yêu cầu có lý đấy! - Những người bạn Tây nhận rõ khả năng của mình. Bởi nạn đói đã bắt đầu hoành hành. Sau nữa, họ có thể giúp Việt Minh vũ khí. Đến lượt Caput phát biểu, anh ta hoan nghênh lập trường của mặt trận Việt Minh và những người yêu nước Việt Nam đã thân thiện hợp tác chống phát xít.

Ông Trường Chinh đưa ra thêm các điều kiện: ngoài việc thứ nhất là thả tù chính trị, thứ hai là phía Pháp phải giảm bớt và tiến tới chấm dứt việc thu thóc tạ của dân để cung cấp cho Nhật. Nạn đói đã bắt đầu hoành hành rồi. Thứ ba là phải giúp cho Việt Minh vũ khí. Lúc đó, chúng ta đang thành lập nhiều đội quân du kích và nhiều đội quân vũ trang chống Nhật thành lập.

Louis Caput phát biểu, bộc lộ lòng khâm phục hoan nghênh thiện chí hợp tác. Anh ta cũng khẳng định những “người Pháp De Gaulle” dứt khoát đứng về phía đồng minh để chống phát xít Nhật. Nhưng theo quan điểm của Caput, anh ta không tin rằng Việt Minh có đủ sức chiến thắng hoàn toàn, vì vậy hãy đấu tranh giành quyền tự trị trước đã, rồi sau này mới tính đến độc lập như một quốc gia. Đến đây thì cuộc tranh luận trở nên sôi nổi. Đồng chí Trường Chinh khẳng định nhân dân Việt Nam đổ máu xương không phải để xin quyền tự trị (autonomie) mà là độc lập dân tộc thật sự. Độc lập dân tộc là khát vọng của người dân Việt Nam. Chúng tôi không thể bỏ mục tiêu ấy”.

\*\*\*

Về cuộc họp hôm đó, có một tình huống bất ngờ xảy ra: khoảng chín giờ tối, Louis Caput và Orioh xin phép được ra ngoài 15 phút. “Tôi hỏi nhỏ anh Trường Chinh: “Anh thấy sao?” “Chắc họ đi xin chỉ thị.” - anh Trường Chinh phỏng đoán. Tôi bảo họ: “Hãy hỏi ý kiến me-xù” đại diện Việt Minh xem ông có đồng ý không?” Suy nghĩ một thoáng, anh Trường Chinh bảo họ cứ đi. Việc quyết định này rõ ràng bất ngờ. Đúng 15 phút sau, hai người đó trở lại. Tôi nhẹ cả người!”

Cuộc họp lại tiếp tục. Caput thay mặt phía Pháp thân De Gaulle hứa ghi nhận các vấn đề và sẽ báo cáo xin ý kiến tướng Moóc-đăng, người đứng đầu những người Pháp thân De Gaulle ở Hà Nội, đại diện của chính phủ lâm thời nước Pháp tự do. Mãi 11 giờ đêm cuộc họp mới kết thúc. Mười Hương cùng viên thiếu tá quân y xuống quan sát trước. Hà Nội về khuya yên tĩnh. Những người bạn bắt tay anh Trường Chinh và hai người cán bộ đi cùng. Phong cách của đồng chí Trường Chinh với lập luận sâu sắc, lòng

nhật thành yêu nước và lời nói tiếng Pháp chuẩn xác đã hoàn toàn thu phục họ, mặc dù sau này sự liên kết với phái De Gaulle không được như mong muốn. Phái De Gaulle ở chính quốc tỏ rõ xu hướng đế quốc, không thừa nhận sự liên minh do Đảng Cộng sản Đông Dương đặt ra, nhưng hình ảnh một lãnh đạo cộng sản chân chính của buổi họp ấy đã làm thay đổi nhiều hành động của các chiến sĩ hòa bình hôm ấy. Nhiều người đã đứng trong hàng ngũ kháng chiến của Việt Nam sau này như những đảng viên Cộng sản Việt Nam thật sự.

“Sau cuộc họp, tôi đi theo anh Trường Chinh về phía đầu hồ Hale (Thiền Quang bây giờ). Anh Trường Chinh không có điều kiện quay lại ngôi nhà ở phố Hàng Ngang. Anh gửi lời chào và cảm ơn cụ Cử, mẹ anh Phan Hiền, đã tiếp đón tận tình. Rồi anh hẹn sẽ gặp tôi ở An toàn khu. Anh thuê xích lô đi một hướng khác, sau này anh cho biết là anh đến chỗ anh Trịnh Văn Phú, người trước đây làm báo tiếng Pháp le Travail (Lao Động) do anh phụ trách.”

Câu chuyện của ông Mười Hương kể về những cái tên người nước ngoài đã cùng Việt Nam chống phát xít đưa chúng ta về năm 1943-1944, cách nay nửa thế kỷ. Những tên người xa xôi ở nhiều quốc gia ấy tưởng là chuyện của lịch sử. Vậy mà không! Ông Mười Hương bảo:

“Vừa rồi, anh Lưu Văn Lợi (nguyên trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao) bảo có người con của Frey vừa sang Việt Nam tìm tôi và các đồng chí. Còn Chiến Sĩ - Borchers có vợ con ở Quảng Ninh đã theo chồng về Đức. Khi tôi sang Đức có tới thăm. Năm nay anh ấy đã ngoài 90, không rõ còn không. Một anh nữa là kỹ sư địa chất làm Sở mỏ Pháp dạo ấy, nay mở hiệu thuốc ở Áo. Một người con của Chiến Sĩ - Borchers thì đã trở thành một họa sĩ ở Đức, còn một người con gái của Chiến Sĩ - Borchers hiện nay đang dạy học ở Hà Nội.”

\*\*\*

Một nhiệm vụ khác không kém quan trọng mà Mười Hương được giao trong thời gian này là phải liên hệ, tìm tòi để nắm các nguồn tin có lợi cho cách mạng.

Anh phải liên lạc với anh Nguyễn Tạo. Nguyễn Tạo và Hoàng Xuân Hãn đều có cha là hai cụ tú tài Nho học cùng quê ở Đức Thọ, Hà Tĩnh. Hơn nữa, ông Hoàng Xuân Hãn còn là anh rể của Nguyễn Tạo, họ là những người bạn quen thân nhau từ bé. Ông Tạo đã vượt ngục lần thứ hai ở Bắc Mưu (Buôn Ma Thuột) cuối năm 1942 và ra Bắc để thăm dò tin tức tìm nối lại với cơ sở cũ. Qua mối quan hệ với Nguyễn Tạo - Hoàng Xuân Hãn, anh thanh niên Mười Hương thu thập được nhiều tin tức quan trọng. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn quen biết Komatsur, Viện phó Viện Văn hóa Nhật. Chính giáo sư cho ông Nguyễn Tạo biết Komatsur nói y sắp về nước vì thời kỳ hoạt động văn hóa đã xong, nay tới lượt các hoạt động của nhà quân sự. Những tin tức như thế đã qua cán bộ Công tác đội Mười Hương nhạy cảm và sáng trí giúp lãnh đạo biết được sự thay đổi chiến lược của kẻ thù. Mười Hương cũng thường xuyên giữ mối liên hệ chặt chẽ là anh Lê Tư Huyền, một trí thức trẻ do anh Lưu Văn Lợi giới thiệu. Anh Huyền là con một nhà Nho yêu nước - là cơ sở của ta ở Phúc Yên, sau này là Chủ tịch huyện Kim Anh (trong khu căn cứ). Huyền rất giỏi sinh ngữ, được chọn làm phiên dịch và được Komatsur tin dùng. Chính anh Huyền đã cung cấp cho Mười Hương những động thái đáng chú ý của quân Nhật, vào một thời điểm rất quan trọng là tháng 3 năm 1945. Trong các doanh trại quân Nhật ở Hà Nội đang có hoạt động ráo riết. Sĩ quan và binh lính được phát 10 ngày lương khô, tăng cường vũ khí, đạn dược. Có cả lệnh cấm trại. Có cả tin Nhật phân phát súng cho cả thân Nhật Đại Việt.

Nhưng tin tức này lập tức được Mười Hương chuyển tới đồng chí Trường Chinh vào sáng ngày 6 tháng 3 năm 1945, thời điểm sát giờ phút xảy ra đảo chính Nhật hất cẳng Pháp. “Nghe tôi báo cáo xong, anh Trường Chinh cả cười, nói: “Nhật nó sắp lật đổ thằng Pháp đến nơi rồi”. Những dấu hiệu ấy khẳng định thêm nhận định tình hình của Đảng ta. Đồng chí Trường Chinh phái Mười Hương vào ngay nội thành thu thập nắm sát thêm tin tức, củng cố cơ sở và chuẩn bị cho một tình hình thay đổi chắc chắn sắp xảy ra.

Cái giờ phút lịch sử mà ngày nay chúng ta đều biết về cuộc đảo chính Nhật hất Pháp này, và về đường lối của Đảng Cộng sản qua chỉ thị mang tính lịch sử Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta. Nhưng qua hồi tưởng đầy tính tư liệu của ông Mười Hương chúng ta sẽ như được sống lại và chứng kiến giây phút lịch sử đó với những chi tiết thật xác thực đã trôi qua trong đời ông.

“Ngay sau đó, anh Trường Chinh viết giấy triệu tập hỏa tốc Hội nghị Thường vụ Trung ương mở rộng. Cuộc họp lịch sử này được tổ chức vào chiều tối ngày 9 tháng 3 năm 1945. Nơi được chọn làm địa điểm họp là chùa Đồng Kỵ, xã Đồng Quang, Tiêu Sơn (cách ga Từ Sơn khoảng 2 km).

Chập tối, các đại biểu có mặt dưới nhà ngang, chỉ trừ anh Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương lúc đó vì bận đi công tác nước ngoài nên không dự được. Cuộc họp Thường vụ Trung ương mở rộng, ngoài Tổng Bí thư Trường Chinh còn có hai anh Nguyễn Lương Bằng và Lê Đức Thọ là hai ủy viên Trung ương mới được bổ sung. Anh Nguyễn Văn Trân, trước phụ trách Ban Công vận Trung ương, mới được chỉ định làm Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ. Nhưng chưa kịp họp, bỗng nghe tiếng gõ cửa gấp gáp. Rõ ràng là có chuyện rồi. Thấy lấp loáng có ánh đèn pin, sư cụ Phạm Thông Hòa cho chú tiểu ra mở cửa, rồi bước ra sân cất tiếng chào khách:

- Chào thầy phó, thầy chánh trương. Mời các thầy vào chơi.

- Nhà chùa hôm nay có việc gì mà đông khách thế?

Sư cụ bình tĩnh trả lời: “À, đó là mấy ông thợ sơn đến tô tượng cho nhà chùa mấy hôm trước. Hôm nay xong việc, các ông đến tính toán tiền nong rồi ra về cả rồi!”

Viên phó lý và trương tuần chào sư cụ rồi ra về.

Thấy họp ở đây không thật an toàn, anh Trường Chinh quyết định dời cuộc họp về địa điểm dự bị tại làng Đình Bảng. Sau khi nói cho sư cụ biết sẽ không họp ở đây nữa, các anh lẳng lẳng đi ra sau vườn. Ở đó có một rặng tre già, khá um tùm, bên dưới có một lỗ hổng rộng. Các đại biểu theo chân nhau, lần lượt thoát ra khỏi rặng tre, đi theo anh cán bộ Công tác đội bảo vệ cuộc họp tên là Nguyễn Trọng Tĩnh, để về phía Đình Bảng.

Khi đến gần rừng Sặt (nay là trường Đại học Thể dục Thể thao) thuộc địa phận làng Trang Liệt, chỉ còn vượt qua đường xe lửa là vào làng Đình Bảng thì bỗng nghe tiếng súng nổ rất dữ dội từ phía Hà Nội. Anh Trường Chinh vui sướng reo lên:

- Nhật Pháp bắn nhau rồi, anh em ơi!

Lúc đó, vào khoảng 20 giờ 30 phút tối ngày 9 tháng 3 năm 1945.

Đã có sự chuẩn bị chu đáo từ trước, anh Nguyễn Trọng Tĩnh và anh Lim, hai con trai ông Đám Thi đưa các đại biểu về họp ở nhà thờ tổ họ Nguyễn Tiến, ngay sát nhà ông Đám Thi. Công tác đội bố trí người canh gác cẩn thận. Anh Trường Chinh nhắc anh Tĩnh đi gặp Bí thư Chi bộ Đình Bảng chọn ngay mấy thanh niên học sinh nhanh nhẹn, tháo vát, đạp xe băng qua cầu Sông Cái sang bên Hà Nội làm nhiệm vụ thu thập tin tức.”

Chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” đã được chuyển đi khắp cả nước qua mạng lưới giao thông của Công tác đội. Ông Mười Hương còn làm nhiệm vụ bố trí cho đồng chí Trường Chinh gặp một đại biểu từ Sài Gòn ra. Đó là anh Trịnh Xuân Cảnh do Xứ ủy Nam Kỳ phái ra báo cáo với Thường vụ Trung ương. Cuộc gặp gỡ được bố trí ở Thượng Cát (Gia Lâm). Những tin tức về đời sống của nhân dân miền Nam, tình hình hoạt động của Đảng bộ Nam Kỳ được anh Cảnh trực tiếp báo cáo với đồng

chí Trường Chinh và cũng chính cuộc gặp này, anh Cảnh được đồng chí Trường Chinh trực tiếp giao bản chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” để đem vào miền Nam.

Cùng thời gian đó, chị Kỳ (vợ đồng chí Văn Tiến Dũng) là cán bộ Công tác đội đảm nhiệm một đường dây khác vào Nam. Đó là vào dịp Xứ ủy Nam Kỳ cử anh Lý Chính Thắng (là cháu đồng chí Hà Huy Giáp) ra bắt liên lạc với Trung ương và lúc trở về, chị Kỳ đã đi cùng, đem theo chỉ thị đó vào Nam giao cho đồng chí Ung Văn Khiêm và Hà Huy Giáp.

Về thời điểm lịch sử trước cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại này, sử sách đã ghi. Nhưng trong ký ức cá nhân ông Mười Hương được ghi chép lại như sau:

“Nhật đã hất cẳng Pháp như thế nào?

Vào 6 giờ chiều ngày 9/3/1945, đại sứ Nhật Matsumoto cùng lãnh sự Kono đã đến gặp Toàn quyền Đờ-cu tại phủ toàn quyền trao một tối hậu thư đòi các lực lượng vũ trang Pháp phải đặt dưới quyền chỉ huy của Nhật. Mọi phương tiện giao thông, cơ quan ngân hàng, hành chính đều phải trao cho Nhật. Nhưng thật ra Nhật lúc này cũng ở thế không dễ dàng gì. Đông Dương có thể là hợp điểm rút lui của đại quân Nhật dưới chiến thắng của Đồng minh. Ba ngày trước, Manila thủ đô của Philippine đã rơi vào tay Mỹ. Hai ngày trước, ổ chiến đấu cuối cùng của quân Nhật giữa đại dương là đảo Corrigedor cũng đã hạ vũ khí. Theo tối hậu thư, trong vòng hai tiếng đồng hồ, quân Nhật điều quân rậm rịch khắp nơi. Nhận được sự trả lời sao đó, Nhật cho rằng Đờ-cu đã bác bỏ tối hậu thư và từ 20 giờ 30 phút tối 9/3, tiếng súng đảo chính của Nhật đã nổ ra cùng một lúc từ Sài Gòn, Hà Nội và tất cả những nơi có quân Pháp đóng trên toàn Đông Dương. Bảy giờ, thực ra lực lượng quân Pháp đông hơn Nhật. Cuộc đảo chính diễn ra rất ác liệt ở Hà Nội. Trong thành, Pháp chỉ để 450 quân. Cuộc đọ súng kéo dài suốt đêm, đến gần sáng thì quân Pháp hạ vũ khí đầu hàng. Suốt ngày 10 và đêm 11/3 đài phát thanh Tokyo loan tin Pháp đầu hàng và danh sách các nhân vật

chóp bu của Pháp từ Đô đốc toàn quyền Đờ-cu, Tư lệnh quân đội Aymé, tướng về hưu Mooc-dăng, cho đến chánh mật thám Acnu và viên chức các cấp bị tước quyền và bị bắt.

Ngay trong đêm 9/3 ấy, hội nghị Thường vụ Trung ương mở rộng do Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì, sôi nổi và hào hứng thảo luận bản dự thảo do chính anh Trường Chinh viết, chỉ thị: Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.” Vì tình thế đang gấp nên hội nghị không kéo dài, anh Trường Chinh căn dặn các đại biểu ra về cứ theo tinh thần của chỉ thị mà Thường vụ Trung ương đã kết luận để về phổ biến, tiến hành. Chỉ thị sẽ được in gửi tới sau. Ngay sáng 10/3 anh Trường Chinh về ngay làng Viên Nội (Đông Anh) ngồi viết lại hoàn chỉnh văn kiện này. Cơ quan in báo Cờ Giải Phóng đóng ở Viên Nội và nơi in typô Trần Phú ở Tráng Việt (Phúc Yên) được huy động tập trung vào việc in cấp tốc hàng ngàn bản. Chỉ thị lịch sử đã ra đời như thế, đến ngày 12/3/1945. Đó cũng là ngày chính thức phát hành rộng rãi văn kiện này.

Tôi ở nội thành, qua các nguồn tin nắm được, biết các chiến sĩ lê dương chống phát xít như E. Boocso, E. Phray và Srodơ bị kẹt ở Hà Nội, bị Nhật bắt giam. Còn Gótvan một trung sĩ lê dương người Tiệp thì mất tích.”

Cũng chính ngày 12/3 đó, được sự đạo diễn của Nhật tại Hà Nội, bọn phản động Đại Việt Quốc gia liên minh (tập hợp phần tử thân Nhật) tổ chức một cuộc mít tinh không giống ai. Bọn diễn giả mặc áo mưa, đi bột Nhật đứng dưới mái hiên quán rượu Tavéc Roayan (nay là nhà triển lãm đường Đinh Tiên Hoàng) tập tọng diễn thuyết chính trị. Cờ quạt không có. Người tò mò đến xem chứ không dự, đứng không hàng lối ở các ngã tư Tràng Tiền, Hàng Khay. Xe tay đứng lẫn người, thỉnh thoảng lại dạt ra khi có xe hơi nhà binh Nhật chạy qua.

Trong một khung cảnh ngược lại:

Chỉ thị đến đúng lúc học sinh, sinh viên Hà Nội tổ chức kỷ niệm Hai Bà Trưng, có tới năm vạn người tham gia biểu tình, tinh thần yêu nước đang rạo rực hơn bao giờ hết.

Nhưng lúc đó nạn đói khủng khiếp bắt đầu diễn ra. Hàng ngày, nông dân một vùng đồng bằng rộng lớn không có ăn, lũ lượt kéo về thành phố tìm đường sống. Xác người chết đói mỗi sớm mai nằm la liệt trên vỉa hè, trong vườn hoa, trong các hầm trú ẩn tránh máy bay xung quanh Hồ Gươm. “Chính mắt tôi trông thấy đồng bào đói, tay không xông vào cướp xe gạo của Nhật mặc cho có hiến binh đi áp tải, ngay trước đền Bà Kiệu. Trong tình hình đó, chủ trương “phá kho thóc giải quyết nạn đói” của Đảng đã đáp ứng và đẩy lên một phong trào mạnh mẽ chưa từng thấy.”

Vào khoảng tháng 4 năm 1945, Mươi Hương được lệnh từ nội thành ra An toàn khu để gặp đồng chí Trường Chinh. Có một việc cần giải quyết là Trung ương cần một bác sĩ với một số thuốc men để đưa lên chiến khu. Do công tác cơ sở nhiều ở trong thành Hà Nội nên Mươi Hương quen biết các bác sĩ và sinh viên trường y như Trần Duy Hưng, Vũ Văn Cần, Nguyễn Xuân Bích. Họ là các thầy thuốc giỏi, có phòng khám bệnh tư. Có cả bác sĩ Lê Văn Chánh, người miền Nam, sống nhiều năm ở Lào nên còn biệt danh là Chánh Lào. Thuốc men thì có các cơ sở của ông Mươi Hương xây dựng ở kho nhà Đoan và một số cơ sở khác sẵn sàng ủng hộ cách mạng, như các hiệu thuốc của dược sĩ Thảm Hoàng Tín, Đỗ Tất Lợi... Cũng từ đó, đồng chí Trường Chinh chỉ cho Mươi Hương thấy các điều kiện tốt có thể vận động bác sĩ Lê Văn Chánh. Bác sĩ Chánh là một thanh niên trí thức yêu nước, đã chấp nhận từ bỏ đô thành, với một bộ đồ mỏng nhẹ và một số thuốc cần thiết đã thoát ly, đi lên Việt Bắc. Người cán bộ Công tác đội như Mươi Hương lúc đó làm đủ mọi việc mà cách mạng cần, từ việc bảo vệ, tổ chức cơ sở, nắm thông tin, đôi khi triển khai công tác nội dung, vận động các giới, cho đến cả việc tổ chức những chuyến đi. Chính ông đã được giao việc tổ chức chuyến đi cho các đại biểu dự Quốc dân Đại hội Tân Trào. Đại biểu lúc đó rất nhiều thành phần tiêu biểu trong xã hội. Ông Hoàng Đạo Thúy lúc đó là một nhà sư phạm, thủ lĩnh phong trào Hướng đạo Việt Nam tại Bắc Kỳ. Lúc đó các tên tuổi như Khuất Duy Tiến, Nguyễn Hữu Đang,

Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng là đại biểu của Hội Văn hóa cứu quốc. Đại biểu của Đảng Dân chủ có Dương Đức Hiền, Thanh Thủy, Vũ Đình Hòe. Nhà thơ Huy Cận, đại biểu cho giới trí thức.

Đến tháng 7 năm 1945 thì đồng chí Trường Chinh và các ủy viên Trung ương Đảng lên đường đi Tân Trào họp Hội nghị toàn quốc của Đảng.

Ông Mười Hương kể: “Trước khi đi Tân Trào, anh Trường Chinh căn dặn tôi:

- Công việc của anh lúc này vẫn phải bám sát Hà Nội, giữ liên lạc chặt chẽ với anh Nguyễn Khang, Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, phụ trách Hà Nội. Mọi việc xảy ra ở Hà Nội đều tác động đến cả nước. Các cơ sở cách mạng của Trung ương ở Hà Nội có vai trò quan trọng. Công tác ở Hà Nội, phải lo củng cố và giữ vững những cơ sở đó. Ở Hà Nội, anh giúp được gì cho Thành ủy thì cố gắng mà làm cho tốt. Nhưng phải nhớ, anh là cán bộ của Trung ương cắm tại địa bàn Hà Nội, không được tham gia lãnh đạo Hà Nội. Để rồi đây còn tập trung vào làm công tác đột xuất của Trung ương trong bước ngoặt lịch sử sắp diễn ra nay mai.”

#### **IV. Tham gia làm báo Đảng ở chiến khu Việt Bắc**

Điều kiện công tác đã đưa đến cuộc đời của ông Mười Hương rất nhiều mảng sống khác nhau. Làm ở Đội công tác đặc biệt lo cho Trung ương Đảng thời kỳ trứng nước. Hoạt động văn hóa, quen rất nhiều văn nghệ sĩ, trí thức lớn. Và công việc cũng đưa ông gắn liền với sự ra đời của những tờ báo Đảng trong những năm đầu. Chính Tổng Bí thư Trường Chinh và ông Nguyễn Lương Bằng giao cho ông Mười Hương đi tìm địa điểm cho tờ báo, cho nhà in, tìm những nhà in nào có thể đưa in báo. Nhiều khi ông phải lo cơ sở vật chất mà không được giao một xu.

Báo chí ngày ấy là một dẫn chứng sinh động nhất cho việc đóng góp quan trọng vào cuộc kháng chiến. Ngày 10 tháng 10 năm 1942 Thường vụ Trung ương quyết định xuất bản số 1 báo Cờ Giải Phóng. Những tờ báo ban đầu có khi chỉ vài lãnh tụ trực tiếp viết. Những tên tuổi như Trường Chinh, Lê Quang Đạo, Lê Liêm, Lê Toàn Thư... không chỉ là cán bộ lãnh đạo của Đảng, mà còn là những cây bút đóng góp bằng tất cả sự sáng tạo, lòng yêu đất nước, cất lên tiếng nói sắc sảo của thời kỳ đấu tranh cách mạng. Họ dùng tờ báo làm vũ khí sắc bén để tuyên truyền, vận động, tổ chức và lãnh đạo đấu tranh cách mạng.

Là một người có tham gia lo cho công việc ra báo của Đảng những năm đầu cách mạng - một nội dung của cán bộ Công tác đội, nên ông Mười Hương gần như “một người trong giới báo chí”. Ông biết khá rõ công việc ra báo Đảng như thế nào, vì cơ quan in ấn thường được Công tác đội bố trí ở sát bên Thường vụ Trung ương.

Cơ quan in bí mật của Trung ương được chuẩn bị từ khi Đảng còn hoạt động công khai thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Nhưng việc in ấn tài liệu từ thời bí mật không có hội nghị phổ biến nghị quyết mà chỉ do hệ thống giao thông bí mật chuyển đi, cho đến khi Đảng có cơ quan in ấn, nỗi khó khăn luôn chồng chất. Đảng không có tiền, cho nên ngay khi gọi là cơ quan in ấn có máy móc rồi cũng vẫn trông vào sự ủng hộ của nhân dân. Từ chỗ in bằng thạch, bằng đất sét, bằng đá hoặc giấy nên cho đến khi xuất bản số 1 các tờ

Cứu Quốc và Cờ Giải Phóng, “nhà in” báo Đảng phải chạy giặc bao phen. Báo Đảng năm 1943 lấy tên là Cứu Quốc - tờ báo là cơ quan tuyên truyền và tranh đấu của Tổng bộ Việt Minh, do trực tiếp Tổng Bí thư phụ trách. Cơ quan in báo Đảng thời đó không có trụ sở tòa báo bao giờ, mà địa điểm của nó nghe thật khiêm nhường và rất đặc trưng cho hoạt động của Đảng trong lòng dân. Cơ quan in báo Đảng lúc đầu đặt tại nhà bà Hai Lân ở làng Vạn Phúc, thị xã Hà Đông. Nếu giờ tờ báo Cứu Quốc hoặc Cờ Giải Phóng sẽ thấy ghi tên nhà in Phan Đình Phùng và Trần Phú. Nhưng ngày nay, với tất cả các phương tiện in ấn hiện đại, hoặc ngay những thời kỳ trước đây, không ai có thể hình dung ra “nhà in” của báo Đảng chỉ là một cơ sở gọn nhẹ có ba người. Phương cách kỹ thuật cũng chỉ in ly-tô như cách thời đó in các tài liệu, truyền đơn. Những phiến đá mỏng được mài sạch, viết chữ ngược bằng mực đặc biệt, rồi đặt từng tờ giấy nhỏ, hẹp lên trên, rồi dùng con lăn in ra từng tờ. “Hồi ký của anh Nguyễn Lương Hoàng có nói đến anh Nguyễn Văn Trân và Lê Viên là hai người đã in số báo Cờ Giải Phóng đầu tiên. Một thời gian sau, hai anh Trân và Viên bị bắt ở Hà Đông. Cơ quan bị vỡ, hai tờ báo cũng lao đao chạy hết chỗ này đến chỗ kia. Gần một năm sau mới thành lập được cơ quan mới do anh Phạm Đức Khiêm phụ trách. Sau đó báo đã tiếp tục ra số 2, số 3 và một số báo khác như Kèn Gọi Lính, Lao Động”... “Nhà in” chuyển liên tục, khi thì ở Thượng Cát, lúc chạy tới Vĩng La, lúc ở nhà anh Liễu ở Liễu Khê (Thuận Thành, Bắc Ninh) lúc lại chuyển sang nhà anh Diêu. Thời kỳ ở nhà ông Khán Thủ, dịp Tết Giáp Thân 1944 đồng chí Trường Chinh đã về cơ quan in trực tiếp chỉ đạo làm báo Cứu Quốc số Tết với bài vở đặc sắc. Có lúc nhà in báo Đảng chuyển về Viên Nội (Đông Anh). Trong hồi ký của chị Trần Thị Sáu - một người tiền nhiệm lo “hậu cần” cho báo Đảng thì có những thời kỳ chị đi rất nhiều nơi để tìm địa điểm trú quân cho Công tác đội, nhà in báo Đảng và cơ quan Thường vụ Trung ương. Ở Viên Nội, cơ quan báo Đảng trụ tại nhà anh Tiệm, làm nghề đậu phụ. Phải một năm sau Cờ Giải Phóng mới có một cơ quan in dã chiến sắp chữ đúc chì, đặt trang và lên khuôn. Có lẽ đó là do các đội viên của Đội công tác làm công tác vận động các hội viên cứu quốc làm việc ở các nhà in lớn của tư sản Pháp ở Hà Nội giúp. Nhờ có máy móc, vật liệu này mà báo Đảng in theo lối thủ công mà đẹp không thua các ấn phẩm báo chí của bọn Pháp, Nhật. In đẹp tới mức các anh còn nhận in thêm danh thiếp để lấy tiền sống và hoạt động. Chiếc máy in ly-tô thủ công tự tạo này có sự đóng góp lớn của hai anh Phạm Đức Khiêm và Nguyễn Lương Hoàng, nay đang được

trưng bày tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Đó cũng là sáng kiến chế tạo của một anh đảng viên công nhân tên là Nguyễn Trọng Kiên (tức Long) làm việc tại nhà in Viễn Đông của tư sản Pháp (anh Kiên đã hy sinh trong thời kỳ chống Pháp). Theo lời đồng chí Trường Chinh sau này nhớ lại thì nhà in ty-pô của Đảng ra đời trong thời gian Đại chiến Thế giới lần thứ hai, nước ta dưới hai tầng áp bức của phát xít Nhật - Pháp. Nhà in đóng ở làng Tráng Việt, huyện Yên Lãng, Phúc Yên (nay là huyện Mê Linh, Vĩnh Phúc), tại nhà cụ Ngô Văn Phán - một gia đình yêu nước do đồng chí Lê Quang Đạo phát hiện từ đầu những năm 1940. Cụ Phán là một lão nông nghèo, cả gia đình, con trai, con dâu, các cháu đều có ý thức bảo vệ bí mật và đã trở thành gia đình cơ sở cách mạng vững chắc. Nơi đây, đồng chí Trường Chinh đã qua lại nhiều lần. Công tác đội đã chọn nhà người con trai cụ Phán để làm nơi ở cho đồng chí Trường Chinh khi lui tới viết bài và làm công việc của một Tổng biên tập chăm lo cho cả số báo. Nếu chúng ta biết rằng nơi ở đó không phải trên rừng thẳm làng xa, mà đó chỉ cách Phủ Toàn quyền Đông Dương - hang ổ của toàn quyền Đờ-cu, và cách đại bản doanh của tướng Tsuchibashi Tư lệnh Tập đoàn quân 38 của Nhật ở Đồn Thủy, Hà Nội chỉ hơn chục cây số đường chim bay, mới hiểu hết lòng dân bảo vệ Đảng thế nào. Những tờ báo ngày càng đẹp và phong phú. Một trong những ấn phẩm công phu nhất: được in ty-pô là “Đặc san Cứu Quốc về vấn đề hải ngoại” có đăng thư của Tổng bộ Việt Minh gửi cho các đoàn thể cách mạng của Việt kiều ở hải ngoại. Tờ đặc san đó xuất bản vào cuối tháng 10 năm 1944 với bao công sức. Đặc biệt chẳng ở xứ nào có cảnh làm báo phải “dinh” cả nhà in lên gác chuồng trâu để đảm bảo an toàn. Những bài báo do chính đồng chí Trường Chinh viết chứa đầy nhiệt huyết của một Đảng có tầm nhìn chiến lược và tư duy khoa học nhạy bén. Lịch sử cách mạng cũng như lịch sử báo chí sẽ còn được đánh dấu bằng những bài xã luận do chính các lãnh tụ cao nhất viết. “Phải tiến gấp”, xã luận đăng trên số 6 báo Cờ Giải Phóng và “Cái nhọt bọc sẽ phải vỡ mủ” xã luận trên số 7 có nhận định và định hướng chính xác cho phong trào vào những thời khắc quyết định. Nó giống như những bài hịch kêu gọi trước giờ xung trận.

Đó là những hoạt động của thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Mãi sau này báo vẫn ra hàng ngày cho đến khi bắt đầu cuộc kháng chiến chống Pháp thời kỳ 1946. Nhà nước cách mạng non trẻ bước vào kháng

chiến, trong lúc gieo neo, Đảng Cộng sản phải rút vào bí mật và tuyên bố ngưng hoạt động. “Có một cuộc họp báo lần đầu tiên ông Trường Chinh ra mắt báo chí. Cuộc họp đó ở nhà Khai Trí Tiến Đức, nơi có câu lạc bộ của đám quan chức thường đến đó đánh tổ tôm. Lúc đó, anh Lưu Văn Lợi, Trưởng Ty Thông tin Bắc bộ, bảo tôi phát giấy mời. Tôi phải mời hết các đám có quan điểm không tốt như tờ báo của đám Việt Cách, Việt Nam Quốc Dân đảng. Lúc đó tờ Việt Nam của nhóm Việt Quốc in ở nhà in Ngày Nay của Tự Lực văn đoàn ở Quan Thánh. Tờ Thiết Thực của nhóm Việt Cách in ở Ngũ Xá, ăn nói lời lẽ rất thô bỉ. Tôi cứ lo là họ sẽ nói năng như vậy tại cuộc họp báo nhưng may sao, cuộc họp báo cũng trót lọt”.

\*\*\*

Sau khi ở Pháp dự hội nghị Fontainebleau về, Bác Hồ nhận định khi họp Thường vụ Trung ương: Ta đã cố níu kéo nhưng giặc Pháp không chịu. Nhân dân Pháp rất tốt nhưng nhà cầm quyền chắc chắn sẽ gây chiến tranh. Chính phủ sẽ phải dời đi, phải làm bí mật và từng bước. Bác cho hướng nên xây dựng căn cứ chính phủ ở đâu “Trước cách mạng chúng ta đã từ Việt Bắc mà thắng lợi, nay kháng chiến chính phủ ta cũng nên rút về Việt Bắc”. Bác dặn dò kỹ lưỡng hai việc. Thứ nhất, phải hết sức bí mật để giữ quyền chủ động, bảo đảm thế bất ngờ. Thứ hai, lên Việt Bắc bộ đội phải cùng dân tăng gia. Dân no mình cũng no. Nhưng muối mới là vấn đề gay go nhất. “Vàng bạc các chú có thể để lại. Nhưng muối thì nhất định phải mang đi. Chúng ta không biết sẽ đi bao lâu. Phải mang muối đủ cho năm năm, mười năm.” Bác giao ông Cả Nguyễn Lương Bằng là trưởng Ban Giao thông Liên lạc An toàn khu (GLA). Các thành viên khác có ông Trần Đăng Ninh, Trần Quốc Hoàn và Mùì Hương. Ban này lo việc “dời đô”: sơ tán nhà nước lên chiến khu Việt Bắc theo từng bước.

Hà Nội bước vào cuộc kháng chiến. Chính phủ rút lên Việt Bắc, chuẩn bị kháng chiến trường kỳ. Ngày Chính phủ cách mạng bước vào thời kỳ kháng chiến ấy, ông Mùì Hương lúc đó được giao nhiệm vụ giúp đồng chí Nguyễn Lương Bằng chuyển hậu cần đưa muối, thuốc, máy móc lên Việt Bắc. Trước tiên phải lo dời đồ đạc, vật tư, kho tàng lên trạm trung chuyển.

“Chúng tôi đưa các thứ ra Vân Đình để tìm cách lên Tuyên Quang, rồi Chiêm Hóa, vượt sông Lô. Lúc tôi đi pháo ở pháo đài Láng bắt đầu bắn ra Hà Nội. Lúc tôi dọn chuyển xe cuối cùng đưa máy in báo Nhân Dân hơn bảy giờ tối ra đến Ngã Tư Sở là pháo nổ gần chỗ chúng tôi vừa dọn đi. Tôi cũng vận chuyển lên Việt Bắc được 2.000 tấn muối. “Thời kỳ này ông Mười Hương có một kỷ niệm với Bác Hồ. Lần ấy ông dùng ô tô đưa ông Nguyễn Lương Bằng lúc này đang phụ trách Tổng bộ Việt Minh lên kiểm tra một kho trung chuyển ở Xuân Mai - Hòa Bình. 9 giờ đã kiểm tra xong, nhưng theo nguyên tắc an toàn tránh máy bay địch phát hiện, phải đợi trời tối mới được đi. Nhìn một ngày chờ đợi trong khi công việc quá khẩn trương, anh thanh niên Mười Hương bàn tính cứ đi về vào ban ngày, bởi con đường không xa lắm, lại chỉ có khoảng 5 km đi giữa cánh đồng, còn thì toàn đường rừng.

“Xe mới phóng khỏi rừng để xuống đoạn đường đi giữa cánh đồng thì anh lái xe kêu có máy bay và phanh lại. Hai máy bay của địch xuất hiện. Tôi mở cửa bên phải để ông Bằng chạy nhào xuống. Phần tôi cũng nhảy xuống rãnh bên đường liền ngay đó. Máy bay chúi xuống bắn chiếc ô tô của chúng tôi. Đám cháy lan ra cả lau sậy bên đồng, nổ lép bép, khói bốc mù trời. Tôi hoảng quá, nhồm dậy kêu “Anh Cả ơi anh Cả”, nhìn thấy nhau an toàn chúng tôi mừng vô cùng”

Mười Hương phải ở lại để giải quyết hiện trường nhưng trước tiên phải tìm cách đưa ông Nguyễn Lương Bằng về báo cáo Bác Hồ kéo Bác trông. Lúc này anh em ở kho cách đây mấy cây số thấy súng nổ, khói bốc thì chạy tới. Mười Hương lấy một xe đạp để đưa ông Bằng về. Đạp xe qua đê, tới sát căn cứ gặp người bảo vệ, anh giao đưa “Anh Cả” về tiếp, còn mình thì lộn trở lại. Hôm sau về tới cơ quan, anh thanh niên Mười Hương lo quá, gặp gỡ trước một số cán bộ để thăm dò trước. Anh Vũ Kỳ dọa đùa: “Mày chết. Bác rầy ông Cả. Bác hỏi: “Chú lớn hay Hương nó lớn?” Chết rồi, ý Bác trách “Anh Cả” lớn hơn mà không cẩn thận giữ nguyên tắc, để cho Hương nhỏ hơn lại quyết định mạo hiểm. Anh Kháng thì khuyên “Mày cứ vào đi, đừng sợ! Bác nói ông Cả rồi, sẽ không mắng mày đâu”.

Lúc gặp Bác Hồ, Hương chưa dám nói gì, Bác hỏi ôn tồn:

- Sao anh Cả về hôm qua, nay chú mới về...

- Dạ thưa Bác, xe hư.

- Xe hư sao?

Chả hiểu sao tôi cứ nói loanh quanh, dù biết là Bác đã rõ mọi chuyện. Bác ôn tồn:

- Chú chủ quan quá, suýt nữa thì cái sẩy nảy cái ung, chú vội về làm gì? Nhỡ không may, hai anh em chết cả thì làm sao?

Và từ đây tôi có biệt hiệu là “Hương chủ quan”. Chi tiết này tôi nhớ đời. Đúng là vội vã một chút gặp cái chết trong gang tấc. Có lẽ Bác cũng nhớ chuyện này rất lâu, vì tới Đại hội Đảng lần thứ Hai tại Việt Bắc, tôi gặp lại Bác ở nơi ông Trường Chinh làm việc. Khi nghe ông Trường Chinh giới thiệu “Thưa Bác, đây cậu Hương”. Bác thân mật: “Hương chủ quan đấy phỏng?”. Mãi nhiều năm sau này khi ông Mười Hương trở thành một chỉ huy tình báo ở miền Nam, bị bọn mật vụ anh em họ Ngô bắt, sau khi ra tù, năm 1964, trở lại miền Bắc gặp Bác và Trung ương, Bác nhận ra, nhìn âu yếm và hỏi đùa: “Xem thật kỹ xem có gì chủ quan không”. “Không chỉ riêng tôi, ai cũng cảm thấy Cụ là người thân thiết. Như là một người Cha.”

Trước khi ông vào Nam, Bác đã khen và vỗ vai Mười Hương, dặn: “Chú nhớ đi sao về vậy”. Bây giờ ông đã thực hiện đúng để trở về.

\*\*\*

Chính phủ sẽ rút khỏi Hà Nội, lên Việt Bắc, nhưng phải đi dần từng bước, theo hướng đi Hà Đông - Sơn Tây - Hưng Hóa - Phú Thọ rồi mới lên Việt Bắc. Ông Nguyễn Lương Bằng lo huy động các địa phương để đưa muối lên miền cao. Từ khu 1, khu 10, muối, thuốc được đưa lên.

Sau này, khi cuộc kháng chiến đã thành công, đều trở thành cán bộ lãnh đạo cả, ông Mười Hương có lần hỏi đồng chí Nguyễn Lương Bằng về đánh giá lại tình hình ngày ấy, công việc ngày ấy.

Ông Bằng bảo: Hành động chiến lược, chuyển một lượng lớn như vậy mà giữ được bí mật là thành công lớn. Ngày ấy chúng tôi quân dân dốc sức, có bao nhiêu đưa lên cho Chính phủ để chỉ đạo kháng chiến. Những năm gian khổ đó, ông Mười Hương cùng anh em đã làm đủ mọi việc để củng cố An toàn khu - hay là chiến khu Việt Bắc lúc đầu kháng chiến.

Để củng cố An toàn khu, họ phải làm cả lán trại. “Chúng tôi làm lán trại, đầu tiên ở Phú Hộ, rồi Sơn Dương, Quảng Nạp. Chúng tôi đóng rải rác ở 10 km xung quanh Trung ương. Lúc ấy ngay Chính phủ và quân đội cũng không giúp được nhiều. Lực lượng vũ trang quân đội, công an phải tập trung cho công việc, lo cho mình thôi cũng đủ mệt. Công tác đội Trung ương lúc ấy cũng phải dựa vào Đảng bộ và nhân dân địa phương giúp đỡ. Cán bộ chiến sĩ xoay trần cùng dân phát rừng mở đường, xây dựng lán trại, dù chỉ là nhà tranh, tre nứa lá, hầm hào đơn giản. Tới sau này, tại chiến khu cũng có gara sửa xe hơi, anh em còn đóng được cả xe hơi lắp ghép mới. Cũng có xưởng đúc, làm ra máy in dập cho các khu. Nhiều máy móc sau này đưa về Hà Nội khi hòa bình lập lại trở thành tiền thân của Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo.”

Lực lượng kháng chiến ngoài việc làm nhà củng cố ATK (An toàn khu) còn bố trí giao thông. Báo Đảng, công văn vẫn đi các khu. Chủ yếu tới khu Bốn và một phần khu Năm. Bình Trị Thiên chưa có giao thông, nên liên hệ với Trung ương qua đài liên lạc. Bảo mật được thời kỳ đó chính là do dân. Gián điệp cũng ít, mà nếu chúng có thả lên Việt Bắc thì cũng chẳng thu thập

được thông tin gì đáng kể, vì nhân dân rất cảnh giác, chấp hành tốt nguyên tắc ba không: Không nói, không biết, không làm.

Suốt thời kỳ đầu Chính phủ lên Việt Bắc vừa lo củng cố cơ sở, vừa lo đối phó với các trận càn quét của Pháp.

Ở Bắc Kạn, khi Chính phủ lên, nhân dân ai cũng biết đây là bộ đội, cán bộ các cơ quan tài chính. Vậy mà vẫn giữ được bí mật, rõ ràng là nhờ ở dân.

“Có một lần, vào thu đông năm 1947, giặc nhảy dù xuống Bắc Kạn. Ông Trường Chinh đang giảng bài cho một lớp cán bộ quân sự ở đó. Ông ở dưới hầm một ngôi nhà của Tây cũ bên sườn đồi, nó nhảy dù xuống ngay trên đầu. May mà ông bình tĩnh tìm cách thoát được. Ông chạy vào một cái hầm ở lưng chừng đồi. Trong hầm có một bà cụ và đứa cháu trai chừng khoảng bốn năm tuổi. Ông phải làm công tác trấn an để hai bà cháu yên tâm, nhất là thằng bé đang tuổi nói. Tối chập choạng, ông mới bò xuống chân đồi, ra rừng. Gặp anh em du kích, họ đưa về. Thường vụ Trung ương lúc đó có anh Hoàng Quốc Việt và anh Lê Đức Thọ. Bác Hồ lúc đó ở một khu vực căn cứ cách cơ quan Chính phủ khoảng 5km. Trước cuộc nhảy dù ở Bắc Kạn, đồng chí Trường Chinh cũng gặp một trận bom của quân Pháp. Đó là ở dưới chân đèo Khế, ta mở trường ngoại ngữ đào tạo tiếng Anh, Pháp cho cán bộ làm ngoại giao sau này. Lớp ngoại ngữ học trong các nhà dân, đồng chí Trường Chinh đang lên lớp giảng về chính trị, nghe tiếng máy bay vội giải tán xuống hầm kịp. Máy bay ném xuống hai đợt bom.”

“Máy bay lúc đó không ghê gì, chưa hiện đại như máy bay siêu âm sau này trong chiến tranh chống Mỹ. Tuy ở khu kháng chiến gian khổ nhưng cũng no. Ăn măng rừng, rau tào bay, tăng gia trồng thêm rau muống.”

Thời kỳ đầu kháng chiến, Đảng gặp nhiều khó khăn, Nhà nước không có tiền. “Rất may là lúc đó tôi bập được vào kho nhà đoàn.” - Ông Mười Hương đã móc nối được cơ sở anh Lê Văn Đức, là xếp của kho 6 phố Hàng

Vôi, vì thế có đủ cả muối, thuốc sốt rét, giấy và vải kaki may áo đội đoran. “Và ông Trường Chinh mặc quần áo may từ đó.” Bạc trắng cũng chờ đi được. Anh Cả bảo đảm hậu cần cho bước đầu hoạt động của Đảng và Chính phủ rút lên Việt Bắc. “Chúng tôi được giao một cách tin tưởng, đứng trên đồng vàng mà không có ai tơ hào một đồng.”

Nghĩ lại ngày ấy làm hậu cần, lo kinh tế, đảm bảo sinh hoạt cho Trung ương, cán bộ ta có rất nhiều sáng kiến và cũng “lăn lộn thị trường” - nói theo ngôn ngữ bây giờ. Thời kỳ gieo neo của nhà nước non trẻ, phải lo đủ thứ chuyện, đâu chỉ phải chuyện hậu cần. Hậu cần cũng phải theo sát các biến động chính trị.

Ông Mười Hương đã từng đứng trong cuộc mít tinh sau khi chính phủ Cụ Hồ ký Hiệp định Sơ bộ 6/3. Nhờ chiến lược khôn khéo, ta loại trừ một kẻ thù nguy hiểm là Tàu Tưởng, có chút hòa hoãn với Pháp. Bởi vì phải chống hai kẻ thù một lúc, Nhà nước Việt Nam non trẻ không đủ sức. Chính vì vậy mà tội Quốc dân Đảng phao tin là Việt Minh bán nước cho Pháp (quân Pháp được lên những điểm phía Bắc, Hải Phòng, Hà Nội, Lạng Sơn, Nam Định). Cuộc mít tinh diễn ra trong sự lo lắng và căng thẳng. Ngay chính bản thân cán bộ ta cũng thấy đau lòng khi nhìn quân Pháp trở lại như vậy. “Tôi nhớ, ông Trần Huy Liệu lúc đó là Bộ trưởng Tuyên truyền, đi từ Hải Phòng lên Hà Nội đến cầu Long Biên thấy cờ Pháp “bay phành phạch, ông nói, nhìn ngứa cả mắt, gai mắt không chịu nổi”. Chính cụ Huỳnh Thúc Kháng mới ở miền Nam ra cũng bản khoăn nói: Cụ Hồ mời tôi tham gia Chính phủ liên hiệp kháng chiến chống Pháp xâm lược, nay chính phủ lại đình chiến. Tôi đứng bên dưới cuộc mít tinh, nghe các ông Võ Nguyên Giáp rồi ông Trần Huy Liệu lên phát biểu, giải thích về Hiệp định Sơ bộ. Không khí quần chúng bên dưới vẫn rất lo lắng. Lúc này Bác Hồ bước ra. Tôi đã khóc khi nghe Bác nói hôm đó, Bác hỏi vọng xuống đồng bào. Nếu đánh, ta cũng phải mất dăm năm, trong khi nếu ta hòa thì Pháp phải công nhận nước Việt Nam tự do rồi năm năm sau sẽ có trưng cầu dân ý, thống nhất đất nước. Vậy đồng bào muốn sao? Tôi nhớ đại ý như vậy chứ không rõ nguyên văn. Có vài tiếng hô lẻ tẻ “Đánh” của bọn xấu cài vào. Chính ở cuộc mít tinh này

Bác đã phải nói: Đồng bào hãy tin tưởng, Hồ Chí Minh thà chết chứ không bao giờ là người bán nước.”

Nhưng trong cảnh đó, ông Mười Hương còn phải nghĩ một chuyện khác, làm sao bảo đảm được an toàn cho các lãnh đạo. “Phải bỏ tiền ra mà mua một ngôi nhà kha khá mới bảo vệ được. Tôi nói với anh Cả Nguyễn Lương Bằng, rồi cố gắng tìm một căn nhà ở phố Hàng Chuối yên tĩnh. Nếu mua được ngôi nhà đó thì chúng tôi sẽ ở tầng trên. Có một phòng nhìn ra vườn sẽ để anh Trường Chinh ở, gần ngay phòng anh làm việc. Ngôi nhà đã được chúng tôi ưng ý, nhưng đến chuyện quan trọng nhất là tiền thì anh Cả bảo: Đảng làm gì có tiền. Tôi bèn nghĩ ra việc vận động anh Hà Độ lúc đó làm kinh doanh xay xát gạo. Anh đã tốt nghiệp trường bá nghệ và có lòng yêu nước, giúp kháng chiến. Anh đã bỏ ra một phần ba số tiền mua ngôi nhà.

Vì sao chúng tôi chọn cho anh Trường Chinh ở phố Hàng Chuối, một phố hầu như toàn Tây ở? Vì nhà Tây thường biệt lập riêng rẽ, có vườn cây, và cũng là vì ở như vậy chẳng kẻ địch nào ngờ. Cộng sản nào dám mua nhà ở cạnh các quan Tây? Tất nhiên chúng tôi điều tra kỹ. Tôi nhờ anh Trần Hiệu bên công an xem tụi Quốc dân Đảng có cơ sở nào ở quanh đó không. Nhờ trình sát xung quanh, chúng tôi yên trí vì phố này cũng khá nhiều nhà tư sản Việt Nam và Tây công chức ở, có cả bác sĩ Tây làm việc ở nhà thương Đồn Thủy gần đó. Nếu có động, mình có thể vọt qua nhà xung quanh được. Cẩn thận hơn, tôi dẫn cả anh Trường Chinh đến xem nhà. Có một chi tiết nguy hiểm nhưng gặp may: anh Trường Chinh đến, gặp ngay thằng thông ngôn tòa thượng thẩm đã từng phiên dịch trong phiên tòa xử anh Trường Chinh. Nó không nhận ra anh, trong khi anh nhận ngay ra nó. Anh nói với tôi: Trước nó phiên dịch Tòa đề hình cậu ạ?

Nhớ lại về thời kỳ kháng chiến, ông Mười Hương khẳng định, giọng nhỏ nhẹ trầm ấm. “Cuộc kháng chiến chống Pháp, Chính phủ cách mạng lớn mạnh trên Việt Bắc. Chúng ta mới chỉ đánh giá lịch sử về mặt thắng lợi quân sự nhiều hơn tìm hiểu kỹ về các trận đánh. Nhưng một nét rất lớn, đặc trưng của thời kỳ đó là nhân dân rất tốt, rất gắn bó với đất nước và cách mạng như một sự chuyển động xã hội lớn lao.”



## V. Vào Nam

Sau đình chiến 1954, lực lượng quân ta tập kết ra Bắc. Đối tượng của cách mạng Việt Nam thay đổi. Đảng đã nhìn thấy bàn tay can thiệp của Mỹ, nhận định là kẻ thù nguy hiểm trực tiếp. Sau khi thực hiện chuyển quân tập kết, điều chỉnh khu vực, so sánh lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam tạm thời có sự thay đổi lớn nên cần phải kịp thời chuyển hướng chiến lược, tạm thời chuyển sang thế giữ gìn lực lượng. Trung ương Đảng chủ trương thi hành phương châm hoạt động kết hợp chặt chẽ công tác hợp pháp với công tác không hợp pháp, nhưng lấy công tác không hợp pháp làm chính “tổ chức công khai phải thật rộng rãi, còn tổ chức bí mật thì phải thật trong sạch và vững chắc. Tổ chức Đảng chủ yếu là bí mật, trong khi đó, tổ chức quần chúng chủ yếu là lợi dụng điều kiện hợp pháp để hoạt động”. Xứ ủy Nam Bộ xin chi viện cán bộ vì sắp tới có nhiều nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ lớn của công an và quân đội: đảm bảo an toàn cho các cấp ủy.

Tháng 7, tháng 8 năm 1954, lúc đất nước bắt đầu chia làm hai miền, Xứ ủy miền Nam và đồng chí Lê Duẩn cử đồng chí Lê Đức Thọ ra gặp Trung ương để bàn về chiến lược cách mạng sắp tới. Đó là lúc chiến trường cần người cán bộ có kinh nghiệm hoạt động địch hậu ở đô thị, biết công tác bảo vệ Đảng trong hoạt động bí mật như đồng chí Mười Hương. Lúc đó, Nhà tình báo Trung ương mới thành lập chưa lâu. Đồng chí Lê Đức Thọ đề nghị: “Nếu có thể Trung ương cho Hương đi cùng tôi trở về trong ấy.” Đồng chí Trường Chinh đã trực tiếp xin ý kiến Bác Hồ. Bác nói: “Nếu miền Nam xin chú Hương đi hoạt động thì không nên phong chức sắc gì, vào đó tùy tình hình, đừng để phụ lòng Trung ương.” Bác dặn dò ông Mười Hương cũng rất đơn giản: “Công việc thì các chú giao và dặn chú kỹ rồi. Xem làm được thì nhận và đã nhận thì đừng phụ lòng Trung ương. Đi sao nhớ về vậy.” Trước đó, đồng chí Trường Chinh đã nói kỹ lắm rồi: “Khó khăn nhiều lắm đấy, đi không biết bao giờ trở lại. Phải suy nghĩ cho kỹ, nếu không đi được cứ báo cáo Trung ương. Đừng ép gì. Phải giữ bí mật tuyệt đối.”

Trước đó nữa thì ông đã gặp một người bạn khá nổi tiếng, Bùi Lâm, phụ trách tòa án quân sự Liên khu 3, người đã xử án Bảo Đại và xử bắn Trường Ty Công an Hà Nam. “Tôi ở tả ngạn về Văn phòng Trung ương theo lệnh

gọi. Đến Nhật Lưu, cách Phủ Lý 5km thì gặp Lâm. Lâm rủ sang chỗ anh ấy ngủ một đêm. Lâm đoán tôi sẽ đi Nam nên phân tích nhiều, anh nói quan niệm về thực dân cũ, mới. Thực dân Pháp đi đến đâu “ông cha đi trước, lính tập theo sau”, tuyên truyền công giáo trước. Thực dân Anh sang Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan dựa vào công ty kinh tế, anh nhà buôn, tức là kinh tế luôn đi trước. Cho nên chính sách khác nhau. Còn Mỹ thì cũng khác nữa: can thiệp Trung Quốc cũng qua các nhà buôn, nó cai trị cả nước Trung Hoa, nhưng chỉ nắm thông qua bốn dòng họ lớn: Tưởng, Tống, Khổng, Trần. Bốn họ này nắm 80% tài sản Trung Quốc. Mỹ không cần hiện diện cai trị. “Pháp là thực dân cũ, nay vào miền Nam có thực dân mới, mày vào lạ nước lạ cái. Nếu mày đi, người khổ nhất là mẹ mày.” Nhớ đến đó, hình như ông Mười Hương thoáng cười vì cách nhìn thời cuộc của một người bạn xa xưa, cách nay đã nửa thế kỷ. Nhưng còn việc ông ra đi người khổ nhất là mẹ thì điều này thực sự là niềm thương xót trong ông.

“Hôm sau, tôi về thăm mẹ. Đêm đến, không ngủ, bà ngồi sờ mặt, sờ tay con. Bây giờ yên rồi, mày đưa thằng con về đây tao nuôi. Lúc nhỏ “con mẹ con cha, lớn lên là con vua con chúa”, con đi làm việc làm sao mẹ giữ được. Bà khóc. Về việc tôi đi làm nhiệm vụ, bố tôi không biết là tôi làm gì, chỉ nói: Mày đi theo anh em cách mạng đứng đắn, thế là được. Nhưng đừng để khó cho ai. Không nên khi vui thì vỗ tay vào đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai.”

\*\*\*

“Cậu không tham gia cấp ủy nào nhưng có năng khiếu tình báo, công an.” Đó là lý lẽ của đồng chí Trường Chinh không chịu khi ông Phạm Văn Đồng lấy tôi về ngoại giao.

Ông Mười Hương thường nhớ lại thuở còn làm việc với các lãnh tụ kiệt xuất của cách mạng Việt Nam với nhiều chi tiết. Và phân tích sự sáng suốt của Bác Hồ.

“Tôi coi Cụ Hồ là một nhà tình báo giỏi. Khi hoạt động ở nước ngoài Người tự tìm hiểu mọi điều, quen thân đủ loại người. Tôi nhớ Cụ nhận xét người Anh khác hẳn với điều ta thường nghe: phớt tỉnh Ănglê. Nhưng Cụ Hồ bảo, người Anh thật ra rất dí dỏm và lanh trí đối đáp. Cái “phớt tỉnh” của họ không hoàn toàn là sự băng giá lạnh lùng, mà là sự bình tĩnh.

Chính Cụ Hồ chỉ thị xây dựng ngành tình báo chiến lược, đào tạo một số cán bộ chuyên ngành. Khi tôi đi vào Nam, Cụ Hồ dặn rất kỹ: Chú đi vào nơi khó lắm đấy. Phong cách ở miền Nam phải khác. Rồi Bác phân tích cho tôi hiểu tình hình: Mỹ xâm lược nhưng giấu mặt. Nó không muốn tính chất cuộc chiến là chiến tranh cứu nước, mà là nội chiến, là chiến tranh ý thức hệ.”

Cho đến những năm đã cao tuổi, vào năm 2006, ông Mười Hương vẫn có thể phân tích tình hình khá rõ, thời kỳ sau khi Hiệp định Genève được ký kết, các lãnh tụ cách mạng cử ông vào Nam. Sau Điện Biên Phủ ta thắng lớn lắm, nhưng nhìn tình thế vẫn là: Ai trả tiền, người ấy làm chủ. Cuộc chiến tranh này Mỹ bỏ ra 80% chi phí, vậy thì Mỹ sẽ “đòi”. Thất bại này là của cả Pháp lẫn Mỹ. Cho nên chúng ta đánh thắng Pháp nhưng chưa chắc đã kết thúc được chiến tranh đâu. Khi chúng ta mời đại diện của Anh, Mỹ chứng kiến hội nghị Genève, họ có chịu ký kết công nhận gì đâu. Họ làm cho miền Nam không thi hành. Vì thế, theo ông Mười Hương, Bác Hồ đã nhìn thấy phải chuẩn bị một cuộc chiến tranh khác. Nhìn ra điều này khi chiến tranh Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, đâu phải dễ. Cũng chẳng phải ai tài cán bám độn theo kinh Dịch, mà phải là một nhà chính trị - quân sự tài năng.

Mỹ sẽ phải xoay gở 80% tiền của họ bỏ vào đây chứ. Vì thế Bác cứ dặn đi dặn lại: Hương đi là khó lắm đấy nhé. Chú sẽ khó hai cái: cách làm việc của miền Nam khác ngoài này. Trung ương không phong chức vụ, không giới thiệu. Chú vào đó làm việc, học hỏi, nếu được chấp nhận thì làm việc, nếu không phải quay ra. Ông Phạm Văn Đồng bảo: Nếu không được, thì vào đó chỉ phổ biến chỉ thị, giúp đào tạo rồi 6 tháng ra. Bác bảo: Còn nếu trong đó cần chú, họ xin thì Trung ương sẽ cho.

Lúc đó đồng chí Lê Đức Thọ ra báo cáo tình hình và xin Trung ương cho một người có kinh nghiệm hoạt động nội thành, hoạt động địch hậu.

\*\*\*

Và thế là từ gia đình, ông lên đường vào miền Nam cuối năm 1954, hai tháng sau đó Ngô Đình Diệm được Mỹ đưa về. “Tôi vào bằng máy bay địch với đoàn liên lạc đi đầu tiên”. Cuộc ra đi quan trọng và là một biến cố lớn trong đời chỉ được ông nói gọn như thế.

Nếu tìm các sự kiện trong đời, riêng về việc đi máy bay ông đã có ba lần bay lên trời thật đặc biệt. Một lần nữa, với thân phận người tù bị đưa ra Huế trên chiếc máy bay Dakota nhà binh. Khi máy bay rời Tân Sơn Nhất, ông còn nhìn xuống tìm xem căn nhà sát sân bay của một thượng sĩ quân cụ, nơi ông đã được ở đó khi mới vào miền Nam. Người thượng sĩ này lấy một cô vợ nghèo đã có một con với người chồng trước đi tập kết. Anh rất thương và nể vợ. Họ có hai con chung. Anh hay bia bọt, đời lính hết giờ nhiệm sở đi chơi, anh cũng chẳng biết ông khách được người ta gửi ở nhờ nhà mình là một ông Việt cộng phụ trách tình báo. Người vợ và mấy đứa trẻ rất quý “cậu Hai” (tên gọi của ông Mười Hương khi mới vào Nam hoạt động). Chỉ cách vài hôm trước ngày ông bị bắt, có ghé về nhà thì đưa con gái út của họ còn láu táu vui mừng dặn: Cậu Hai, Chủ nhật cậu về nhà. Cậu về, con mới được ăn thịt. Má mua vịt bảo chờ cậu Hai. “Đó là một gia đình tốt, nay vẫn ở Gò Vấp. Năm 1975, Sài Gòn giải phóng, gặp lại nhau, người vợ vẫn nhớ ông, òa khóc, lúc đó cô ấy buồn vì mình là “gia đình lính ngục” nhưng gặp lại mừng quá.”

Tất cả những hình ảnh về ngôi nhà, về tình thương yêu của người dân như thế ông bỗng nhớ lại khi máy bay cất cánh đưa người tù ra Huế để nhốt ở trại Tòa Khâm, bắt đầu cuộc chiến đấu rừng rợn trong trại giam Chín Hàm của mật vụ miền Trung của Ngô Đình Cần.

Lần thứ ba ngồi máy bay cũng rất đặc biệt, khi ra tù vào năm 1963 rồi được đưa ra miền Bắc. “Nếu đi đường Trường Sơn như cán bộ, bộ đội đi trong chiến tranh thì không đủ sức vì mới ra tù nên tôi được bố trí cho đi theo đường công khai. Máy bay qua Phnom Penh, sang Thượng Hải rồi về Hà Nội.”

Lần bay khỏi quê nhà, năm 1954 ấy, ông suy nghĩ gì? Không thấy ông kể. Nhưng ông đã để lại phía sau gần như tất cả cuộc đời mình: vợ con, cha mẹ, đồng đội, làng quê, tất cả, cả người cha sau này bị đầu tó trong sai lầm của Cải cách ruộng đất, chết chưa kịp gặp lại con.., để đến một miền xa lắm, chưa tới bao giờ, chưa biết có ngày trở lại hay không.

\*\*\*

Sau khi vào chiến trường miền Nam, ông được đưa lên Sài Gòn. Người giao thông liên lạc dẫn ông đi là một công nhân hãng Ba Son, sau này bị sa vào tay giặc, bị đánh đến chết. “Tôi ở nhà người cậu ruột ông cũng là một công nhân, có gia đình bên ngoại là người Hoa quê Phúc Kiến.” Họ thương ông lắm dù biết ông là người của kháng chiến. “Đó là một ngôi nhà cổ ở Phú Nhuận. Tôi trong vai ông Hai thầy giáo dạy kèm lũ trẻ. Bây giờ, sao bao nhiêu năm chiến tranh, tôi vẫn còn liên lạc được với họ. Vẫn lên đám giỗ bà cụ. Các em vẫn thương tôi lắm.”

Ông kể về gia cảnh của anh Năm, người cháu của ông già, người đã đưa ông lên Sài Gòn hoạt động: “Anh Năm có người cha cũng là thợ giỏi Ba Son. Gia đình đông con. Có nhiều người hiện đi định cư ở Mỹ. Họ thực sự là một gia đình lớn. Tôi về là bà già lại kêu các con làm cơm, coi tôi như anh Hai thật của gia đình: “Có anh Hai về, tụi bay làm gì ngon ngon cho nó ăn”. Tôi nói gì là các em nghe theo răm rắp. Cái chân thật thuyết phục được gia đình và hơn nữa, uy tín của kháng chiến lớn lắm”.

Lúc đó, ông được giao lãnh đạo một số đầu mối mạng lưới tình báo. Đó cũng là lúc nhà tình báo Vũ Ngọc Nhạ đi theo quân đội Pháp vào miền Nam ở một tiểu đoàn công binh, bắt đầu có những móc nối trong tôn giáo Phát Diệm di cư.

Tôi bị bắt do có người khai báo. Chúng bố trí bắt tôi tại một chỗ hẹn ở Gò Vấp”. Ông Mười Hương nói về người đã khai báo để mình bị bắt với một thái độ thật ngạc nhiên: không một chút lên án, hận thù. Hình như chuyện ấy ông đã cho nó vào quá khứ nên bây giờ “moi” ra xem lại, ông như có chút gì đó muốn phân tích tìm hiểu lại cho rõ ràng và khách quan hơn.

“Về người cán bộ từ Trung ương chi viện mới vào này (ông gọi là anh Ba - TG), tính nguyên tắc trong hoạt động rất yếu. Lẽ ra vào đến đây là phải cắt hết mối liên lạc cũ, anh ta vẫn giữ liên lạc với cậu Tư ở bộ phận giao thông. Sau này, chính cậu Tư bị bẻ mà anh ta bị lây. Ngay trong tư tưởng anh ta cũng đã có vấn đề. Lúc đó tình hình rất khốc liệt. Tôi đã nhận hai điện báo: khu Năm tổn thất nặng, địch bắt bớ mạnh, có chỗ trắng 100%, nhiều nơi trắng 80-90%. Xứ ủy chỉ đạo phải cắt liên lạc với Trung ương để bảo đảm an toàn. Phải chờ lệnh đã. Giấy tờ cũng vậy. Anh ta có giấy do Trung ương làm rất bảo đảm, trong khi tụi này toàn giấy tờ tự làm. Vậy mà anh ta không yên tâm, vẫn trông chờ Pháp làm cho giấy tờ hợp lệ. Trong tư tưởng anh ta lúc đó có vấn đề nhận thức. Lúc ở ngoài Bắc, anh được nghe nhận định là các đô thị miền Nam phồn vinh giả tạo. Vào trong Nam, anh nhận xét: mình cứ tuyên truyền không thật, ngã tư nào cũng đèn măng sông sáng trưng, rồi máy may, xe máy, xe đạp...

Ngay chuyện gia đình, anh cũng rất nặng lòng. Làm người hoạt động bí mật, nhiều khi phải chịu đựng để đảm bảo an toàn. Anh thì khác, muốn lo chu toàn cho một gia đình tới sáu, bảy đứa con. Tôi cũng đã lo giúp hai đứa con anh ra Bắc theo đường Phnom Penh, vì năm 1958 địch đã ngăn tất cả con đường thông thương. Anh còn muốn đưa vợ ở quê lên. Anh đưa chị lên khó lắm. Hoạt động bí mật nguy hiểm. Dù khuyên nhủ vậy nhưng khi anh cứ đưa vợ lên, tôi vẫn giúp tiền để mở cửa hàng nhỏ ở xóm lao động cho họ sống chứ biết làm thế nào. Lúc nó bắt được anh ấy, nó biết anh có bà mẹ,

nặng gánh gia đình nên đã gây sức ép. Anh phải khai báo bắt tôi. Chứ tôi biết, nếu chỉ bị đánh thôi, chắc anh chịu được như mọi người.”

Thế là năm 1958, ông đã sa vào tay giặc sau bốn năm hoạt động ở miền Nam. “Tôi hẹn anh Ba ba ngày sau gặp nhau để đưa đứa con anh ta ra Bắc. Hẹn qua giao thông nhưng lần ấy không thấy anh ấy đến. Theo nguyên tắc thì phải có hai lần hẹn: chính thức và dự bị. Do lần trước anh không đến gặp giao thông cho nên phòng bắt trặc, cái hẹn lần hai tôi không đến thẳng nơi hẹn. Tôi đón con ông chủ nhà cơ sở để thăm dò tình hình. Con ông chủ trách tôi:

- Chú Hai hẹn với chú Ba ngày hôm qua sao chú không đến?

- Ồ, tao có hẹn gì đâu.

- Có! Chú Ba nói chú có hẹn đi mua nhà. Chú không đến, để chú Ba nằm chờ mãi.

- Thế chú Ba đi với ai?

- Chỉ đi một mình thôi.

- Sao nghe nói chú ấy bệnh kia mà?

Tôi phân vân, đến trao đổi với một anh cán bộ thẩm tra thêm. “Anh Ba bỏ hẹn giao thông, bữa sau lại đến chờ. Con anh Hai chủ nhà nói vậy, không biết có nên đến gặp không” Anh cán bộ nói nên gặp cái hẹn dự phòng đi. Nếu nó có bị bắt cũng không quay ra phản bội nhanh đến thế. Tôi phân vân quá. Mới vào hoạt động, mới gặp nhau mà bỏ hẹn thì cần thận trọng, không hay đâu. Thế nhưng tôi vẫn phải đi gặp, dù phải tăng cường cảnh giác. Theo

hẹn, tôi phải đến một nhà cơ sở tại Gò Vấp. Trước khi vào nhà, tôi tạt ra chợ, gặp bà chủ mời rồi rít: “Hai, Hai, ăn gì chưa, lại quán ông già đầu đường ngồi.”

Giờ hẹn gặp là 9 giờ sáng nhưng hôm đó tôi đến sớm 8 giờ 30 để quan sát tình hình ngôi nhà điểm hẹn cách đó 100m. Vào trong nhà, tôi tìm chỗ ngồi ở bếp, sát bờ rào. Tôi quan sát phía cổng và tìm xem ám hiệu của ông khi xuất hiện có đúng không. 9 giờ, đúng hẹn, ông xuất hiện với đúng ám hiệu an toàn: để xe theo chiều quy định. Tôi đi ra để gặp. Nhìn mặt anh thần sắc có gì đó, ánh mắt lạc đi, hình như có vẻ gì không trong sáng. Anh ta hỏi:

- Hôm qua đúng hẹn sao anh không đến?

- Ồ, bạn. Tôi đưa tờ báo cho anh, hẹn một cuộc khác. “Thôi anh đi đi. Bà chủ nhà hôm nay không muốn ta họp ở đây”. Tôi chưa có ý nghi ngờ, tôi lấy xe đi ra. Hóa ra là anh đã khai báo, dắt chúng đến vây tôi ở đây. Một thằng xáp lại hỏi giấy tờ. Tôi vẫn ngồi trên chiếc xe Mobilét, ý tôi định thằng này mà lơ mơ tôi sẽ vọt đi. Nhưng nó cũng khôn đứng chặn bánh xe trước. Tôi bảo: “Anh cho biết anh là ai mới cho xem giấy tờ được”. Nó rút súng. Tôi cố hoãn binh cốt để anh cán bộ kia tranh thủ mà chạy thoát. Lúc đó, tôi chưa biết là anh ta khai báo bắt tôi, cứ tưởng hai chúng tôi vô tình gặp nạn. Cảnh đó có một quán cóc đông người. Tôi bảo thằng rút súng (nó là Khanh sau là Trưởng ban Mật vụ Nha Cảnh sát): “Anh không dám bắn tôi đâu. Tôi hô lên bây giờ!”. Tôi đôi co với nó hồi lâu, không được. Nó huýt tiếng còi, một tiểu đội lính kín mai phục ở đâu đó xung quanh túa ra, vây lấy tôi. Chúng còng tay tôi lại, hai thằng kẹp nách hai bên và đẩy đi ngay. Thường mật thám dùng xe thùng đi bắt người. Song hôm ấy, bọn chúng vẫy taxi (sau tôi biết đó cũng chính là taxi của nó). Tôi không biết là tụi nào, Nha Đô thành hay Đặc cảnh miền Đông bắt mình. Đẩy tôi vào xe, chúng lập tức tròng vào mắt tôi cặp kính đã quét sơn đen không thể nhìn qua. Hai thằng ngồi kẹp hai bên. Thằng Khanh ngồi trên, nó cũng ma mẫn, đánh lạc hướng tôi “Này, ông là ông mới chở thuốc phiện về đây hả?” (Ở Gò Vấp cách đây vài ngày có một vụ liên quan tới thuốc phiện). Tôi hoang mang, mình bị bắt vì hình sự, hay là gì đây. Tôi có đánh mắt và cố hình

dung đường đi. Không thấy có vẻ gì là đi về hướng Nha Cảnh sát. Chợt thấy gió lồng lộng thổi. Tôi đoán là ra tới bờ sông. Quả đúng vậy, đó là lúc xe đi qua cầu Khánh Hội, quẹo vào Vân Đồn”

Bắt đầu từ đây là cuộc sống tù đày kéo dài sáu năm (1958-1963) của ông Mười Hương và khó khăn nhất là khi ở “nhà tù” Tòa Khâm của Ngô Đình Cần ở Huế. Tòa Khâm là nơi người tù chính trị bị thanh lọc, nếu không chịu “chuyển hướng” sẽ bị đày đi Chín Hầm, Mang Cá, Lò Ô hoặc nhà lao Thừa Phủ (Huế).

## VI. Đấu trí ở trại giam Tòa Khâm, Huế

Ngay sau khi bắt được ông Mười Hương tại điểm hẹn ở Gò Vấp, bọn lính kín đưa ông về Vân Đồn, một kho của quân Bảy Viễn trước đây, giờ được Đoàn mật vụ miền Trung lấy làm trụ sở. Vì là kho nên sân rộng, có một tòa nhà có tầng gác. Chúng để ông ở tầng trệt, có một thằng coi, không nói năng gì. Trưa có cơm. Tôi phát mừng: “Ông cứ nghỉ đi. Đừng tìm cách trốn để chúng tôi phải dùng biện pháp không muốn”. Suốt cả ngày không hỏi gì, có lẽ đêm đến nó mới đánh? Cũng không. Sáng hôm sau, ngoài sân thấy lính ra tập sớm. Đến khi nhìn qua khe cửa mới biết anh em cùng hoạt động cũng bị bắt vào đây.

“Khi còn ở ngoài hoạt động, tôi luôn nghĩ: Hoạt động mà bị bắt thường phải nghĩ tới hai trường hợp: nó không biết gì về mình, có thể nghĩ ra cách cung khai một bản cung giả nhưng phải hợp lý. Khi nó đã biết về mình rồi, chỉ còn cách đấu tranh trực diện. Vì vậy, việc quan trọng bây giờ của tôi: phải tìm hiểu cho ra vì sao mình bị bắt, từ đó mới có thể hiểu là kẻ địch đã biết gì về mình hay chưa.

Bọn chúng để yên cho tôi ba ngày, không hỏi han, không đánh đập. Tôi chưa hiểu nó định làm gì. Lúc ấy đầu óc tôi khá căng thẳng. Tôi nằm một lúc rồi ngồi dậy thiền. Tôi học thiền từ lâu rồi, theo cuốn sách về khí công mà đồng chí Lý Ban (sau này là thứ trưởng Ngoại thương) cho tôi. Suốt sáu năm tù tôi đều tập, nó làm cho tôi bình tĩnh lại và giữ được sức khỏe. Bọn gác theo dõi cả đêm. Tôi tập đến lúc mệt mới thôi. Một hôm, có thằng đến hỏi:

- Tên ông là gì?

- Các ông giữ căn cước của tôi còn hỏi. Tôi là Trí.

- Không phải, ông nói láo. Đó là giấy giả. Tên ông là H.G.

H.G. chính là tên tôi thường ký trong các báo cáo. Hay là bẻ đường dây, giao thông bị bắt khai ra? Mấy ngày sau tôi có quan sát xung quanh. Ở nhà ngang phía sau phòng tôi có phòng giam anh em, trong đó tôi có thoáng thấy một số cán bộ cùng hoạt động với tôi. Buổi tối các anh ấy thường chơi cờ. Một lần khi xin đi vệ sinh, tôi liều tạt thẳng vào. Có một anh nói ngay, thằng Ba nó chỉ bắt anh, nó phản rồi đấy anh ạ. Rồi giờ tay chỉ cho tôi một căn phòng. Đó chính là căn phòng hễ cứ tôi ra là nó đóng cửa phòng ấy lại. Tôi vờ kêu lên mấy câu, chợt nghe tiếng anh Ba, người đã cùng bị bắt với tôi khi gặp nhau ở Gò Vấp. Anh ta kêu lên: “Các bố mở giùm cửa ra chứ nhốt mãi chịu sao được”. Bọn địch ở đây nói tiếng miền Trung. Tôi chợt nghĩ: mình dính bọn thằng Cản rồi, không thể bịa ra một bản cung đánh lừa chúng được, chỉ còn con đường đấu tranh trực diện”.

“Trước khi bị bắt, tôi đã nhận được hai bức điện của Xứ ủy dặn: Hãy cẩn thận. Ngưng liên hệ với Trung ương và ngoài Trung vì có bẻ bạc lớn. Có lệnh mới được liên lạc lại. Tôi được biết, ở khu Năm có cơ sở bị xóa trắng toàn bộ. Có những nơi đồng chí ta bị bắt gần hết. Quân của Cản phá căn cứ Ba Lòng tàn khốc lắm, thậm chí sau khi đã phá nát nó còn cho người đi kiểm tra, gặp một bé trai sống sót nó cũng giết nốt. Lại còn vụ ở Quảng Nam, đập Vĩnh Trinh... Tư tưởng sẵn sàng chết là có từ đấy, khi tôi nghe giọng nói của bọn công tác đặc biệt miền Trung.”

Dương Văn Hiếu, tu xuất, sau làm giám đốc Cảnh sát đặc biệt, lúc đó đang là Trưởng ty Công an Thừa Thiên. Hắn là một trong số trưởng ty công an đầu tiên do Mỹ đào tạo trở thành Trưởng đoàn Công tác đặc biệt miền Trung của Ngô Đình Cản. Một hôm, Hiếu cùng tên Khanh, một tên chuyên phụ trách việc bắt bớ của Nha Cảnh sát đặc biệt ngụy quyền Sài Gòn (kẻ đã bắt tôi), tới gặp tôi:

- Chúng tôi tới thăm sức khỏe ông.

Tôi im lặng. Nó nói tiếp:

- Ông đừng có hy vọng, không trốn được, cũng không tự tử được đâu. Ông bị theo dõi 24/24. Làm gì chúng tôi biết ngay.

Tên Hiếu đi lại, thủng thảng:

- Ông không biết tôi đâu. Nhưng tôi rất biết ông. Ông và ông Bùi Lâm là người lãnh đạo Tòa án quân sự Quân khu Ba mà. Anh em bị bắt rất ca ngợi ông. Họ phục ông lắm.

Bọn chúng rất cáo già, cẩn thận trong từng câu nói, cả cách xưng hô. Chúng không dùng đại từ gì khác ngoài từ “ông” và “anh” khi nói chuyện với tôi. Kể cả lúc tức tối. Dương Văn Hiếu vốn là người Hà Nam, việc nó biết tôi và anh Bùi Lâm chẳng có gì lạ.

Tôi cứ im lặng xem nó giở bài gì. Nó nói tiếp:

- Cậu Hội cao phục ông lắm.

Hội là tên người liên lạc, rất giỏi và ngoan cường, đòn tra không ăn thua. Thời kháng chiến chống Pháp, Hội nổi tiếng dũng cảm đánh bọn đặc vụ Quốc dân Đảng.

Thấy tôi im lặng, chột nó hỏi:

- Ông có phải tên Hương không? Tôi nghĩ đã đến lúc đấu tranh trực diện nên trả lời:

- Đúng. Tôi là Hương. Các ông muốn gì? Dù ông muốn gì, tôi cũng nói trước cho các ông biết: người cách mạng bị bắt có ba việc không làm: không khai báo, không nói xấu cách mạng, không nói xấu Chính phủ Cụ

Hồ. Còn các ông muốn làm gì thì làm. Tôi biết, tôi bị bắt, các ông có quyền hành hạ, không cho ăn, không cho, xin lỗi, ỉa, nhưng tôi nói trước là tôi không khai.

Hai đứa nhìn nhau bất ngờ. Trao đổi vài câu, chúng bỏ về.

Ông Mười Hương ngầm liên hệ được với anh Hoàng - trưởng nhóm tình báo Thừa Thiên khu Năm cũng bị bắt nhốt ở trại Vân Đồn. “Tôi bí mật viết thư nói rõ thái độ của mình cho anh ấy: “Tôi bị bắt chắc chết thôi. Thế nào chúng nó cũng biết. Nhờ anh nhắn cho vợ con tôi. Tôi chết thanh thản và trong sáng”.. Anh ấy viết trả lời cho biết là anh không khai gì về tôi cả, chỉ nói là có lần gặp ở bùng binh (đường Nguyễn Văn Cừ bây giờ thì phải). Anh dặn tôi: “Cố gắng sống. Cách mạng cần anh nhiều. Cần sẽ đưa anh ra Huế đấy, hẳn rất muốn gặp anh”. Cần có nói với tay chân, thái độ anh này mà giống Tư Lung thì toa giết ngay thôi, tao không chịu được.”

Tôi nghi ngờ, không biết sự thực sẽ như thế hay không, hay là địch tìm cách bấn tiếng để “tâm lý chiến” tôi.

\*\*\*

Đoàn công tác đặc biệt miền Trung của Ngô Đình Cẩn tự coi là “đoàn thể cách mạng Quốc gia”, không chịu sự chi phối, điều hành của nhà nước và luật pháp. Là một thứ công cụ chuyên chế bất hợp pháp nhưng quyền hành của nó bao trùm lên chính thể, bao trùm lên luật pháp nhờ uy thế của gia đình họ Ngô, để bảo vệ chính quyền Diệm - Nhu. Toàn bộ nhân viên của Đoàn công tác đều đồng thời là gia nhân của Cẩn, hành động theo chỉ thị - phần lớn là khẩu lệnh - của Cẩn. Sào huyệt gốc của Đoàn công tác đặc biệt miền Trung là cơ quan đặc biệt đóng tại Tòa Khâm. Tòa Khâm sứ Huế cũ lúc này biến thành một nhà tù lớn làm nhiệm vụ cải tạo, chuyển hướng cán bộ Cộng sản bị bắt. Ngoài ra còn có các cơ sở lao động khổ sai như vườn cam, nhà mát ở Cửa Thuận và đặc biệt là Trại giam ở Chín Hàm (gần lăng

Gia Long), nơi cầm cố để thủ tiêu những người Cộng sản kiên cường không chịu khuất phục.

Đưa ông Mười Hương ra Huế, bọn chúng nhốt ông ở trại Tòa Khâm nhưng chúng để ông ở chung phòng với một người tên Th., trước là cán bộ kinh tài của ta ở Khu Năm, nay chuyển hướng, hợp tác với địch. Nhiệm vụ của người này là phân tích, lung lạc ông Mười. Luận điệu như sau:

“Các anh theo kháng chiến giành độc lập, có công lớn với đất nước. Đường lối cách mạng miền Nam bây giờ bế tắc, Đảng không cho đấu tranh vũ trang. Cứ đấu tranh hòa bình với hai bàn tay trắng, địch đàn áp, ruồng bỏ, rồi ai cũng bị bắt thôi. Không có đường thoát. Tội em với Đạt, Phó Bí thư Thừa Thiên, bị bắt, ông Cẩn cũng thừa nhận mình là người kháng chiến có công. Bây giờ đổi đầu với họ không được. Phải làm lại cuộc cách mạng tư sản dân quyền ở miền Nam. Ta cứ về với chính quyền hợp thức để khỏi bị tiêu diệt, rồi lượng đổi chất sẽ đổi”...

Ông Mười Hương: “Các anh khi ở ngoài đời đi hoạt động không đóng góp được ý kiến, nay vào tù, hai chân vô còng mới xem xét đường lối là nghĩa lý gì? Lúc anh đi kháng chiến, theo Đảng là tự giác ngộ, tự anh làm chứ có ai gì súng vào lưng bắt anh làm không? Đảng không ép gì ta. Đừng trách Đảng. Con đường tranh đấu chông gai, hãy tự mình xử sự cho đúng.”

Đây mới chỉ là bước thăm dò, “lấy chim cu bẫy chim cu”, bọn địch dùng tội đầu hàng làm nhãi làm căng thẳng.

“Tôi ở một phòng tối. Nhờ vào hai lần bữa ăn để biết đã qua ngày. Nó đưa tôi cùng ngủ với anh Th. Nhiệm vụ của anh này canh xem diễn biến tư tưởng tôi ra sao, có ăn, ngủ được không. Có lần tôi lên xem được sổ gác nhận xét: Ăn ngủ bình thường. Tập bình thường - tắm - ngủ. Gần một tháng như thế, chưa thấy nó đánh. Có báo đọc. Những cán bộ chuyển hướng kia cứ đến nói thế. Tôi cứ ôn tồn như thế.

Anh Th., sau này cũng bị đưa về Bình Định và đã nhận thấy sai lầm khi chuyên hướng nhưng đã muộn, sau anh bị dịch tra tấn suốt một năm cho đến chết. Trong thời gian ở trại Tòa Khâm, ông Mười Hương chỉ nghĩ: “Khổ nhất là phải tìm chuyện gì để suy nghĩ để sống còn, có ý nghĩa, ích lợi. Nó sẽ làm cho tư duy mình lớn lên. Tôi tìm mọi cách để có tin tức, kể cả từ những mẫu giấy báo trong nhà cầu, khi đi đổ bô lên lấy về coi.”

Sáu năm ở trong nhà tù mật vụ miền Trung, cái khó của ông Mười Hương không phải là những đòn tra khảo mà là đối phó với “chính sách” của địch. Hiểu được nó thì mới hiểu vì sao sau này khi đã trở thành Ủy viên Trung ương Đảng, ông Mười Hương vẫn còn khổ vì đơn tố cáo: Tại sao giặc biết ông là cán bộ tình báo cao cấp mà không giết, tại sao ông lại được thả?

Ngày ông Mười Hương bị đưa ra nhà tù Tòa Khâm Huế bằng máy bay Dakota nhà binh, ông chưa biết được những gì đang chờ đón mình. Mà biết làm sao được! Mãi tới năm 1989, hơn 30 năm sau, nhóm cựu tù nhân chính trị họp mặt để phân tích về giai đoạn ấy họ vẫn cho là chưa ai phục chế “một mảng trống lịch sử bị bỏ rơi, quên lãng. Họ cho rằng chế độ mật vụ Ngô Đình Cẩn - Dương Văn Hiếu là một ngành an ninh đích thực nhưng là một siêu tổ chức với nhiều đặc thù không có bộ máy nào của Ngụy so sánh được”. Trong nhà tù không song sắt này, công an mật vụ của tụi nó cùng với người tù sinh hoạt chung. “Chuyện khó tin mà có thật và chỉ có được trong thời điểm lịch sử nhất định”. Những người tù ấy có một đặc điểm là họ trưởng thành trong chín năm kháng chiến chống Pháp, là những người đã kết liễu chế độ thực dân cũ, bước vào giai đoạn đầu tiên của cuộc chiến đấu chống chế độ thực dân kiểu mới là đế quốc Mỹ.

Trong cuốn ký sự không xuất bản của người tù Du Văn Chất, viết ra với mong muốn xây dựng Đảng, có đề: “Bằng tác phẩm này, tôi muốn nói với Đảng, với người thân và bè bạn, với người yêu và kẻ ghét, nói thay cho người đã chết và cho cả người còn sống.” Nay thì tác giả của tập sách ó vàng, in roneo này cũng không còn nữa. Cuốn sách có tên “Bội phản hay

chân chính?” chứa đầy chất liệu sống ấy, đã có vài nét phác thảo về chế độ tù mật vụ miền Trung ấy, đã dựng lại bối cảnh mà chính ông Mười Hương đã trải qua cùng với các bạn tù. Họ đều bị bắt cóc, không có xử án, không có thời hạn.

Hãy nghe Thái, tên phụ tá của Đoàn công tác đặc biệt miền Trung, nói với người tù Dư Văn Chất: “... Chúng tôi không như bên công an đâu... Chúng tôi không cần bằng chứng để buộc tội, để làm cung, để tư tòa, kê án. Một là chấp nhận chính sách, về hợp tác với chúng tôi. Hai là không có ngày về với gia đình. Anh muốn chọn đường nào?”

“Chính sách” mà hấn nói đây là gì? Nếu hiểu được điều này, có thể thấy được sự cam go hơn cả đòn tra và hiểu được những người như anh Th. Người bị bọn chúng đưa đến mong lung lạc ông Mười song anh không chịu chuyển hướng. Vừa bước vào phòng giam ông Mười Hương, anh ta tự giới thiệu trước làm tòa sứ Buôn Mê Thuật. Anh nói: “Tôi có quen các anh, trong đó được anh Nguyễn Chí Diểu giáo dục nhiều. Chúng giao tôi đến đây định làm con chim mỗi nhử anh nhưng anh yên tâm, tôi không làm vậy đâu”.

Khi thảo luận với nhau, ông Mười Hương khẳng định không thể lợi dụng “chính sách” của Diệm - Nhu được.

Trích lời tác giả Dư Văn Chất nói về mật vụ miền Trung:

“Thay vì chúng nói thẳng: khai, phản, làm cho người tù còn chút lương tâm để bị sốc, còn biết tự trọng để mắc cỡ, chúng dùng toàn mỹ từ: chuyển hướng, thay cho đầu hàng; trình bày thay cho khai báo; hợp tác thay cho phản bội... những từ dịu hiền, đẹp đẽ đó vuốt ve lòng người đang bị rúng ép khiếp sợ.”

Chính sách của chúng lúc đó là lợi dụng phong trào cách mạng đang khó khăn, chúng kết hợp thủ đoạn cứng rắn với lừa gạt, dụ dỗ, tấn công tư tưởng người bị bắt làm họ luôn phải căng thẳng, đưa dần họ vào con đường phản bội từng bước và không thể quay lại với cách mạng. Chúng gọi là chính sách “qua cầu rút ván”. Tổ chức thực hiện chính sách này là Đoàn công tác đặc biệt miền Trung.

Trong cuốn sách của tác giả Dur Văn Chát: “Đoàn công tác đặc biệt miền Trung gồm hai thành phần: cán bộ quốc gia và cán bộ kháng chiến chịu chuyển hướng. Đoàn được cố vấn Ngô Đình Cẩn tổ chức như một đoàn thể cách mạng quốc gia do chính cố vấn chỉ đạo trực tiếp. Nó không chịu sự chi phối, điều hành của bất kỳ một cơ quan nhà nước hay đoàn thể chính trị nào hết. Đó là một tổ chức siêu chính phủ, siêu đảng phái - không có hệ thống ngành dọc, ngành ngang, cấp trên và chân rết địa phương... nhưng bất cứ ở ngành nào cần, hoặc địa bàn nào cần có sự hiện diện của nó là nó có mặt. Nó không có quy định giới hạn hoạt động, vì thế phạm vi và quyền hạn hết sức rộng rãi, hoạt động hết sức linh hoạt. Nó không phải cơ quan nhà nước nên không bị pháp luật chi phối. Nhưng nó lại được sử dụng mọi hình thức hợp pháp với quyền lực cao nhất... Đoàn vào Sài Gòn hoạt động với nhiệm vụ chuyên sâu: “Mời” cấp ủy liên khu Năm và tình báo chiến lược về với Quốc gia.”

Chính vì có mưu đồ sử dụng những người kháng chiến nên chúng dùng thủ đoạn đặc biệt: đầu hàng, chuyển hướng thì tin dùng; còn nếu kiên trung lý tưởng Cộng sản thì chúng tha hồ thủ tiêu, không cần án xử. Chính ông Mười Hương sau này mới biết mình có tên trong 200 người bị đi thủ tiêu nhưng địch không kịp thi hành.

\*\*\*

Vì sao Diệm - Nhu biết ông là cán bộ cấp cao như vậy lại không giết ngay?

“Phải hiểu triết lý của anh em họ Ngô. Họ chống Cộng quyết liệt nhưng lại khâm phục cái phần kháng chiến của người Cộng sản, cho đó là phần quốc gia, chống ngoại xâm, yêu nước. Họ muốn dùng người sạch sẽ để cùng Quốc gia, theo đường lối Quốc gia. Vì vậy họ cố gắng cả năm trời làm việc lay chuyển và tấn công tư tưởng.” Ông đã có lần nói với Ngô Đình Nhu và đám tay chân, phân tích cho họ thấy chế độ Diệm - Nhu “không thể thoát khỏi cái thòng lọng viện trợ Mỹ”.

Cứ thử so sánh với việc Mỹ dùng Lý Thừa Vãn (tổng thống Hàn Quốc cùng thời với Ngô Đình Diệm). Mỹ tin Lý Thừa Vãn hơn tin ông Diệm. Lý Thừa Vãn được đào tạo ở Mỹ, lấy vợ Mỹ. Chứ còn ông Diệm thế nào, Mỹ biết chứ.” Những lời phân tích, đấu lý này với các cấp tay chân của Diệm - Nhu đều được báo cáo lên hết. Thời kỳ ấy, Diệm - Nhu tổ chức cả những cuộc đấu lý công khai. Người ta còn nhớ cuộc đấu trí ở Mỹ Tho do tỉnh trưởng tỉnh Nha Trang Nguyễn Văn Trân tổ chức đấu lý với đồng chí Nguyễn Văn Hiếu (lúc đó đang phụ trách công tác trí vận Thành ủy). Khi không lung lạc được ông Mười Hương, có ý kiến định đưa Nguyễn Văn Trân đấu lý với ông Mười Hương. Nhưng chính Ngô Đình Cần gạt đi, vì “Không được đâu. Không đủ lý lẽ để đấu với ông Hai này. Đã đấu lý lẽ cả năm không được. Để nói ông cố vấn Nhu gặp mới được”. Chính Ngô Đình Cần cũng nhận xét về ông Mười Hương “Cộng sản ngoan cố thì rõ rồi. Nhưng lời ông ta nói, có cái chúng ta phải suy nghĩ”.

Sau này, qua lời những tên đã từng canh giữ, tra hỏi ông Mười Hương, sau giải phóng chúng đã khai trong trại cải tạo, ông Mười Hương biết rằng Diệm - Nhu không giết ông còn có một lý do nữa. Lê Văn Dư, phụ trách trại giam Tòa Khâm - Huế, khai rằng do thái độ ngoan cố của ông Mười Hương nên hẳn nhiều lần đề nghị Ngô Đình Cần phải dùng biện pháp mạnh như tra tấn, thủ tiêu nhưng Cần không chấp nhận. Cần nói: “Phải kiên trì thuyết phục làm sao chuyển hướng được tư tưởng chứ khai hay không không thành vấn đề. Hương không khai thì người khác cũng đã khai hết, mất thời gian tính rồi. Cứ đối xử tử tế. Người giá trị thế này mới có giá để trao đổi tù binh khi cần thiết”.

Ông Mười Hương ngắt ngang mạch chuyện, quay sang tâm sự thời cuộc như mong muốn người bạn ngồi nghe phải chung một nhận định nào đó. Hình như chỉ có như thế mới có thể cùng nhau ôn tiếp các sự kiện. “Chính vì sợ sự chủ quan nên tôi sợ viết hồi ký. Kể cho bạn thân nghe thì được. Thí dụ, có anh X. viết về đời một nhân vật nổi tiếng cũng ở tù. Vì là bạn thân đưa cho nhau đọc nên tha hồ nhận xét thẳng thừng. Tôi nói ngay: Viết thế này thì chắc chỉ có mình anh ở tù. Anh là vua tù, chẳng ai theo được anh. Anh có công nhận là nếu tất cả các cai tù đều răm rắp làm đúng các quy định khắc nghiệt thì tui mình chết hết rồi không? Nó chủ ý giết mình thì mình chết. Ngô Đình Cẩn đã từng nói: chết thành đống càng gọn, đào lỗ vát tất cả xuống đấy.”

Trong suốt sáu năm ở tù này (1958-1963), có tất cả 49 đứa canh gác tôi. Tất cả đều là dân Công giáo Phủ Cam (Huế), địa phương của gia đình Ngô Đình Diệm. Chỉ có hai người theo Phật giáo, một lính khố xanh của chính quyền Nam triều, một commăngđô mũ đỏ. Tôi đã nói chuyện nhiều với họ. Chuyện gì? Chuyện đời nhân xử thế ở đời, không dùng chữ chủ nghĩa xã hội hay Cộng sản, chỉ nói về một tương lai không còn bóc lột... Người lính theo Công giáo nói: Đấy cũng chính là địa đàng Chúa định cho con người nhưng con người kiêu quá nên Chúa phạt đó thôi. Họ cũng mong muốn một xã hội công bằng, bác ái nhưng động đến chữ Cộng sản là giãy nảy lên. Tất nhiên, có những anh mê muội, hung ác. Khi nhìn đánh giá kẻ thù cũng phải hiểu sâu nhiều mặt mới không dao động vì biết được bản chất của nó rồi. Chính ý này khiến tôi thích tác phẩm Viết dưới giá treo cổ của Phu-xích. Ông đã nhận xét bọn cai ngục quân SS phát xít Đức: có đứa là súc vật không còn nhân tính nhưng có kẻ nửa người nửa vật. Chính thế mới có kẻ cai ngục giữ lại cuốn sách của ông để người đời sau đọc. Kiểu tuyên truyền sơ lược không cần thận gây tác dụng ngược.

Thí dụ như anh bạn cùng hoạt động bị bắt, bị buộc khai báo để kẻ địch dẫn đi bố trí bắt tôi trong cuộc hẹn ở Gò Vấp. Ngoài Trung ương đưa vào. Anh cũng là một cán bộ tốt, đã từng bị bắt ở Sài Gòn vẫn giữ được khí tiết. Trung ương chọn anh vào giúp chúng tôi lúc đó chuyên mảng nghiên cứu quân sự. Là một trong những người được tin cậy. Ra tập kết, anh được đề

bạt làm phó chính ủy một sư đoàn. Ở trong này làm chính trị viên tinh đội. Một người như vậy nhưng về tư tưởng lại không được chuẩn bị tốt. Cứ nghe kiểu tuyên truyền đơn giản về miền Nam. Anh vào, thấy không đúng hoặc chưa hiểu thế nào là “phồn vinh giả tạo” nên phát sinh hoài nghi những cái đã được học. Phải nói sao cho thuyết phục và có tính chân thật, đừng sợ bị chụp mũ là ca ngợi kẻ địch. Vào chiến trường sinh tử phải nhìn chính xác mọi mặt thì mới đối phó được.

Cao Dao là một nhà báo có tiếng, cũng là người của ta (chính là anh Huyền người cùng cung cấp cho ông Mười Hương tin báo Nhật sẽ đảo chính Pháp) thời gian Diệm mới được đưa về thay Bửu Lộc làm Thủ tướng, Cao Dao có nói với ông Mười Hương: “Anh ạ, Diệm trước khi về nước bản khoăn lắm, nó nói rằng chúng ta phải đấu tranh với Cộng sản. Cộng sản có ba mặt. Thứ nhất, nói gì thì nói, Cộng sản là người nắm thế chính nghĩa, không thể phủ nhận sự lãnh đạo khởi xướng cuộc chống Pháp, từ đó mới có nước Việt Nam độc lập. Thứ hai, Cộng sản có một đội ngũ rất trung thành. Giống như một đội thánh tông đồ. Đội này có hàng ngàn, vạn, chứ không chỉ mười hai vị như của Chúa. Tụi này rất trung thành, quyết liệt. Thứ ba, nó có tổ chức gắn với dân. Cho nên chúng ta chống Cộng sản phải làm sao phá nổi ba thế này thì mới thắng được, không vượt được ba cái này thì khó lắm”. Những điều này đeo đuổi ông Mười suốt về sau, giúp ông đánh giá được kẻ địch để có những đối phó chính xác.

“Với cách nhìn như thế, tôi phân tích các khía cạnh của lối cai trị của anh em Ngô Đình Diệm. Sự tàn ác với nhân dân, làm tay sai thì đã rõ. Nhưng Diệm có những đặc thù. “Phải tìm hiểu thằng địch” - ông Mười nhận định - “Anh em Diệm - Nhu làm chính trị thật, muốn dân tộc theo kiểu của họ. Ngay khi tìm hiểu, phân tích, báo cáo ra bên ngoài lãnh đạo, tôi cũng lưu ý thấy Diệm có mâu thuẫn với Mỹ. Thí dụ, CIA cần tin tức, Diệm yêu cầu cứ chi tiền ra, Diệm cung cấp tin tức chứ không cung cấp cơ sở”.

Vì sao tôi phải nhận xét đặc thù đó? Vì nó là những sắc thái để chúng ta có thể hiểu chính sách thâm độc của nhà họ Ngô. Anh em họ Ngô không bỏ sữa, ăn chơi như đám Tâm, Hữu - những tên thủ tướng được dựng lên. Nhà

Ngô đó tự hào mình là dân tộc Việt Nam, yêu nước - những biểu hiện sinh hoạt của họ không phải không có nhiều người ngưỡng mộ. Họ không ăn chơi đàng điếm mà thích ăn vặt kiểu Huế. Thích nhất món cá trầu kho dưa. Sinh hoạt kiểu Á Đông... quần áo lót tự giặt lấy, cho đó là đồ riêng, không để người khác giặt. Viên đại úy hầu cận kể lại vậy. Diệm dùng người rất chú ý kiểu Việt Nam: sử dụng những người thân tín. Viên đại úy hầu cận này tên là Bằng, con một người chạy giầy làm cho Ngô Đình Luyện em của Diệm, giám đốc Sở Đạc điền ở Đà Nẵng. Bố là người thân tín nên Diệm tuyển con vào tiếp tục hầu cận. Bằng kể buổi sáng sớm vào pha trà cho Diệm, bao giờ cũng được Diệm kêu đến cho một chén. Vì thế, Diệm cũng có nhiều người thân tín, dám xả thân. Diệm rất tự hào về gia đình, dòng dõi mình. Không tán thành Pháp, Diệm treo ấn từ quan lúc làm thượng thư Bộ Lại. Bố của Diệm là Ngô Đình Khả cũng Bộ Lại. Đến người sui gia Nguyễn Hữu Bài cũng thượng thư Bộ Lại. Diệm nói Diệm yêu nước và tự hào: “Đày vua không Khả, Đào mả không Bài” (Ngô Đình Khả - thân sinh ông Diệm không tán thành đày vua Duy Tân, Pháp chủ trương đào các mả vua chúa lên để lấy vàng. Ông Nguyễn Hữu Bài, cha vợ Ngô Đình Khôi anh ông Diệm, phản đối trong khi các quan khác lại ngậm miệng). Ông Thục nói là cả nhà phải nghe. Khi Mỹ ép gia đình họ Ngô đi di tản để đưa Phan Quang Đán về, ông Thục không cho: “Tổng thống cứ làm tổng thống, Nhu làm phụ tá cứ làm. Mỹ nói kệ nó. Nước của mình là việc của mình.”

Tại sao tôi nói nhiều khía cạnh về anh em họ Ngô? Để trả lời phần nào cho những diễn biến cuộc đấu trí trong tù. Có lần nhà văn Nguyễn Quang Sáng cũng trò chuyện với tôi, muốn nghe về giai đoạn này. Tôi bảo: Muốn hiểu câu chuyện phải hiểu rõ kẻ địch. Tôi đã hai lần bị bắt: lần trước là thời kỳ thanh niên, tham gia hoạt động Việt Minh năm 1940-1941. Thời đó tôi khỏe, bị đánh ngủ dậy là khỏe. Khi bị bắt, ráng chịu mấy tháng. Đánh xong là ký cung, nhốt vào tù. Pháp cho rằng thế là yên. Bị nhốt, không liên lạc được với bên ngoài, không hoạt động được nữa là thôi. Từ thời Diệm rất khác. Nó giam để khai thác vô thời hạn. Cứ giam đầy, vợ được tài liệu gì dính anh, nó lại kêu lên hỏi. Người tù luôn ở tâm trạng cái chết treo trước mặt. Nó có yêu cầu chính trị của nó chứ không chỉ đánh phá về tổ chức không thôi. Nó mở cuộc đấu tranh tư tưởng thật sự với người tù trong thế nó mạnh, nhốt anh, có thể không cho ăn, thậm chí không cho vệ sinh thân

thể. Nó hành hạ trên sinh hoạt, đánh không nhiều. Diệm - Nhu có nêu ý kiến trong một cuộc họp ngành an ninh: Vì sao người Pháp cả 100 năm không tiêu diệt được Cộng sản dù họ lập ra biết bao nhà tù, bao nhiêu cách khảo tra? Nhiều người lúc bị bắt không phải Cộng sản, là một nông dân, thật thà đến khờ khạo, vậy mà khi ra tù trở nên tinh khôn, thật kỳ lạ, thành một người Cộng sản có lý luận. Nếu sử dụng nhà tù, rồi bắn giết mà hiệu quả thì Pháp đã thành công từ lâu rồi. Diệt Cộng sản kiểu Pháp không ăn thua. Chính vì vậy, Diệm - Cần đưa ra chính sách: Với Cộng sản phải dùng cách “qua cầu rút ván”. Lợi dụng phong trào ta đang lúc khó khăn, chúng kết hợp thủ đoạn cứng rắn với lừa gạt dụ dỗ tấn công tư tưởng khiến người bị bắt luôn phải căng thẳng, đưa dân họ vào con đường phản bội từng bước. Khi có sai lầm với tổ chức rồi thì có ra tù cũng không được tin dùng nữa. “Lấy chim cu diệt chim cu, lấy chúng nó đánh chúng nó” là một ý tưởng của Diệm - Cần.

Đã có lần Ngô Đình Cần tập họp số anh em bị bắt ở Huế, thuyết phục bằng lời lẽ kích động: Các anh là ân nhân của đất nước, là tinh hoa của đất nước. Bởi nếu không có kháng chiến thì cũng không có cả nước Việt Nam Cộng hòa. Nhưng các anh bị Cộng sản lợi dụng và cướp công. Vì thế, chế độ của Ngô Đình Diệm mời các anh hợp tác. Được như vậy là hồng phúc lớn của dân tộc.

\*\*\*

Sau khi không lung lạc được ông Mười Hương, Ngô Đình Cần đưa ông về giam ở trại lao Thừa Phủ (Huế) và tiếp tục dùng đòn tâm lý, tư tưởng hành hạ thể xác qua chuyện giam trong phòng tối, chuyện ăn, ngủ... Để tồn tại trong nhà tù, ông Mười Hương “phải tìm việc làm” cho cái óc của mình để không bị đi đến chỗ phản bội. Ông kể, một trong những hình ảnh lưu giữ động viên tôi nhiều nhất là cặp mắt trong veo của con trai tôi (anh Trung, nay đã là đại tá quân đội): “Mình phải làm sao để khi về, hai cha con có thể nhìn thẳng vào mặt nhau. Nếu tôi phản bội, tôi làm gì sai, thì rồi sống cũng như chết thôi.”

Cái khổ trong tù là: trước lúc bị bắt nghĩ đến lúc bị tra tấn, muốn chết. Đau và chết là hai ám ảnh với người bị bắt. Mình cứ chờ: thôi nó đánh cho xong, chứ chờ là khổ nhất. Trong lúc chờ đợi, tôi nghĩ phải làm thế nào để giữ được. Con người còn sống còn nghĩ. Nghĩ vì ích lợi, không đưa đến tiêu cực. Tôi nghĩ ra cách: ôn lại Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm. Nghĩ cho đến lúc đi ngủ, không sợ sệt. Phải tìm việc làm cho cái óc của mình, bởi con người ta đi đến chỗ phản bội cũng từ suy nghĩ. Tôi kết luận được tính chất của chính sách Diệt: não, tinh thần là quý nhất của con người, Diệt làm cho hư hại.

Cái chính là nó hành hạ mình. Không có người bên cạnh trong phòng tối. Ăn uống thì người tù trại chính được cả suất, mình chỉ nửa suất, tiêu hao sinh lực. Trước thì giam ở phòng tối rửa ảnh cũ của Nha Công an. Sau đưa lên trại lao Thừa Phủ Huế cũng xà lim riêng. Quần áo suốt gần sáu năm tù chỉ có một bộ.

Mà Huế thì lạnh lắm.

Đó là một thời kỳ máu lửa. Chỉ trong hai năm bọn Diệt triệt hạ gần hết cấp ủy Thừa Thiên - Huế. Ở Quảng Nam, Quảng Trị bị bắt cũng nhiều. Có những người địch sử dụng được làm quần chúng hoang mang. Anh em mình cũng có người sai lầm, có người khờ khạo tưởng có thể trá hàng, lừa được kẻ địch, có thể lợi dụng được “chính sách”. Cậu Hội “cao”, võ rất giỏi, trước đây trong kháng chiến nổi tiếng đánh mật vụ Tưởng ở Đà Nẵng. Hội “cao” tưởng lợi dụng được tụi đưa cơm, viết thư cho cơ sở báo cho các đồng chí chạy trốn, nhờ chuyển. Không ngờ bị họ đưa tất cả cho công an địch. Hội “cao” bỏ trốn không thoát, nó đánh chết. Cuộc đấu tranh tư tưởng mình chỉ có cái óc, địch có bộ máy. Mình khó lòng lừa nó được. Mình tôi mà có tới 10 người gác ngày, đêm. Lúc nào nó cũng quan sát mình. Phải rất cảnh giác, không khiêu khích yêng hùng nhưng biết tranh thủ tùy đối tượng. Với tụi gác, tôi chỉ hỏi rõ các quy định để biết mà thực hiện, cái gì giúp được thì họ giúp. Thí dụ về khuya xin được mở cửa cho thoáng. Cho tụi cộ

bô khởi hôi, toàn việc bình thường với lòng nhân ái con người bình thường chứ không nhờ gì về chuyện liên lạc. Với anh em mang cơm cũng vậy, không biết địch nó có “xây dựng” các cậu này không.

Ngay ở những điểm nhận xét về con người như thế này, ở ngoài tù có nhiều người không hiểu, nghĩ cũng không biết về hoàn cảnh đầy người cán bộ đến chỗ thỏa hiệp. Ngay anh Đạt, Phó Bí thư Thừa Thiên, bị tụi Cấn lung lạc và đưa ở cùng với tôi khi ra Huế. Anh gặp tôi khóc: “Chúng em sai rồi. Anh cố giữ đầu tàu cho anh em trông vào. Nhưng không sống được đâu anh ạ”. Có lẽ đó cũng là lời trăng trối của Đạt.

Nó có đánh đập ông không, vì có người tù Cộng sản nào lại thoát được đánh đập? Để trả lời câu này, có thể dùng kết luận về bọn mật vụ miền Trung: Xuyên suốt từ đầu đến cuối, nó dựa vào tâm lý, tư tưởng. Nếu có đánh là nó thử một cú xem sao. Đánh một lần không ăn thua là thôi, vì Cấn không chủ trương đánh những người quan trọng như ông Mười Hương người phụ trách tình báo miền Nam. Ông được biết mấy thằng đánh ông đã bị Cấn gọi lên chửi: “Chính sách của tao là dụ dỗ. Chúng mày định phá chính sách của tao à? Tụi bây tưởng tao không biết làm như công an Sài Gòn à? Nhưng tao không làm. Những người mà một câu nói của họ ủng hộ mình bằng vạn thằng bộ trưởng tay sai. Chúng mày đánh là phá chính sách của tao!”.

Ở nhà lao Thừa Phủ xảy ra mấy chuyện:

Thái độ của tụi canh gác: Sáu tháng đầu, chúng khiêu khích, không cho yên ổn, vừa nằm xuống định ngủ thì đập cửa kêu dậy làm việc nhưng không thấy gì. Nó muốn mình mất ngủ. Ông Mười Hương thiền suốt đêm cho đến khi ngủ gục. Chúng lại đập cửa. Tuy nhiên cũng có những lính gác động lòng. Một người tên Nhung lúc thay ca lén ném cho ông chiếc chăn đơn: “Anh ạ, trâu sao bò vậy, thấy anh tôi không cầm lòng nổi, tôi làm theo lệnh trên, anh thông cảm. Anh đắp chăn mà ngủ, hết ca tôi gọi anh dậy trả chăn”. Nhờ vậy nên ông mới gà gật được một chút qua đêm lạnh cóng.

Chuyện ăn uống cũng vậy. Có thời gian suốt nửa tháng ăn cơm muối không. Muối hột cứ ăn từng đợt như thế, sức lực kiệt dần. Sống được cũng là do người gác còn chút lương tâm làm ngo khi biết anh em làm bếp có tiếp tế. Họ giấu cá, thịt dưới bát cơm. Khi ra đồ bỏ, phía sau vườn có những cây hoa, dưới gốc mọc rau dại li ti, ông bứt vội mà ăn, không được phép cũng cứ lấy. Có lần ông được lén cho chiếc lòng đỏ trứng gà. Ông nhớ lại: “Chưa bao giờ tôi ăn cái lòng đỏ trứng ngon đến vậy. Có chút roi vãi, lấy tay chấm như người nghiện chাম thuốc phiện rơi xuống chiếu”. Những đồng đội ở xà lim khác cũng cứu giúp một cách bí mật. Đi câu tiêu, ông nhìn xéo ra chỗ sâu nơi tù phụ nữ ra vờ như phơi đồ. Một chị ra phơi miếng vải trắng, tay vuốt vuốt nước, nhìn ông ra hiệu, khi ông ra đồ bỏ, lấy đem vào. Ông làm gì được với miếng vải đó?

“Có lẽ các chị thấy trời lạnh quá mà tôi chỉ mặc xà lỏn nên ra hiệu cho tôi lấy vải may đồ. May thế này: Tôi lén viết thư chuyển cho anh chị em xà lim bên xin kim chỉ và lưỡi dao cạo. Tôi tự cắt để may thêm chiếc xà lỏn nữa. Ở tù, ai cũng biết lục lọi, moi tìm từ các lỗ, ngách để hy vọng thấy gì đó được giấu từ người tù trước để lại.”

Thời kỳ đó, giám thị nơi tôi bị giam nghe anh em kêu là “thầy Mai”, đảng viên Quốc dân Đảng, đã làm rất lâu cho Pháp. Văn phòng của “thầy Mai” ở cùng dãy với xà lim của tôi. Thường thì ông ta buổi trưa về nhà ăn cơm. Tôi nghĩ cách sẽ bí mật may quần áo buổi trưa. Trong phòng tôi, ngoài trời nắng gắt nên có thể tận dụng tia sáng qua khe cửa.

Ông làm như vậy cho đến một buổi trưa, đang hí húi may chợt thấy bóng người đứng lù lù nơi cửa. Ngừng nhìn thì đúng là tên giám thị. “Thầy Mai” cất tiếng quát:

- Mà làm gì?

Ông Mười Hương không trả lời. Ba lần hỏi như vậy vẫn thấy người tù im lặng, hẩn gặng:

- Sao hỏi không trả lời?

Lúc đó, ông mới nói thông thả:

- Tôi là thầy giáo. Tôi không bao giờ mày tao chi tứ với ai. Với con tôi, tôi cũng dạy nó như vậy.

Chợt hiểu, hẩn thay đổi:

- Anh làm gì?

- Tôi may.

- Lấy đâu ra may?

- Người ta cho.

- Ai cho?

- Ông đã biết tôi bị giam mấy năm nay không khai báo. Chắc khi đưa tôi đến đây giam, người ta phải báo cho ông biết điều đó rồi.

Sau một lúc đối đáp cụt lủn vậy, “thầy Mai” đổi giọng:

- Tôi biết anh chứ. Nhưng sao cần không nói cho chúng tôi biết?

Lại nói giọng ôn tồn mà dứt khoát, ông Mười:

- Tôi không muốn phải xin các ông, vì xin là phải trả mà tôi lại không trả được cái các ông muốn. Ông đã biết những chuyện quan trọng như khi tôi bệnh cũng không xin thuốc. Tên giám thị thấy được sự thật trong lời nói này. Hắn biết ông đang bị phù thũng nặng, toàn thân như tê bại, chỉ còn cặp mắt và lưỡi để cất tiếng nói. Hắn hạ giọng:

- Anh không sợ gì sao? Chỉ khổ thân anh thôi.

Ông Mười thuyết phục:

- Ông không biết ai cho tôi đồ may. Việc này cũng chỉ mình ông biết, tôi mong ông nhắm mắt bỏ qua. Đời còn dài. Sau này biết đâu con cái tôi lại gặp con ông. Để cho chúng nó còn nhìn mặt nhau. Ông vẫn thường nói mình sẽ không ham lên chức tước gì nữa, vậy ông nên bỏ qua việc này. Hắn bỏ qua thật. Ông Mười Hương nhận xét: “Con người cũng phải còn có chút lương tâm. Mình không chọc vào cá nhân, không coi thường, vênh váo thì cũng thu phục được ít nhiều”

## VII. Đấu lý với Ngô Đình Nhu

Anh em Diệm - Nhu - Cần không đem thủ tiêu mà cố gắng “chuyển hướng”, lay động lý tưởng Cộng sản trong những người tù quan trọng như ông Mười Hương. Nhưng họ đã đánh giá lầm. Diệm - Nhu - Cần không bao giờ biết được thật chi tiết những trang đời trước đó của người tù đặc biệt này. Đây không phải lần đầu ông Mười Hương ở tù.

Dùng đòn tâm lý, tư tưởng, hành hạ thể xác để mong lung lạc ông Mười Hương không được, Ngô Đình Cần đã nhờ cố vấn Ngô Đình Nhu gặp ông để thuyết phục.

Trong tù đã lâu, thiếu thông tin nhưng với niềm tin và cái nhìn thời cuộc khá tinh của người làm công tác tình báo, ông Mười Hương đã đưa ra nhiều lý lẽ làm anh em nhà họ Ngô phải giật mình.

Ngay từ khi bị bắt cho tới sau này, giấc thấy ông luôn bình tĩnh, ôn tồn, không chửi bới nên chúng chỉ thị không được thô bạo với ông. Hồ sơ chúng ghi có lần ông liếc thấy: “Nghi can Phó Giám đốc Nha Tình báo Trung ương Bắc Việt không khai báo gì.”

“Tôi luôn tâm niệm: Chắc là mình sẽ chết, không bao giờ còn ngày về với gia đình. Nhưng chắc chắn thằng địch phải cúi đầu trước cái chết, và tôi không đầu hàng, không tự sát. Lúc đó có thể tự sát được vì ở riêng trong phòng tối. Chết cũng chấp nhận, vậy mà có những nỗi khổ tức cười: lúc ở nhà tù để quốc còn bắt được muối, rệp, ở đây không thấy muối đâu mà đánh.”

Chúng đánh ông thế nào? Ông kể vắn tắt: “Lần ấy nó đánh tôi ba ngày. Thường đánh đến chết ngất mới thôi. Tôi nghĩ: cố gắng không kêu. Làm sao học được cách của ông Trần Xuân Độ nghĩ khi bị đánh trong tù: chúng đánh như đánh vào đồng đất thì chúng chán. Nếu mình la hét, nó sẽ thấy đánh có tác dụng, lại càng đánh thật lực. Ngày thứ hai nó đem lên đánh, tôi chủ

động bảo: “Xin lỗi các ông, cho tôi bỏ quần áo ra, vì không có quần áo thay, lỡ ra máu”. Tôi tự cười, chờ đòn. Thấy vậy, có đứa “dội” bảo nhau: “Thôi, mày vào trước đi”. Chúng tránh không phải chứng kiến kiểu chờ đòn một cách chủ động như vậy. Tôi có ý giữ cái ót, cái chân thủy, nơi có thể làm chết người. Chú ý giữ hạ bộ nữa, những chỗ nguy hiểm. Phải giữ sao đừng để nó đánh hụt, nó tức. Bọn địch chỉ tuyệt vọng, thối khí khi thấy đánh thẳng này không ăn thua gì. Tương quan lực lượng như thế, nó đánh nó chẳng sợ mình chết đâu. Tuy nhiên nó không muốn, vì mình chết thì nó hết chỗ khai thác. Làm sao cho nó đánh, mình chịu được trót lọt. Đến ngày thứ ba, chúng ngừng lại.”

Một hôm, tên Dương Văn Hiếu, Trưởng ty Công an Thừa Thiên, từ Sài Gòn ra, đến gặp ông Mười Hương một buổi chiều. Nó nói linh tinh tin tức về các vụ bắt bớ, đàn áp phong trào của nó thắng lợi lớn, rồi bắt ngờ vỗ bàn vỗ ghế, hỏi ông:

- Chúng tôi đã làm việc với anh hết sức rồi. Bây giờ anh chỉ nói một câu thôi: anh Quốc gia hay Cộng sản? Nếu là Cộng sản thì tôi với anh một mắt một còn. Có anh không có tôi.

- Anh em gác tù nói với tôi là ông bắt tôi vì tôi là Cộng sản. Tôi đấu tranh cho độc lập, thống nhất, hòa bình, dân sinh dân chủ, tôi không phủ nhận việc làm của một người Việt Nam yêu nước. Còn ông gọi thế là Cộng sản, đem bắn giết tôi cũng không chối bỏ việc tôi làm.

“Làm cách mạng bị tra tấn là chuyện thường. Nhưng đấu tranh tinh thần mới là khó. Cái quý của con người là tinh thần. Bọn địch thâm hiểm bày mưu hòng làm lung lạc tinh thần của anh em chúng tôi. Một số anh em bị đòn tra không chịu nổi, khai báo nhưng vẫn cho là trong lòng mình không phản là được. Họ tự an ủi hàng Hán mà không hàng Tàu. Họ không biết như thế là đã bỏ cái mạnh nhất của mình: chính nghĩa. Anh từ bỏ nó là anh chết thôi.”

Chúng bố trí cho ông Mười Hương gặp Ngô Đình Nhu trong một cuộc họp đông người tại nhà nghỉ mát của Ngô Đình Cẩn ở cửa Thuận An để nghe Nhu giảng giải thuyết phục. Chính “cuộc họp” này đã gây cho ông Mười Hương một sự phiền toái sau này: Có những tố giác ông về việc gặp gỡ này. Rất may là “tài liệu sống và tài liệu chết” còn nguyên: tổ chức của Đảng đã thẩm tra lại được hồ sơ của địch - là tài liệu chết, và lấy lời khai của những tên tay sai của Mỹ ngay lúc đó còn đang cải tạo dưới chế độ ta sau giải phóng - đó là tài liệu sống. Bọn này đều có liên quan đến việc bắt, khai thác, lập hồ sơ về ông Mười Hương thời kỳ ông bị địch bắt (như Lê Văn Dư, Lê Phước Thương, Phạm Thu Đường và Nguyễn Tư Thái đều là phụ tá Đoàn công tác đặc biệt...). Tổ chức Đảng cũng đã làm rõ, lấy được ý kiến xác nhận của bốn cán bộ cùng bị tù chung với đồng chí Mười Hương. Họ đều nói thống nhất là suốt thời gian bị bắt, bị tù, đồng chí không hề khai báo, chuyển hướng, còn nhắc anh em cố gắng giữ gìn khí tiết, được anh em kính trọng, coi như cấp trên của mình. Ông Phạm Xuân Ân, một nhà tình báo của ta cũng kể lại: “Tôi đang học ở Mỹ - ông Mười Hương giữ được khí tiết, không khai ra nên tôi an toàn.”

Cuộc gặp đó có cả Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn, Hà Thúc Luyện - Tỉnh trưởng Thừa Thiên, Hồ Đặc Khương - đại biểu chính phủ Trung phần, Trần Văn Đôn - Tư lệnh Quân khu và một số cán bộ ta bị bắt. Nhu nói về tình hình thế giới, về chính sách của họ Ngô, kêu gọi sự chuyển hướng. Ông Mười nhớ lại: “Tôi vừa đến thì chúng “chấn” ngang tinh thần tôi”. Cẩn trách:

- Các ông ác lắm, diệt cả gia đình chúng tôi. Các ông đã giết anh Cả tôi (Ngô Đình Khôi, Tổng đốc Quảng Nam), lại còn giết con anh tôi, Ngô Đình Huân - cháu đích tôn của dòng họ. Suýt nữa thì gia đình họ Ngô tôi tuyệt tự..

Tôi lập tức nói, cố giữ giọng bình thường:

- Ông ạ, nếu Cộng sản ác như ông nói thì ông Diệm không còn sống đến bây giờ. Có lúc bắt được ông Diệm, Cụ Hồ tha đó thôi, còn kêu gọi hợp tác chống đế quốc. Các ông đều biết rõ cả.

Ngô Đình Cẩn nói ngay để lảng sang vấn đề khác:

- Ông nói phải. Việc đối xử sai là do cấp dưới. Không bao giờ cấp trên các ông làm như thế.

Chúng quay ra kể về các phong trào của ta giết tề, phá kim kẹp như là những thí dụ của việc không thực hiện Hiệp định Genève.

Tôi nói: “Những người kháng chiến không đòi ông điều gì. Chúng tôi chỉ đòi thực hiện đúng Hiệp định, không được trả thù. Nhưng thực tế ra sao? Các ông đã làm quá đáng: vợ con người tập kết ông bắt làm giấy bỏ chồng, từ con. Ông nhớ người Việt Nam có câu: Con giun xéo lắm phải quặn. Người ta phải chống lại thôi. Mọi việc là tại các ông thôi. Đánh nhau hay không không phải Việt Minh muốn. Nếu họ muốn đánh nhau thì họ chẳng ký Hiệp định. Rõ ràng người ta muốn hòa bình, thống nhất.”

Khi tranh luận, tôi nói:

- Các ông chưa có độc lập đâu.

Nhu: Tại sao ông lại nói thế. Chúng tôi chỉ dựa vào Mỹ, cũng như các ông dựa vào Nga Xô thôi.

Tôi: Chính các ông nói: Mỹ viện trợ 80% cho quân sự và vũ khí, 20% còn lại trang bị cho cảnh sát và thông tin tuyên truyền, tức là chỉ giúp các ông điều kiện để đánh nhau và chửi nhau với miền Bắc thôi. Có gì cho xây dựng

kinh tế đâu. Ông Diệm vay tiền làm đập Đa Nhim, nhưng Mỹ không cho. Các ông vay - họ không cho vay, các ông phải xin họ mới cho. Họ không tin các ông. Các ông mua hàng dân dụng ở đâu cũng phải do Cơ quan viện trợ Mỹ chỉ định. Ít nhất 10% hàng chở về cũng phải bằng tàu Mỹ. Các ông phụ thuộc Mỹ. Viện trợ Mỹ là cái thòng lọng. Khi nào các ông chống họ, không nghe họ thì họ thắt lại, các ông hết thở thôi. Kinh tế các ông chả có gì cả. Ở miền Bắc chúng tôi mọi chuyện hoàn toàn khác.

Sau này ngay khi có đảo chính, tôi nghĩ với chút tự hào, nếu anh em Diệm có còn ai sống sẽ phải công nhận tôi nói đúng. Ngô Đình Nhu nghe vậy thì im lặng tảng lờ và xoay sang chuyện khác. Nhu bảo:

- Ông ạ, các ông cứ chửi chúng tôi là tay sai của Mỹ, cứ giữ biên giới Mỹ ở Vĩ tuyến 17. Không biết ông có biết, hay là chỉ các ông lớn ở trên mới biết, là Kennedy và Khorútxốp đã thỏa thuận, xác định Vĩ tuyến 17 ở Việt Nam và Vĩ tuyến 38 ở Triều Tiên làm ranh giới phân chia cân bằng ảnh hưởng của hai phe, hai thế lực. Chúng tôi bước sang phía Bắc Vĩ tuyến 17 thì Nga Cộng không để yên. Còn các ông bước vào phía Nam thì Mỹ cũng không thể nào để yên được. Ông là người Bắc sao lại vào Nam phá Hiệp định?

Đây vốn là luận điểm khiến một số trí thức miền Nam hiểu nhầm, không coi đây là kháng chiến chống Mỹ vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước mà cho là chiến tranh ý thức hệ.

Tôi lập tức trả lời:

- Ông Nhu này, tôi là người Việt Nam. Từ nhỏ tôi đã được học nước Việt Nam liền một dải, từ Ải Nam Quan ở phía Bắc tới Mũi Cà Mau ở phía Nam. Cụ Hồ từng nói “miền Nam là máu thịt của Việt Nam, dù sông có thể cạn, núi có thể mòn”. Tôi theo Cụ Hồ. Tôi rất tự hào vì đã được ở lại miền Nam để đấu tranh cho thống nhất đất nước. Nếu muốn biết chế độ nào tốt,

xấu, ông thử mở cửa giới tuyến cho tự do lựa chọn xem. Nếu miền Bắc xấu thật thì người ta sẽ theo vào miền Nam với các ông hết.

Ngô Đình Nhu bảo:

- Nội một triệu người di cư cũng đủ chết rồi. Lấy gì nuôi.

- Sao các ông nói chính nghĩa mà không dám trung lập như Ấn Độ, lại phải theo Mỹ?

- Nếu thế thì mất ngay với các anh thôi. Các anh nói giỏi. Tôi thừa nhận chúng tôi không có được những cán bộ như thế.

Tôi hỏi tiếp Nhu:

- Nếu chỉ là nghe tuyên truyền thôi, tại sao chúng tôi là trí thức có học lại vẫn tin theo miền Bắc, Cụ Hồ? Vậy nhất định phải có gì đó chứ!

Nhu lấy chuyện Nhân văn giai phẩm và cải cách ruộng đất ra để phản công, cho rằng không có dân chủ. Nhu xoáy rất nhiều vào cải cách ruộng đất ở miền Bắc đang gặp những sai lầm. Tôi phân tích bằng sự tự suy xét của mình. Tôi nói:

- Gia đình tôi là địa chủ nhưng tôi không chấp nhận gia đình tôi không làm ruộng mà có hàng chục mẫu trong khi nông dân không có ruộng đất. Tôi tán thành cải cách ruộng đất nhưng không muốn cảnh đầu tở sai. Người ta làm ruộng là phải có ruộng đất. Nhưng tôi phản đối cách làm.

Ông Mười Hương bây giờ cố nhớ lại những tranh cãi ngày ấy như muốn đòi chiếu lại sự thật lịch sử, thấy có nhiều lý lẽ đúng. Trong tù đâu có được

nhiều thông tin nhưng với những niềm tin căn bản, cái nhìn thời cuộc khá tinh của một người làm công tác tình báo, nhiều điều ông phân tích rất đúng. Ông nói: “Tôi có nói với Cẩn, Nhu: các ông phải chịu Mỹ thôi, vì nó sẽ không viện trợ cho những gì không kiểm soát được. Mà cứ chống lại Mỹ là nó giềng anh thôi. Không thoát được thòng lọng viện trợ đâu. Lý Thừa Vãn được Mỹ tin hơn ông Diệm, vậy mà khi cần gạt nó vẫn gạt bỏ như thường”. Sau này, có người nói lại cho tôi biết toàn bộ biên bản cuộc tranh luận được gửi lên cho Ngô Đình Diệm đọc. Anh em họ Ngô có nhận xét: ông Hai đó (tên gọi của ông Mười Hương) là Cộng sản ngoan cố nhưng nói nhiều điều phải suy nghĩ”.

Đảo chính 1963, Ngô Đình Diệm đổ, thời thế chộn rộn, đổi thay. Lực lượng đảo chính của Dương Văn Minh lo thanh trừng phe phái của Diệm, không quan tâm số tù chính trị cũ, nên cho thả rất đông và rất dễ. Nguyễn Tư Thái (phụ tá Đoàn công tác đặc biệt miền Trung) sau này có nói, năm 1965 nghe Trần Văn Hai - Chủ sự phòng thẩm vấn khối cảnh sát đặc biệt chửi bọn đảo chính chẳng làm ăn được gì cả, còn ăn đút lót để thả cán bộ Cộng sản, và đã thả nhầm một cán bộ tình báo cao cấp quan trọng là Mười Hương. Hồ sơ của ông có nhận xét ở phiếu tóm lược: “Đương sự ngưng hoạt động năm 1955, hơn nữa không gia nhập Đảng Cộng sản và đã bị giam giữ sáu năm”.

Chúng đã nhầm to và cũng do không có lời khai của ông trong những lần thẩm vấn. Chúng đưa ông về Sài Gòn phúc cung lại. “Tôi lại khai vòng vo: Tháng 6 năm 1958, đang đi ở Gò Vấp bị xe Jeep chặn lại bắt, không rõ lý do gì. Trước là thầy giáo, có tham gia kháng chiến. Đến năm 1953, gặp khó khăn, vợ có mang, tản cư khổ nên về thành. Gần Hiệp định Genève, biết Việt Minh thắng lợi, trở về sợ ngược nên di cư vào Nam, vẫn đi dạy học. Nó hỏi: Thế tại sao lại bị giam lâu như người mắc tội quan trọng? Vì người ta muốn tôi phải làm cái việc lương tâm tôi không cho phép làm. Việc gì? Chỉ những người kháng chiến xưa cho họ bắt. Bắt tôi nhận có làm chức này, kia mà thực tôi không làm.” Chứng cứ bắt không có. Kết hợp lo lót (do các anh em được thả trước giúp) nên ông được thả ngày 18 tháng 5 năm 1964. Tụi địch còn đùa: “Nay, tụi này thả ông anh ra về kịp ăn sinh nhật Cụ Hồ nhá!”.



## PHỤ LỤC

(VTC 14-6-2020)

### **Đại tá Tư Cang kể chuyện dùng 3kg vàng giải cứu ông Mười Hương khỏi kẻ thù**

*(VTC News) - Đại tá Tư Cang nhớ như in câu chuyện dùng 3kg vàng để mua chuộc cai ngục tạo điều kiện giải cứu ông Mười Hương khỏi ngục tù.*

Một chiều trung tuần tháng 6, điện thoại tôi bỗng thông báo có cuộc gọi đến: "Bác Tư Cang".

"Con vẫn ở TP.HCM chứ? Ông Mười Hương mất rồi, báo đài đồng loạt đưa tin. Tự nhiên nhớ và muốn kể những điều dễ thương về ông ấy", giọng ông Tư Cang buồn rầu vang lên trên điện thoại.

Đại tá Tư Cang (92 tuổi, quê Bà Rịa - Vũng Tàu), tên thật là Nguyễn Văn Tàu. Ông vốn là sĩ quan tình báo quân đội, nguyên là Cục trưởng Cục tình báo H.63. Ông cũng chính là người cứu nhà tình báo huyền thoại Trần Quốc Hương (bí danh là Mười Hương, vừa từ trần ngày 11/6/2020) ra khỏi ngục tù của chính quyền Ngô Đình Diệm năm 1963.

Đối với Đại tá Tư Cang, dù không gắn bó lâu dài với nhà tình báo huyền thoại Mười Hương, tuy nhiên mỗi cơ duyên để ông và tướng Mười Hương gặp nhau đều là những giây phút quý giá, đáng trân trọng.

Người khiến chính quyền Ngô Đình Diệm "5 lần 7 lượt" đòi thu phục

Tiếp chuyện chúng tôi tại nhà riêng nằm trên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (Phường 25, quận Bình Thạnh, TP.HCM), Đại tá Tư Cang xúc động kể về những dịp hội ngộ với ông Mười Hương.

"Dịp gặp nhau giữa tôi và ông Mười Hương cũng chỉ đủ đếm trên đầu ngón tay, tuy nhiên lần nào cũng cho tôi có một cái nhìn mới mẻ, nỗ lực ông ấy", Đại tá Tư Cang nói.

Theo lời kể của Đại tá Tư Cang, ngày 26/10/1954, Ngô Đình Diệm lên làm Thủ tướng ở miền Nam Việt Nam. Ông Mười Hương, lúc bấy giờ là Phó Giám đốc Nha tình báo, được cử vào miền Nam 6 tháng để tăng cường cho chiến trường miền Nam.

Ngay những ngày đầu đặt chân vào Nam, ông cùng các cộng sự của mình đã viết nên những huyền thoại tình báo. Ít ai ngờ rằng, 6 tháng tưởng chừng ngắn ngủi như dự định, bỗng trở thành 10 năm đằng đẵng với những biến cố khó lường.

Năm 1960, Mười Hương bị khai báo, bị bắt và đưa đi giam giữ, tra tấn tại nhà giam Chín Hàm (Huế) do Ngô Đình Cẩn cai quản. Tại đây, ông bị Ngô Đình Nhu "5 lần 7 lượt" đòi thu phục nhưng đều thất bại.

"Hồi đó tôi là Cục trưởng Cục tình báo H.63, được giao làm thư ký, ghi chép lại những điều ông Mười Hương kiểm điểm khi ra tù. Hồi đó, cứ ai đi tù ra đều phải làm kiểm điểm. Đó cũng là cơ hội để tôi được nghe lại những câu chuyện trong nhà giam Chín Hàm - một "máy xay thịt người" của chính quyền Ngô Đình Diệm, và cũng là cơ hội để hiểu rõ hơn con người của ông Mười Hương", Đại tá Tư Cang kể.

Tại nhà giam Chín Hàm, Mười Hương được trực tiếp Ngô Đình Nhu (người được cho là lý luận sâu sắc, tinh ranh của chính quyền Ngô Đình Diệm) tra khảo. Đánh giá được Mười Hương "khác người", không như những bộ đội khác, Ngô Đình Nhu lên kế hoạch thu phục Mười Hương vào bộ máy chính quyền Ngô Đình Diệm.

Sau nhiều lần tra khảo bằng những lý luận sâu sắc để đả đứ trí, Ngô Đình Nhu dùng ánh sáng 500kW chiếu thẳng vào mắt Mùì Hương nhằm làm rối loạn dây thần kinh, để đo được độ thật của ông. Tuy nhiên, "5 lần 7 lượt" đều thất bại.

Năm 1962, Ngô Đình Nhu buộc phải chuyển Mùì Hương về nhà giam tại Sài Gòn để chờ thời cơ tiếp tục thu phục. Trong những lần trực tiếp tra khảo, Ngô Đình Nhu phải thừa nhận Mùì Hương là một người cộng sản ngoan cố, nhưng nói nhiều điều phải suy nghĩ. Nếu không thu phục được thì chắc chắn phải thủ tiêu.

Đôi 3kg vàng để lấy... tương tình báo

Tại nhà giam ở Sài Gòn, Ngô Đình Nhu tiếp tục lên kế hoạch thu phục Mùì Hương. Đồng thời bố trí lực lượng canh giữ ông nghiêm ngặt. Tuy nhiên, cuộc đảo chính lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm đã tạo cơ may để tổ chức giải thoát ông ra khỏi lao tù.

"Trong cuộc đảo chính, cụm tình báo nhận nhiệm vụ từ Trung ương là giải cứu ông Mùì Hương. Khi đó tôi là Cụm trưởng nên phải lên kế hoạch thực hiện", Đại tá Tư Càng nhớ lại.

Tháng 11/1963, nhân thời điểm đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm nhiều hỗn loạn, cụm tình báo lên kế hoạch thực hiện. Nhận biết được điệp viên Phạm Xuân Ân thông minh, giỏi ngoại giao, Cụm trưởng Cụm tình báo Tư Càng giao Phạm Xuân Ân giữ vị trí quan trọng trong cuộc giải cứu Mùì Hương.

Sau khi thăm dò tình hình, điệp viên Phạm Xuân Ân báo với tổ chức phải chuẩn bị đủ 100.000 đồng (giá vàng thời điểm này là 3.000 đồng/lượng, tương đương hơn 3kg vàng) để mua chuộc cai ngục và đưa Mùì Hương ra ngoài.



*Đại tá Tư Cang kể về chuyện giải cứu ông Mười Hương khỏi ngục tù Ngô Đình Diệm.*

"Phạm Xuân Ẩn hồi đó đi học ở Mỹ về, trước đó rất thân tín với ông Mười Hương. Việc Phạm Xuân Ẩn qua Mỹ đi học cũng là do ông Mười Hương đề xuất, nên mối liên giao giữa hai người đặc biệt hơn người khác.

Trong cuộc giải cứu ông Mười Hương, bằng khiếu ngoại giao sẵn có cùng sự khôn khéo, Phạm Xuân Ẩn đã tiếp cận được cai ngục.

Sau đó, Ẩn ra điều kiện là viên cai ngục chỉ cần lơ là 15 phút để cho ông Mười Hương tự thoát ra ngoài, rồi giả vờ truy hô thì sẽ được nhận 100.000 đồng. Hồi đó 100.000 đồng lớn lắm, mua được cả căn nhà ở thành phố bây giờ", ký ức về cuộc giải cứu cam go vẫn in rõ mồn một trong ký ức Đại tá Tư Cang.

Nhận được tin phải chuẩn bị đủ 100.000 đồng để mua chuộc cai ngục, là người đứng đầu cụm tình báo, Đại tá Tư Cang lo lắng vì số tiền quá lớn, tổ chức không thể lo đủ để đưa cho Phạm Xuân Ân. Tuy nhiên, việc giải cứu không thể trì hoãn, ông cùng đơn vị buộc phải đi vay mượn của một người tư sản yêu nước để giải quyết việc cấp bách.

Đúng như kế hoạch, giữa cuộc đảo chính hỗn loạn, viên cai ngục nhận 100.000 đồng và cho Mười Hương 15 phút tự tìm đường thoát thân. Nhờ vậy, nhiệm vụ giải cứu Mười Hương của ông Tư Cang và cụm tình báo diễn ra thành công.

Vị tướng chân chất, giản dị

Ra khỏi buồng giam, Mười Hương được Phạm Xuân Ân chở ra ngã tư Bảy Hiền (quận Tân Bình). Sau đó, người của đơn vị tiếp tục chở ông về Bến Đình (Củ Chi) để gặp Cụm trưởng Tư Cang và tổ chức.

Do thời gian cấp bách, sợ quân địch truy đuổi, cuộc gặp gỡ của Mười Hương với tổ chức tại Củ Chi chỉ vồn vện trong một bữa cơm.

"Lúc vừa ra khỏi nhà giam, ông Mười Hương gầy lắm, song gầy nhưng khoẻ khoắn. Khi ông ấy nói muốn ăn cơm, tôi lập tức nhờ một cô chuyên hỗ trợ tổ chức vào bếp ngay. Tổ chức hồi đó cũng nghèo, chỉ có lươn bắt được ngoài đồng, thế là có món lươn kho sả ớt đãi ông Mười Hương ra tù", nói đến đây, Đại tá Tư Cang bỗng phì cười, đưa mắt nhìn xa xăm như nhìn về ký ức xưa.

Sau bữa cơm chóng vánh, Cụm trưởng Tư Cang giao cho Mười Hương một chiếc xe đạp mới. Sau đó cả hai người, mỗi người một xe, đạp lên căn cứ ở Trảng Bàng (Tây Ninh).

Trong ký ức của Đại tá Tư Cang, ông Mười Hương là luôn mang đến năng lượng cho mọi người xung quanh. Thời điểm mới ra khỏi nhà giam sau gần 3 năm tù ngục, ông Mười Hương vẫn rất phấn khởi, tinh thần yêu nước vẫn trào dâng.



Theo Đại tá Tư Cang, dù hôm nay ông Mười Hương có mất đi, thì mãi tận mai sau người đời sẽ vẫn kính nể ông bằng tấm lòng đơn sơ và chân thật nhất.

Dù là người chuyên đạp xe đi tiền trạm các điểm để lập căn cứ, nhưng trong quãng đường từ Củ Chi đến Trảng Bàng, cụm trưởng Tư Cang vẫn không thể theo kịp Mười Hương - người bị kìm cạp gần 3 năm trong ngục tối.

Song, đối với Đại tá Tư Cang, điều làm ông nhớ và khâm phục nhất về ông Mười Hương đó là con người hiền hậu, giản dị, chân chất, có lòng yêu nước đặc biệt. Theo ông, một người hội đủ tất cả yếu tố trên thì mới có thể xây dựng được một lực lượng tình báo hùng mạnh như Mười Hương đã làm.

*"Sau này, rất nhiều lần gặp lại nhau sau giải phóng, giữa rất đông người, dù đã ở vị trí rất khác nhưng ông Mười Hương vẫn xưng to rằng "Đây là ông*

*Tư Cang, người giải cứu tôi khỏi ngục tù chính quyền Ngô Đình Diệm năm xưa".*

Dù đảm nhận vị trí quan trọng trong bộ máy chính quyền, ông ấy vẫn rất gần gũi, vẫn là người thầy đơn sơ như ở chiến trường năm xưa. Tôi chắc chắn rằng, dù hôm nay ông ấy có mất đi, thì mãi tận mai sau người đời sẽ vẫn kính nể ông bằng tấm lòng đơn sơ và chân thật nhất", Đại tá Tư Cang xúc động.

(Thy Huệ)

## VIII. Hoạt động tình báo - “Người chỉ huy của những điệp viên huyền thoại”

Trong kháng chiến chống Pháp, công tác tình báo chủ yếu phục vụ cho các chiến dịch quân sự. Sau khi ký Hiệp định Genève, Bác Hồ và Trung ương Đảng đã thấy trước sự can thiệp sâu của Mỹ nên chỉ đạo chuyển hướng hoạt động tình báo ta sang hoạt động tình báo chiến lược.

Làm việc ở cơ quan kháng chiến Việt Bắc, đến năm 1948 ông Mười Hương chuyển sang tình báo quân sự, tiền thân của ngành tình báo sau này được thành lập vào năm 1951. Công việc lúc đó chủ yếu tổ chức lưới trinh sát trong các trung đoàn, tổ chức điệp báo vào các thị trấn gây cơ sở. Ông cũng đi trận mấy chiến dịch: Đường 10, Hà Nam Ninh, qua sông Đáy đánh trận Ninh Bình, chiến dịch Trung du.

“Tôi thường nắm tình hình địch cho Ban chỉ huy các chiến dịch. Trận Điện Biên Phủ tôi được phân công đi tả ngạn nắm tình hình địch rút quân vùng đồng bằng Bắc Bộ. Lúc đó, tôi giúp việc cho đồng chí Trần Hiệu, Cục trưởng Cục 2 bảy giờ. Thời điểm này, anh Đỗ Mười đang làm Chính ủy Khu Tả ngạn.

“Khi Hiệp định Genève được ký kết năm 1954, nhiệm vụ đặt ra của tình báo rất lớn. Chúng tôi chọn những tình báo như Vũ Ngọc Nhạ đi theo quân đội Pháp vào Nam.

Tôi được cử vào Nam được vài tháng thì Ngô Đình Diệm cũng được đưa về làm thủ tướng thay Bửu Lộc. Lúc đó, Ban nghiên cứu Xứ ủy có một bộ phận lo bảo vệ an toàn cho cấp ủy và đồng chí Lê Duẩn, do anh Cao Đăng Chiếm phụ trách. Tôi ở trong nhóm nắm tình hình của Mỹ và các tầng lớp khác. Các cơ sở nội thành tôi nắm một phần, một phần do anh Năm Xuân (Đại tướng Mai Chí Thọ) nắm. Tôi là một trong ba người có điều kiện ở Sài Gòn không bị lộ. Anh Cao Đăng Chiếm trước là Giám đốc Công an ta ở Nam Bộ, nhiều người biết mặt, do đó không được ở Sài Gòn, không được ra khỏi căn cứ U Minh. Thỉnh thoảng anh Năm Xuân cũng vọt lên Sài Gòn

hợp nhưng cũng rất hạn chế đi lại vì tình hình khá nguy hiểm. Tôi ở lại Sài Gòn, dù một số đám di cư có thể biết nhưng tôi có giấy tờ giả bán hợp pháp. Chúng tôi tự đánh giá: trước sau gì cũng bị bắt vì Diệm bắt đầu có chính sách tố Cộng. Tình hình khó khăn, mặc dù quần chúng cơ bản là của mình. Anh Năm Xuân, Bí thư Khu ủy miền Đông, cho biết trước anh ở đó có tới 23 ngàn đảng viên, sau về chỉ còn 800. Không có một chi bộ nào, chỉ liên lạc đơn tuyến. Nhiều người bị quan. Có những câu quần chúng hỏi tôi không trả lời được. Tôi nhớ có một bà má thối mắt trước việc Diệm ra tay đàn áp mà ta chưa có đối sách hành động. Bà bảo: “Tao thấy tụi Diệm không ký, không tổng tuyển cử, sao tụi bây không làm gì? Tụi bây nhớ nông dân trồng cây không ăn được là nhờ liền. Để Diệm ác thế như cái cây bén rễ sâu, tụi bây làm sao mà nhổ được?”. Lúc đó phải đấu tranh lại bằng bạo lực chứ không thể chỉ nói hòa bình.”

Ông Mười Hương là chỉ huy của những nhân vật tình báo nổi tiếng, những tên tuổi sau này làm nên chiến công vang dội như Vũ Ngọc Nhạ (nguyên mẫu của nhân vật Hai Long, cố vấn cho Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu trong tiểu thuyết và phim Ông cố vấn của Hữu Mai); Lê Hữu Thúy - đại tá, Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (nguyên mẫu của nhân vật Lê Nguyên Vũ trong tác phẩm Điệp viên giữa sa mạc lửa của Nhị Hồ); Phạm Ngọc Thảo - đại tá, Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (nguyên mẫu của nhân vật Nguyễn Thành Luân trong tiểu thuyết và phim Ván bài lật ngửa của tác giả Trần Bạch Đằng) và Phạm Xuân Ân - thiếu tướng, Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (nhân vật chính của cuốn Phạm Xuân Ân - tên người như cuộc đời của Nguyễn Thị Ngọc Hải); cuốn Một người Việt Nam thầm lặng của nhà báo Pháp Jean Claude Pomonti; cuốn Điệp viên hoàn hảo của giáo sư sử học Larry Berman.

Ông đã chỉ đạo lưới tình báo này. Ngày nay, ông đánh giá: Anh em dù ít, tổ chức không rộng nhưng hoạt động rất có kết quả. Các chiến dịch Trương Tấn Bửu, Thoại Ngọc Hầu giặc sục sạo vùng U Minh đều được thông báo sớm, giúp anh em đưa anh Ba Duẩn từ Bến Tre lên Sài Gòn, rồi vọt lên biên giới Cao Miên. Anh em cũng thu thập được nhiều thông tin tình báo chiến lược và kịp thời gửi ra Trung ương xử lý. Hoạt động bí mật, có hai điều

chúng tôi đã giải quyết tốt: chức nghiệp hóa (có nghề nghiệp thật sự để có tiền sinh sống) và xã hóa (xử sự đúng cương vị anh sống trong xã hội). Chúng tôi nhìn lại thời kỳ đó, thấy những chuyển hướng chiến lược của Mỹ về chiến tranh đã được chúng tôi báo cáo phục vụ Trung ương rất tốt.



*Ông Mười Hương (hàng đầu, thứ 3 từ trái sang) là chỉ huy của những huyền thoại tình báo như Phạm Xuân Ẩn, Vũ Ngọc Nhạ, Lê Hữu Thúy*



*Từ trái qua: Vũ Chính, Phạm Xuân Ẩn, Trần Quốc Hương (Mười Hương), Trần Hiệu, Lê Hữu Thúy, Đặng Trần Đức (Ba Quốc). Ảnh tư liệu, Bộ Quốc phòng.*

\*\*\*

Là một chỉ huy đã từng làm việc với các nhân vật tình báo nổi tiếng như thế trong chiến tranh nhưng khi được hỏi, ông trả lời chân thật: “Chỉ huy là Trung ương Đảng, là cả một lực lượng cách mạng, tôi là người được giao lại các đầu mối. Cái chính của tôi là cái anh chỉ trở, chỉ tay năm ngón thôi. Còn các anh ấy giỏi nên lập được nhiều chiến công lớn, vô cùng quan trọng cho cách mạng. Đành là phải lần theo sự “chỉ trở”, “chỉ tay năm ngón” như lời ông nói để có thể phần nào hình dung ra công việc của một trong những người xây dựng mạng lưới tình báo chiến lược trong kháng chiến chống Mỹ.

Ông Mười Hương kể về suy nghĩ của mình khi dùng các nhà tình báo vào đúng vai trò, nhiệm vụ như thế nào. Thí dụ như việc ông chỉ đạo nhà tình báo Lê Hữu Thúy.

“Lúc kháng chiến chống Pháp, anh Thúy là cán bộ công an. Đến cải cách ruộng đất, do gia đình thuộc tầng lớp trên nên anh bị đưa ra khỏi ngành. Nhưng ở Nha Tinh báo của ta, người lãnh đạo tài năng Trần Hiệu đã nhìn thấy con người anh Thúy có nhiều phẩm chất xuất sắc. Ông Trần Hiệu móc nối lại, tổ chức đưa anh Thúy đi Nam. Anh vào cùng đợt, làm việc với Vũ Ngọc Nhạ. Sau này khi cấp trên giao anh Nhạ cho tôi cũng giao luôn cả anh Thúy làm việc trực tiếp với tôi.”

Ông Mười Hương nhận thấy cái đặc điểm nổi trội của Lê Hữu Thúy: “Anh ấy là cử nhân văn chương, quen nhiều quan chức cao cấp. Anh vào được lực lượng Hòa Hảo. Ngô Đình Diệm đưa anh vào giống như một phái viên chính phủ bên cạnh Hòa Hảo, làm việc với thứ trưởng Bộ Nội vụ của Diệm, công cán ủy viên Huỳnh Văn Nhiệm. Khi xảy ra nhiều vụ lộn xộn giữa các giáo phái, chúng tôi nói anh vào với Bình Xuyên. Đám Bảy Viễn dùng anh liên lạc với Phòng Nhì Pháp để xin tiền vì Bảy Viễn dựa vào tiền của Pháp để chống Diệm.

Có hôm Thúy nói với tôi: “Phòng Nhì Pháp xui tôi về lực lượng Hòa Hảo bắn vài quả đạn vào Sài Gòn làm áp lực với Diệm”. Tôi bàn với Thúy: “Cậu về nói lại cho Năm Lửa biết chuyện đó đi. Cho họ biết là Pháp chỉ muốn lợi dụng họ chứ không giúp họ lật Diệm”. Tôi bàn với anh Thúy xem liệu có lôi kéo được lực lượng cho cách mạng không. Anh Thúy nhận xét rất xác đáng: “Không được đâu. Họ vì tiền mà làm. Tiền thì mình không thể nhiều như đế quốc được. Lộ ra thì người của Phòng Nhì Pháp giết tôi ngay lập tức”. Tôi gợi ý: “Anh dụ nó đưa quân về Đồng Tháp, để Diệm đánh tan nó ở Đồng Tháp. Địa phương chúng ta sẽ lợi dụng tình thế đó phát cờ vũ trang, diệt bớt ác ôn, phong trào sẽ lên”..

Nằm sâu trong hậu trường sân khấu chính trị miền Nam, tình báo viên chiến lược Lê Hữu Thúy - với tên hoạt động Lê Nguyên Vũ, đã sáng tạo, thận trọng thực hiện chính xác từng kế hoạch tinh vi củng cố được lòng tin của Diệm - Nhu. Vai trò phụ tá cho tổng trưởng Nội vụ Huỳnh Văn Nhiệm, cho

giám đốc Sở nghiên cứu chính trị - mật vụ Trần Kim Tuyền, cho giám đốc Nha An ninh quân đội Đỗ Mậu là võ bộc bằng thép giúp ông có thể tìm hiểu cận kề kẻ thù, khoét sâu vào các mâu thuẫn vốn có để phân hóa và làm suy yếu từ bên trong lực lượng địch.

\*\*\*

Ông đã “chỉ trở” cho nhà tình báo Lê Hữu Thúy xâm nhập vào lực lượng Hòa Hảo như thế. Với ông Vũ Ngọc Nhạ, ông nói “Anh Nhạ phải bám cha Từ. “Các bài viết về Vũ Ngọc Nhạ chưa giải thích rõ vì sao anh ấy được chỉ đạo bám cha Lê Hữu Từ. Tôi nhớ vào khoảng năm 1946 thì phải, Bác Hồ yêu cầu chuẩn bị cho Bác một chuyến đi quan trọng. Đích thân Bác đi gặp cha Lê Hữu Từ, định mời về làm cố vấn cho Chính phủ. Tôi ngạc nhiên thừa với Bác là trong Quốc hội lúc đó, đại biểu Công giáo là cha Phạm Bá Trục rồi, ở các địa phương cũng có các linh mục trong Mặt trận rồi, sao bây giờ Bác còn đích thân đi mời cha Lê Hữu Từ nữa. Lúc đó Bác mới giải thích cho chúng tôi hiểu rằng thời kỳ ấy, ảnh hưởng của các dòng tu đều khác nhau. Dòng Châu Sơn ở Nho Quan của cha Từ là dòng “khổ hạnh”, có uy tín lớn lúc đó, được bên Tòa Thánh trân trọng nhất nên cũng cần mời họ giúp cho Chính phủ. Ông Mười Hương nhớ mãi lời Bác Hồ: “Là người Việt Nam ai cũng có lòng yêu nước. Như năm ngón tay có ngón dài ngón ngắn, lòng yêu nước thể hiện nhiều hay ít thôi. Nếu ta biết cách, sẽ thu phục được.”

“Tôi biết Vũ Ngọc Nhạ lúc chuẩn bị vào chiến dịch Điện Biên Phủ. Khi đó, ai cũng náo nức muốn tham gia chiến dịch lịch sử này. Nhưng tôi không được tham dự mà lại được phân công đi xuống Khu Tả ngạn. Nhiệm vụ của chuyến đi này là tôi phải chọn cán bộ để gài theo những người di cư vào Nam. Tôi đã chọn được hai anh cán bộ của Thị ủy Thái Bình là Nhạ và Ruật.”

Khi chuẩn bị vào Nam hoạt động, Vũ Ngọc Nhạ có giấy chứng nhận do cha Hoàng Quỳnh cấp, chứng nhận Nhạ là trung úy tự vệ của Phát Diệm trong

lực lượng Công giáo. Như vậy, tôi nghĩ Nhạ phải tận dụng mối quan hệ này bám cha Quỳnh để qua đó quen thân được với cha Lê Hữu Từ. Cha Từ rất thân với cha Quỳnh. Anh cứ bám cha Quỳnh. Ông Quỳnh vào đây cũng có huyệt hăng. Xa giáo xứ, con chiên Phát Diệm rất khổ. Anh hãy làm một con chiên ngoan, chăm sóc cha Quỳnh lúc thường, lúc ốm đau, đưa cả con cái tới thăm ông ta để tạo quan hệ gia đình gần gũi. Tranh thủ được tình cảm ông Quỳnh rồi sẽ tìm được mối quan hệ với giám mục Từ. Chính mối quan hệ này cho phép anh Nhạ lập được nhiều chiến công sau này, có lần thoát chết được.” Ông cùng với Vũ Ngọc Nhạ trao đổi, cứ nói là Ngô Đình Diệm thân Mỹ, Mỹ nắm được Công giáo, nhưng không phải. Công giáo Việt Nam lúc ấy vẫn là Pháp nắm. Mỹ bỏ nhiều tiền ra nên có ảnh hưởng lớn. Kết quả cuộc trao đổi này là một nhận định quan trọng: Ngô Đình Diệm muốn nắm nhưng chưa nắm được các dòng tu Công giáo thân Pháp như dòng của Lê Hữu Từ. Chính đó là chỗ Nhạ có thể phát huy được.

“Qua các tin tức của Nhạ, tôi thấy lúc đó có một mâu thuẫn: Diệm rất cần ông Từ nhưng chưa nắm được. Một hôm, Nhạ bảo tôi: Cha Từ than phiền là Tổng thống tin Mỹ quá. Tôi liền nói ngay với Nhạ: Đây là hơi hướng Pháp chê hơi hướng Mỹ của Ngô Đình Diệm đấy. Nếu Ngô Đình Diệm muốn dựa vào Công giáo mà không dựa được vào cha Từ là hở. Tôi bảo Nhạ: “Làm thế nào anh nói đến tai Ngô Đình Diệm ý này: nếu không liên kết được với cha Từ sẽ khó khăn”. Phải biết rằng ông Diệm rất cần ông. Từ mà không nắm được, vì một anh thân Mỹ, còn một anh thì thân Pháp.” Khi Vũ Ngọc Nhạ bị bắt và chuyển về Tòa Khâm thì ông Mười Hương đã bị chuyển sang phòng tối cách đó 200 mét, đằng sau Nha Cảnh sát Trung Việt. Ông quan sát, tìm hiểu, và biết chắc chắn rằng ông Nhạ dù được đi lễ nhà thờ nhưng tinh thần vẫn còn. Ngô Đình Cẩn là người khá đặc biệt. Trong số tù nhân, nếu ai theo Công giáo thì Chủ nhật Cẩn cho đi lễ. Ông Mười Hương tìm cách bí mật liên lạc, nhắc ông Nhạ giữ nguyên vỏ bọc, cứ hướng cũ mà đi thôi: “Cái áo rách, nhưng vá lại vẫn dùng được”. Vũ Ngọc Nhạ đã thành công khi liên lạc với cha xứ và tự tiếp cận Ngô Đình Cẩn. Ông Nhạ nhờ cha Hồng chuyển thư cho linh mục Lê Hữu Từ, trong thư viết bằng giọng mập mờ như đã quen biết. Cha Từ thấy ông Nhạ là người Công giáo Phát Diệm, tìm hiểu về ông qua cha Quỳnh, rồi ra Huế thăm dò. Cha Từ dùng ông Nhạ tác động lại Cẩn, bắt tay Nhu - Diệm. Ngô Đình Cẩn thì dùng ông Nhạ để

kết thân cha Từ. Và từ đó, mối quan hệ của ông Vũ Ngọc Nhạ với gia đình họ Ngô được nâng lên một bước cao hơn.

Ông Vũ Ngọc Nhạ đã giảng hòa được hai bên và lợi dụng được hai bên. “Chính anh Nhạ làm được cái cầu nối giữa họ Ngô với cha Lê Hữu Từ. Từng có lần anh Nhạ về gặp anh Năm Xuân, sau đây anh Năm Xuân nói với tôi: “Tôi thấy anh này ăn nói giống linh mục”. Tôi bảo: “Anh ấy đóng linh mục mà không ăn nói giống linh mục thì sao được ông?”. Người tình báo nhập vai giỏi quá thành ra vậy.”

Biết quan sát thực tế, ông Mười Hương thấy rõ chính quyền Diệm - Nhu đối xử phân biệt với hai xứ Công giáo Bùi Chu, Phát Diệm. Ở xứ Bùi Chu của giám mục Phạm Ngọc Chi được chăm lo hơn địa phận Phát Diệm của giám mục Lê Hữu Từ. Những trao đổi, phân tích của ông cùng với nhà tình báo đã giúp cho đường hướng công việc tiến triển tốt như chúng ta đã biết qua hoạt động cố vấn của Vũ Ngọc Nhạ. Thời gian ông Nhạ ở Tòa Khâm, thật là trong cái rủi lại có cái may, là thời gian ông hoạt động thành công nhất.

Sắc sảo, nhạy cảm, sáng suốt, có thể nói như thế về vai trò “chỉ trở” của ông Mười Hương. Không phải vô cớ mà thế giới đánh giá cao những người tình báo ở tù rồi mà vẫn phát huy được tác dụng.

\*\*\*

Còn công việc với nhà tình báo Phạm Xuân Ân thì điều chủ yếu thành công là ở một cách nhìn, đánh giá tình hình. “Lúc tôi vào Nam, anh Ân đang làm thư ký nhà đoan, đưa tin tức tình báo về việc quân Pháp vận chuyển vũ khí. Anh báo ra những tin tức tàu đến tàu đi, chợ hàng hóa, vũ khí ra các miền”. Anh Ân rất giỏi tiếng Anh, sau đó làm ở cơ quan MACV (Cơ quan viện trợ Mỹ). Lúc Hiệp định Genève, Mỹ đang thay chân Pháp. Ngay lúc đó, nhà chỉ huy Mười Hương nhạy bén nhận thấy: nếu anh Ân cứ đi theo con đường này, giỏi lắm leo lên đến đại tá, không phải chỗ ngon ăn. Tụi này là cơ quan

chính trị, nó mà thanh trừng lẫn nhau, dễ chết lây sang Ân. Đối tượng của cách mạng Việt Nam sẽ là Mỹ. “Khi anh Ân đưa tôi tới nhà đám sĩ quan Mỹ mà Ân quen, tôi thấy đám Mỹ này thích Ân lắm. Tôi bèn bàn với Ân: Phải chuyển thôi. Phải làm nghề tự do. Tôi nhớ ngày xưa Cụ Hồ đi hoạt động cũng làm tân văn ký giả. Bác xưa vẫn khuyên đám cán bộ chúng tôi hoạt động thời Pháp phải chú ý tới “báo chí để tư quyền. Đụng tới, họ la to lắm”. Tôi nghĩ Ân phải đi học báo chí tại Mỹ, về viết báo Mỹ hẳn hoi chứ không phải chỉ về làm báo lá cải kiểu Tiếng Chuông cũng không ra gì. Anh phải hiểu rõ văn hóa Mỹ, học được những cái hay của văn hóa Mỹ, thấy rõ tính cách con người Mỹ để có thể nghĩ và viết như người Mỹ. Cho nên suốt cuộc đời hoạt động của Ân sau này, cách ứng xử của anh ấy tôi ưng lắm. Kết hợp văn minh hiểu biết với nhân văn, văn hóa Việt Nam mới ra được con người như Ân.”

“Khi các cán bộ lãnh đạo vào Nam năm 1948, có đồng chí Vũ là trung tá và anh Tư Tùng thiếu tá. Họ vào cùng anh Lê Đức Thọ. Sau này, khi đã tiếp xúc với Ân, tôi bàn với anh Tư Tùng. Anh rất có công trong việc xây dựng lưới. Anh ấy còn được bà cụ mẹ của Ân nhận làm con nuôi.” Họ bàn bạc, trao đổi, xin ý kiến lãnh đạo của Trung ương và thế là phương án đi học của tình báo Phạm Xuân Ân được hình thành. “Anh Tư Tùng lúc đó làm chủ sở cao su nhỏ, rất tháo vát. Anh đóng góp thêm tiền giúp vào cho Ân có thể đi du học.” Nhớ lại chuyện này, ông Mười Hương nhắc đến bà cụ thân sinh ra Phạm Xuân Ân với bao nhiêu lời quý trọng. “Công bà già lớn lắm. Ân hoàn thành nhiệm vụ cũng do công bà mẹ đóng góp nhiều. Bà không nói năng, lẳng lặng nuôi con, chăm lo cho con với tình người mẹ thương con và yêu nước.”

Chính khi ông Phạm Xuân Ân đang học ở Mỹ thì hầu như toàn bộ tổ chức trong nước bị chế độ Diệm đánh, phá vỡ hàng loạt. Ông Mười Hương bị bắt và số phận chàng sinh viên Ân kể như cá nằm trên thớt. Ông Tư Tùng, tức Dương Minh Sơn và cậu em trai của Ân cũng bị bắt. Nhưng ông Mười Hương đã chịu đựng sự khốc liệt này, giữ nguyên được tổ chức. Sau này ông Ân kể lại: “Ông Mười thường quan tâm dặn tôi hai việc: thứ nhất, nhấn

manh lập trường tư tưởng, chính trị, hiểu biết văn hóa; thứ hai là nghiệp vụ vững. Ông bảo: phải đi học, tìm hiểu văn hóa Mỹ. Phải học văn hóa”.

Sau khi thiếu tướng tình báo Phạm Xuân Ân qua đời vào năm 2006, ông Mười Hương được đoàn làm phim tài liệu phỏng vấn về những suy nghĩ của ông với nhà tình báo “điệp viên hoàn hảo”. Nhớ lại ngày Phạm Xuân Ân chuẩn bị được đưa đi học báo chí ở Mỹ, ông Mười Hương bảo: “Ân lúc đó chưa có bằng tú tài. Tôi gợi ý Ân xem bên đó có loại trường nào nó không đòi bằng tú tài. Và nhắc Ân: chỉ có học làm báo thôi!

Tôi phân tích: Ở trong nước Ân cũng đang hoạt động mở quan hệ có nhiều triển vọng. Nhưng lúc bàn bạc với nhau như anh em trong nhà, tôi bảo Ân: Màý đã thân được đến như Phạm Xuân Giao ở Phòng 6, thân với Nguyễn Văn Hình thì giả dụ có thương quý lắm cũng đưa màý giỏi lắm lên đến chuẩn tướng, cũng là đi hầu nó thôi em ạ. Phải làm gì đó mà vừa quen thân vừa nghe ngóng từ giới cu li bên ngoài cho đến bên trên là thủ tướng, thì chỉ có làm anh nhà báo thôi. Mà Ân lúc đó có cả tiếng Anh tiếng Pháp.”

Hai anh em trò chuyện, phân tích với nhau. Ông Mười Hương bảo Ân (vì là anh lớn tuổi hơn nên ông hay xưng hô thân mật như gọi đứa em):

- Màý thấy “ông” Hồ ra nước ngoài sống bằng nghề ký giả tân văn mà làm cách mạng.

Trước đó, Edward Lansdale muốn cử Phạm Xuân Ân đi học tình báo và tâm lý chiến. Khi việc này được báo cáo với ông Mười Hương, lúc đó đang là chỉ huy trực tiếp của Phạm Xuân Ân, đã bị ông Mười Hương khuyên không nên vì quá nguy hiểm. Ông Mười Hương rất tâm đắc việc Ân nên đi học báo chí.

Nhưng lúc đó ba của ông Ân ốm nặng. Sau này chúng ta biết việc của ông Ân đi học ở Mỹ đã phải lùi ngày lên máy bay, vì vào đúng ngày đó, ba Ân

qua đời - ngày 24/9/1957.

Trước đó, Phạm Xuân Ân cứ nghĩ rằng việc anh đi học ở Mỹ sẽ không thành. Giấy tờ của chính quyền quan liêu là một chuyện, còn chuyện cha đang ốm nặng. Ông Mười Hương phải tìm cách động viên và giúp đỡ chăm sóc gia đình thay Ân là người con trưởng đang chịu tang cha. Ông Mười Hương đã đến nói chuyện với mẹ của Ân. Bà cụ hoàn toàn ủng hộ con mình.

Ông Mười dặn dò: Mà sang đó tìm hiểu cái xứ văn minh ấy, chứ không chỉ “chửi nó bóc lột” như lý thuyết được học. Văn hóa Mỹ nhiều cái hay lắm, chính Cụ Hồ tìm hiểu và dùng cái văn hóa đó để phục vụ việc làm cách mạng. Văn hóa tư bản tôn trọng cá nhân, mà học kỹ, đó cũng là thứ nó sẽ bảo vệ mà. Như vậy là chính Mỹ dạy mà làm tình báo cho cách mạng đó (hai anh em cùng cười).

Ông Mười nghĩ: Công tác tình báo giống như vở kịch. Người lãnh đạo nghĩ ra mục tiêu còn thành công là do người tình báo sáng tạo và can đảm. “Khi người ta giao Phạm Ngọc Thảo cho tôi có khuyên rằng nên khai thác, dựa vào việc Thảo thân Pháp, dân Công giáo. Tôi bảo: Không nên coi Thảo như người theo kháng chiến rồi về đầu hàng. Bởi Ngô Đình Diệm cần người yêu nước, quốc gia không Cộng sản, chứ không cần người kém cỏi đầu hàng. Phải nhận thức được Ngô Đình Diệm có tinh thần “quốc gia dân tộc” mới được. Chính tôi đã gửi nhận định này ra cho Trung ương, không nên coi Ngô Đình Diệm như mấy ông bơ sữa bơ Tây như Tâm, Hữu. Hai bức điện của tôi gửi ra được vận dụng mục tiêu đúng cho tình báo hoạt động”.

Ông đeo đuổi việc quyết tâm đưa Phạm Xuân Ân đi Mỹ học về báo chí. “Nó đi bằng hai chân của nó”. Ông đã tranh luận như vậy với một số lãnh đạo lúc đó theo lối cổ điển thường nắm con người bằng cách ràng buộc người cán bộ, kiếm cho họ một người vợ theo ý của tổ chức. Ông không chịu lối nắm con người bằng thủ đoạn, tiền bạc. Phải tôn trọng sự độc lập

suy nghĩ của người cán bộ. Chưa một ai dưới quyền lại bị ông sử dụng theo lối thủ đoạn, tiền bạc.

Sau này khi gặp nhau, ôn lại cái giai đoạn Phạm Xuân Ân ở Mỹ nghe tình hình trong nước bị khủng bố bắt bớ, cả em trai của Ân và Mười Hương cũng đã bị bắt. Lúc đó chính quyền Ngô Đình Diệm đang truy lùng gắt gao để diệt Cộng sản. Cái tin em trai và ông Mười bị bắt đã khiến Phạm Xuân Ân lo sẽ bị lộ. Anh sợ mọi người không chịu được đòn tra khảo tàn bạo, sẽ khai ra anh. Nhất là ông Mười Hương, người chỉ huy trực tiếp của anh. Ân đã phải đề phòng bằng cách học thêm tiếng Tây Ban Nha. Anh nghĩ khi cần thiết, có thể sẽ chạy trốn sang Cuba hoặc Nam Mỹ. Anh hoàn toàn độc lập ở xứ người, không còn liên lạc, xin ý kiến của ai. Tin tức chỉ nhận được qua lá thư của người em trai viết bóng gió để anh suy luận mà hiểu tình hình.

Sau hai năm học tập, vào năm 1959 khi trở về nước, Phạm Xuân Ân vẫn còn phải đề phòng. Anh sợ vừa xuống sân bay đã bị bắt cóc đưa đi thủ tiêu mà không ai biết. Lúc này anh cũng không biết tin tức gì của ông Mười Hương đang bị giam ở Huế. Anh phải dặn cả gia đình ra đón mình ở sân bay, cho dù có thể mẹ anh sẽ phải chứng kiến cảnh đau lòng con trai bị bắt. Nhưng như vậy còn hơn là bất vô âm tín. Đến khi về nhà rồi, anh cũng không dám đi đâu một mình ra đường. “Nghe tin anh bị bắt, em vẫn có một linh tính là mình được an toàn. Dù sao thì cũng phải đề phòng. Trong tay em đã có vé máy bay đi Cuba và Pháp. Bởi em tin, hai nơi đó mới có đường liên lạc với tổ chức. Em cũng nhắn gia đình ra đón nên mời cả bạn bè Mỹ, cánh nhà báo, nếu có gì họ sẽ đưa tin.”

Phạm Xuân Ân có lúc đã tâm sự: “Anh làm lãnh đạo chỉ huy, chứ người khác, chắc em không dám trở về”. Với gia đình Phạm Xuân Ân, cái tên Mười Hương được tin yêu. “Em thấy cũng lạ. Mẹ em lúc sắp mất, quên cả tên em Định. Vậy mà bà nhớ tên em và anh. Có lần, khi đất nước giải phóng, bà hỏi: “Anh Hai có ở trong hay không? Em bảo anh dù ở đâu cũng biết chuyện thôi mẹ ạ”. Còn ông Mười thì bảo: Tôi chỉ thuyết phục bà mẹ bằng sự ăn ở của tôi thôi.

Có lẽ câu chuyện hoạt động của ông Mười Hương khi được giao chịu trách nhiệm với các nhà tình báo sau này nhìn lại thấy toàn tên tuổi huyền thoại - chắc còn nhiều điều chúng ta không được biết hết. Nhưng có thể chấp nối từ những câu chuyện gián đoạn không hệ thống bất chợt ông kể ra khi đang trình bày một vấn đề khác.

Như một người con trong gia đình, ông Mười Hương có quan hệ quen biết cả lứa bạn cùng học với cha của Phạm Xuân Ẩn ở trường lục bộ xưa ngoài Hà Nội. “Ông già Ẩn là một kỹ sư đặc biệt. Ông có người bạn tên Quyến là một người được trọng như sếp, trưởng tràng. Chính ông Quyến là người sắp xếp đám tang cho cha của Phạm Xuân Ẩn. Còn ông Quyến cũng học giỏi lắm. Gốc Nho học, đi Tây học tiếp nên học rất giỏi. Xưa có những gia đình trí thức lớn lắm, thân nhau lắm.”

Năm 2006, sau khi thiếu tướng Phạm Xuân Ẩn qua đời, hãng phim TFS của HTV (Đài truyền hình Tp. Hồ Chí Minh) có thực hiện bộ phim tài liệu 12 tập về ông. Nữ đạo diễn Lê Phong Lan có tiến hành nhiều cuộc phỏng vấn ông Mười Hương về Phạm Xuân Ẩn.

Câu hỏi thứ nhất: Ông nhận định con người Phạm Xuân Ẩn thế nào để giao nhiệm vụ sang Mỹ học?

Ông Mười Hương: Khi tôi vào miền Nam, ông Phạm Ngọc Thạch giới thiệu, có một thanh niên trưởng thành từ phong trào trẻ Ôn thời chống Pháp. Cậu ấy đã được giao theo dõi biến động quân đội ở Đông Dương khi cậu làm thư ký nhà đoàn ở cảng. Trước đó, tôi lại nghe một cán bộ kể chuyện về Ẩn. Người cán bộ này bảo: Cậu thanh niên này hăng hái, tính nóng. Có người mẹ nuôi, chồng bà này đối xử với vợ ra sao làm nó giận quá, túm cổ áo ông ta nói: Ba không thể làm thế với mẹ được! Tôi tìm đến nhà gặp Ẩn. Thấy đó là một thanh niên rất thông minh, nhanh trí, ăn nói dí dỏm. Tôi liên hệ ý nghĩ: Bác Hồ là nhà tình báo giỏi, đơn thương độc mã tìm đường cứu nước, cũng là một nhà báo giỏi. Phải đưa Ẩn đi làm báo, vì

như tôi đã nói với Ân: Đi theo Phạm Xuân Giai ở phòng 6 cũng giỏi lắm lên được chuẩn tướng làm tay sai. Không thể đi nghe ngóng biết được các vấn đề chiến lược. Mà phải đi học. Không đi Pháp, mà đi Mỹ đi. Về hỏi đám bạn Mỹ để tìm hiểu chuyện học. Mỹ là thằng khó khăn nhất. Ân có tham khảo đại úy Mỹ Philip lúc đó nhà ở đường Trần Quốc Toản. Ân có dẫn tôi lại nhà Philip chơi một lần. Tôi thấy Philip khen phục văn hóa Việt Nam, người già được con cái thương kính chăm sóc. Con cái rất thương yêu cha mẹ ông bà, nuôi cha nuôi mẹ. Nếu có khổ thì chỉ vì “nghèo nên khổ thôi, còn tình cảm đỡ cô độc hơn so với phương Tây. Philip khuyên vợ phải cố gắng học văn hóa Việt Nam. Tôi bảo Ân hỏi xem mọi thủ tục. Lúc đó có người cháu của má Ân vào làm cơ sở kinh tế cho cách mạng, trong đồn điền cao su Lộc Ninh. Từ đó mới góp thêm kinh phí giúp Ân đi học được. Má của Ân lo vụ này rất tích cực. Cũng chỉ phải lo tiền máy bay, vì sang đó có học bổng rồi.

Để trả lời cho câu hỏi thứ hai của đạo diễn Phong Lan: “Thời kỳ chú bị bắt, chú có sợ bị bọn địch tìm cách bắt chú khai ra Phạm Xuân Ân?”. Ông Mười Hương trả lời: “Điều đó tôi đã hiểu rõ từ lâu. Tôi thường nói với Ân: Có ba thủ thách lớn với người cách mạng: Ở tù, tiền bạc, tình. Thời kỳ ở tù, tôi hay mắc cỡ nếu nghĩ mình khai ra một người nào. Tôi bị bắt không dính đến Ân. Cậu Định, em Ân bị bắt trước cả tôi. Hai vụ không dính nhau. Tôi rất tin tưởng Ân. Cái này tự nhiên, bằng linh cảm, khó giải thích. Ân bộc lộ con người đáng tin cậy, luôn trung thực, luôn giúp đỡ. Khi tôi ở tù, mọi người biết được tình hình của tôi là do Ân có người chú làm ở Nha Cảnh sát Trung phần. Ông hay qua chỗ tôi bị giam và biết được, đám lính gác nể tôi lắm. Chắc ông chú này nắm được tình hình, báo ra cho gia đình Ân.

Câu hỏi thứ ba: “Chú và chú Ân sống sót qua cuộc chiến khốc liệt đầy nguy hiểm, tình anh em đồng chí có ý nghĩa đặc biệt như thế nào?”.

Ông Mười Hương ngẫm nghĩ, chậm rãi không trả lời ngay. Đó là phản xạ suy nghĩ chậm của người già hay vì còn lý do nào khác? Ông ngậm ngùi: “Nhiều lúc thấy thương Ân quá. Không ai hiểu Mỹ bằng Ân. Công trạng được tuyên dương nhưng không phải đã được hiểu hết. Sau giải phóng tôi

có hỏi đại tướng Văn Tiến Dũng, sao không để Ân phát huy tiếp. Tướng Dũng bảo: Một cán bộ làm địch hậu hơn 20 năm rồi, chịu bao khó khăn hy sinh. Nay lại bắt hy sinh tiếp, đúng về chính sách thế là không ổn. Tôi gặp Ân, có ý tiếc việc Ân không tiếp tục, thì Ân bảo, công việc anh ấy vẫn say mê nhưng cấp trên đã có quyết định thế rồi, em kêu vợ con trở về.

Tôi luôn tự hào về Ân, và cũng tự hào về việc mình đã nhận định, đánh giá, dùng Ân đúng vị trí. Dù rằng tôi chỉ là anh đạo diễn thôi, tài cán là do điệp viên làm. Tôi “dụng kịch” đường lối hoạt động cho Ân đúng như với Nhạ, Thảo, Thúy. Họ giỏi nên đã làm cho kịch bản thành công.”

“Vì sao Ân thương và tin tôi ư? Làm việc với nhau, thấy được con người thì thương thôi. Những điều tôi bàn bạc, phân tích cùng Ân, ra đời Ân thấy đúng nên thương thôi. Còn tôi đánh giá Ân ư? Một con người sáng suốt và trung thực. Tôi đánh giá Ân là một tình báo hơn cả nhà tình báo vĩ đại của Nga: Richard Sorge. Ông ta có công phát hiện đúng tình hình kẻ thù tấn công Tổ quốc như thế nào, không tập trung quân ở biên giới phía Đông, để Stalin tập trung giải quyết mặt trận với Đức, rồi mới quay lại Á Đông. Nhưng Ân còn vĩ đại hơn, vì hoàn thành nhiệm vụ mà giữ được an toàn, bí mật từ đầu tới cuối.

Tình cảm tôi tin cậy Ân còn coi như... duyên số. Cũng giống như ngày đầu cách mạng, tại sao lãnh đạo lại tin tôi, một cán bộ trẻ, giao cho những việc quan trọng nhất. Giao cả tính mạng của lãnh đạo, để tôi đưa anh Trường Chinh đi gặp tại nhà binh Pháp ngay trước Sở Mật thám. Có lần tôi hỏi anh Trường Chinh. Anh bảo: Tin là tin. Có cả yếu tố linh cảm, trực cảm.”

\*\*\*

Phạm Ngọc Thảo là nhà tình báo chiến lược dưới sự chỉ huy của Ban địch tình Xứ ủy Nam Bộ mà trực tiếp là dưới sự chỉ đạo của ông Mười Hương. Ngay những ngày đầu xâm nhập vào lòng địch, ông Mười Hương đã “chỉ

trở” cho nhà tình báo Phạm Ngọc Thảo như thế nào? Với nhà tình báo Phạm Ngọc Thảo, ông Mười Hương giải thích thêm: nguyên tắc của Trung ương lúc đó rất chặt chẽ cho việc sử dụng tình báo. Dùng cán bộ cấp nào phải được cấp ủy nào đồng ý, không thể dễ dãi tùy tiện được. Trường hợp nhà tình báo Phạm Ngọc Thảo do chính đồng chí Lê Duẩn phụ trách Trung ương Cục lúc đó cho phép và giới thiệu. Trường hợp nhà tình báo Phạm Xuân Ân do đồng chí Phạm Ngọc Thạch trực tiếp giao nhiệm vụ.

“Anh Phạm Ngọc Thảo lúc đó đã có một lý lịch kháng chiến nhiều người biết. Anh ấy đã làm đến chức tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 10. Ai lại không biết. Anh ấy còn làm Trưởng ban Quân báo Nam Bộ.

Mặt khác, anh Thảo lại là con của một gia đình trí thức Công giáo rất lớn. Cả nhà đều là dân Tây. Pháp rất nể trọng gia đình này, tin dùng ngang cỡ gia đình Nguyễn Văn Xuân, Pétrus Ký - những gia đình dòng họ trí thức lớn làm việc với Pháp. Vợ của Phạm Ngọc Thảo là em cụ Phạm Thiều, cũng là một trí thức Nam Bộ. Khi quân ta đi tập kết sau Hiệp định Genève, anh ấy ở lại. Đồng chí Lê Duẩn có ý định dùng lợi thế của Thảo, giới thiệu với anh Năm Xuân. Lúc đó, tôi, anh Năm Xuân và Cao Đăng Chiếm là ba người của Ban Địch tình Xứ ủy (tiền thân của Ban An ninh miền Nam). Anh Năm Xuân lúc đó là phó ban nhưng anh không thể về Sài Gòn nhiều vì hoạt động lấy lòng, cũng vì đã quá nhiều người biết, cán bộ miền Tây cũng như miền Đông. Phong trào lúc này khó khăn nên dễ đụng bọ người xấu lắm. Anh Chiếm cũng vậy, Đảng không cho phép sống ở Sài Gòn, dễ bị địch bắt. Anh Năm Xuân đành đi về theo kiểu con thoi. Anh giao nhà tình báo Phạm Ngọc Thảo cho tôi liên hệ vì tôi có điều kiện ở hợp pháp tại Sài Gòn. Tôi với danh nghĩa thầy giáo dạy kèm có thể đi lại tự do hơn.”

Ngày nhận nhiệm vụ, ông Mười Hương đến gặp Phạm Ngọc Thảo và họ thảo luận đường lối hoạt động. Riêng việc này cũng phải bàn luận, cân nhắc hết cả một buổi sáng. Ông Mười Hương phân tích: “Không thể để Phạm Ngọc Thảo giấu đi cái lý lịch kháng chiến của anh ấy được. Phải công khai điều đó, vậy thì lý do gì anh ta bây giờ làm việc với đối phương, từ bỏ cái lý lịch kia?”. Im lặng một lát rồi ông Mười tiếp tục:

“Phải nhìn thấy đặc điểm của anh em họ Ngô. Họ không là loại tay sai kiểu bơ sữa như Tâm, Hữu, mà cố gắng thể hiện tinh thần quốc gia theo kiểu của mình, quốc gia chống Cộng. Họ mơ tìm sử dụng người như phía ta đã tôn vinh cụ Hoàng Minh Giám. Cụ không phải Cộng sản, sao Cộng sản vẫn dùng người tài. Đó là mơ ước của anh em họ Ngô. Vậy nên Thảo phải nhập vào bằng cách đó, một người giỏi, có kháng chiến, yêu nước nhưng Quốc gia, không Cộng sản. Anh em Diệm rất cần. Tôi nói với Thảo: anh phải làm thế nào bắt tin cho ông Ngô Đình Thục tin anh, ông ấy sẽ có tiếng nói giúp”.

Làm sao để họ tin? Ông Mười Hương bàn với Phạm Ngọc Thảo: Hãy cứ dựa vào lý lịch gia đình mình. Nói rõ gốc rễ như vậy, Cộng sản không bao giờ tổ chức, phát triển anh vào Đảng. Cộng sản chọn lý lịch giai cấp cơ bản chứ không chọn những người có lý lịch như Thảo. “Anh phải thông qua các linh mục dưới Mỹ Tho, mới ở Thụy Sĩ về thì phải, để đến với Ngô Đình Thục. Anh nên nói anh đi đánh Tây vì ngay ngày còn bé đi học anh cũng đã thích đánh nhau với bọn Tây con cùng học mà hách dịch, phách lối. Anh không hiểu vì sao gia đình anh được Tây ưu ái mà anh lại ghét Tây. Chỉ thấy Việt Minh đứng dậy đánh Tây xâm lược nên anh theo họ. Còn họ không tổ chức, phát triển anh vào Đảng vì gia đình anh là gia đình đại phong kiến, thân Tây. Phải nói anh Thảo đã đóng vai này rất giỏi, như chúng ta đã từng biết qua cuộc đời tình báo của anh. Có lần anh ấy nói với Ngô Đình Thục: Cha ạ, ta chống Cộng phải rồi. Nhưng chống kiểu này ta thua họ thôi. Việt Minh đi tập kết, theo đúng Hiệp định thì hai năm họ sẽ về, cha gặp lại con, vợ gặp lại chồng. Vậy mà chúng ta ép vợ người tập kết phải bỏ chồng, ép mẹ không được nhận con. Việc làm như thế Chúa cũng không cho phép. Chúng ta chống Cộng thế nào lại lòi ra Việt Minh nó nhân ái hơn.”

Được hoạt động dưới vỏ bọc công khai, hợp pháp là một thầy giáo kèm, ông Mười Hương đã liên lạc với nhà tình báo Phạm Ngọc Thảo bằng cách đơn giản, cổ xưa nhưng lại an toàn, bất ngờ nhất. Họ có những dấu mật hiệu quy định ở đâu đó. Thí dụ, ông đi qua cửa nhà Phạm Ngọc Thảo, tìm xem

một dấu hiệu nhỏ ở đâu đó để biết có thể vào. Khi muốn đến gặp, ông cũng làm một dấu hiệu kín đáo nào đó để đến. Ông thường nói với Phạm Ngọc Thảo: “Tôi hoạt động bí mật. Anh thì làm việc công khai. Tôi vào đây với danh nghĩa dân di cư vì tôi không thể giấu giọng Bắc đờc. Chúng mình phải thật kỹ, kể cả việc liên lạc, gặp nhau khi có tình hình bất thường phải trao đổi gấp.”

Họ đã trao đổi, tìm ra đường hướng hoạt động của một điệp viên. “Ý Thảo nhận xét rất đúng: Anh em nhà họ Ngô này phải qua đảo chính lên xuống như tử mới hạ bệ đờc..”

Có khá nhiều lần họ gặp nhau ở Sài Gòn, nhưng cũng có một số chuyến ông Mười Hương xuống thẳng nơi Phạm Ngọc Thảo đang làm việc ở trụ sở. Đó là dạo Phạm Ngọc Thảo làm đại úy bảo an ở Sa Đéc. Người giao thông đưa ông xuống gặp là một cán bộ phụ nữ Vĩnh Long, bà hiện vẫn còn sống. Hồi đó, chị ấy có gia đình bán hàng tơ lụa ở Vĩnh Long. “Tôi vào thẳng trụ sở của Thảo, thái độ đàng hoàng như người thân của đại úy xuống chơi xin gặp. Thảo rất tích cực, lập nhiều mối quan hệ tốt. Anh còn cho biết ở vị trí của anh có thể cung cấp nhiều tin tình báo, không rõ Trung ương có cần không. Tôi bảo anh: Anh có nhiệm vụ là xây dựng ảnh hưởng, có lực lượng chính trị bên cạnh anh để dùng. Anh phát huy bằng uy tín chính trị cá nhân của anh chứ đừng ham mê tổ chức thêm ai cả. Dễ bị lộ lắm, Đừng tham việc. Dứt khoát là không tổ chức cơ sở. Ý anh phân tích đúng rồi đó: sẽ có đảo chính. Vậy anh cứ tạo xung quanh mình lực lượng chính trị để tác động. Khi chúng đảo chính, anh có thể lực, ảnh hưởng đến đám sĩ quan cao cấp. Anh tuyệt đối không tổ chức mạng lưới gì cả.”

Ông Mười Hương còn nhớ lần ấy, nhà tình báo Phạm Ngọc Thảo với lòng nhiệt huyết của một chiến sĩ rất muốn đóng góp nhiều hơn thế. Anh kể với ông Mười Hương công việc công khai của người đại úy bảo an: Phải theo lệnh mang quân đi càn làng xã. Anh còn than phiền rằng trong quá trình công việc, anh quan sát đờc những sơ hở của các chiến sĩ ta và rất sốt ruột. Anh bảo: Có các đồng chí còn giữ cả trong mình thơ Tố Hữu. Ông Mười Hương phải gạt đi: “Anh mặc kệ họ. Không phải việc của anh. Nó đưa anh

vào vị trí bảo an là nó còn đang thử thách anh đấy, nó bắt anh ở vị trí chống Cộng xem anh có chống không. Anh chỉ nắm tình hình, gây uy tín chứ không can thiệp những gì không liên quan nhiệm vụ của anh.”

Ông Mười Hương thấy rõ sau đó Phạm Ngọc Thảo đã thực hiện rất tốt. Ông vẫn có những cơ sở theo dõi các hoạt động của Phạm Ngọc Thảo để bảo vệ anh, làm tai mắt. Kể cả việc phía địch đánh giá, nhận xét anh thế nào.

“Thời kỳ anh em Diệm - Nhu lập Đảng Cần lao Nhân vị còn mời cả Phạm Ngọc Thảo vào ban lãnh đạo. Khi ban lãnh đạo Cần lao Nhân vị họp ở Viện Hối đoái, có một cơ sở của ta đóng vai người phục vụ bán thuốc lá phục vụ hội nghị đó. Người cán bộ cơ sở này tất nhiên không thể biết được vai trò Phạm Ngọc Thảo nên về báo cáo với giọng giận dữ: “Cái thằng Thảo ấy tề lăm. Trước đây nghe nói nó có khả năng. Vậy mà vào cái hội nghị ấy, nó phát biểu hăng lăm. Có ai nói đâu, chỉ Thảo nói, Nhu nói. Khi ra hành lang, còn nghe Nhu nói bằng tiếng Pháp với những người thân cận nhận xét về Thảo: đích thực là một thằng dân tộc chủ nghĩa đậm chất Nam Bộ.”

Tôi gặp Thảo, đồng viên: Ông đóng vai thế là ăn. Nhưng đừng hăm hở quá. Cứ từ từ. Cần thì cứ viết báo, dùng các tích cũ để nói kiêu nước đôi, như Mao Tôn Cương ngày xưa bình trận Xích Bích. Anh Thảo đã làm theo, sĩ quan địch rất phục.

Ông Mười Hương làm việc với Phạm Ngọc Thảo một thời gian thì ông bị bắt. Ông vẫn nhớ hình dáng người chiến sĩ tài năng ấy: “Người vừa tầm. Hơi đen, khỏe mạnh, linh hoạt và dũng cảm. Đã làm được những việc kỳ tích. Sau khi tôi ra tù lúc Diệm đổ, không liên lạc với anh ấy nữa, theo đúng nguyên tắc. Nhưng tôi biết anh qua nhiều nguồn khác. Anh đã từng làm đến tỉnh trưởng Bến Tre, thả cả ngàn cán bộ ta bị bắt. Trong số đó có cả anh Bảy Thanh (Võ Viết Thanh).”

Ông Mười Hương lại nhấn mạnh như có chút tổng kết: “Các anh ấy (những nhà tình báo nổi tiếng: Vũ Ngọc Nhạ, Phạm Ngọc Thảo, Lê Hữu Thúy, Phạm Xuân Ẩn...) chỉ nhận chỉ đạo đường hướng thôi, còn tự tài năng của mình đã lập công lớn. Chứ công việc bí mật, độc lập như vậy, sao cầm tay chỉ việc được”.

Sự khiêm tốn thể hiện chân thành, tự nhiên trong giọng nói nhẹ, gương mặt bình thản. Hoạt động đơn tuyến, ai cũng biết, nếu người chỉ huy trực tiếp vạch đường sai, kịch bản tính nhầm một bước là có thể tan nát hết.

## IX. Ra Bắc vào Nam lần thứ hai

Năm 1964 sau khi ra khỏi nhà tù của bọn Mật vụ miền Trung Ngô Đình Cẩn, ông được lệnh ra miền Bắc. Lúc đó, Trung ương Cục miền Nam cũng muốn giữ ông ở lại, và bản thân ông cũng muốn ở lại. Ngoài lý do công tác ra, ông nghĩ “muốn ở lại làm việc trả ơn vì ông sống được là nhờ có phong trào cách mạng miền Nam, Diệm đồ, nếu không ông đã chết trong tù ngục”.

Đồng chí Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh) lúc đó đã bố trí cho ông đi học chính trị trên Miền ba tháng, chuẩn bị công tác. Nhưng Trung ương gọi ra. Vì sức khỏe còn yếu, mới ra tù nên ông không thể đi đường Trường Sơn, mà phải tìm cách đi công khai bằng máy bay từ Phnom Pênh sang Thượng Hải rồi mới về Việt Nam. Vậy là từ khi kháng chiến chống Pháp kết thúc với thắng lợi Điện Biên Phủ, hai miền chia cắt theo hiệp định Genève đến nay đã mười năm. Mười năm ông xa gia đình, không tin tức. Lúc đi, ông là người cán bộ lựa đầu tiên chi viện cho kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam, được đồng chí Trường Chinh và Bác Hồ giao nhiệm vụ. Ra đi, ông để lại gia đình, vợ con ở lại miền Bắc, và hoạt động ở miền Nam, trong đó có năm năm tù đày. Nay ông trở lại quê nhà, cũng với bao nhiêu khó khăn, làm thủ tục giấy tờ ở Nam Vang lâu tới nửa năm. Ngoài Bắc mọi người đã tưởng ông bị bắt lại (do lúc đó địch cũng bắt được anh Hai Xô ở Nam Vang). Về đến Hà Nội, ông được đưa lên K5 ở Quảng Bá như mọi cán bộ chiến trường miền Nam ra thường ở đó dưỡng bệnh. Ra tới nửa tháng vẫn không gặp ai, không biết tin tức gia đình, nóng ruột tới mức ông phải liều đi tìm. Lúc đó ở miền Bắc, phong trào đề cao cảnh giác đang lên vì Mỹ bắt đầu ném bom và thả biệt kích ra phá hoại miền Bắc. Trong người chẳng có giấy tờ nên khi tới Viện Kiểm sát tìm ông Trần Hiệu, bảo vệ cũng không cho vào!

Đến khi gặp được mọi người, ông mới biết vợ mình đang đi học nước ngoài. Cuộc hôn nhân của ông cũng đổ vỡ. Đó là một câu chuyện buồn, nhưng ông đã cố gắng cư xử cho đẹp.

Đến việc phân công công tác mới cho ông, lãnh đạo muốn ông về lại ngành công an, vì dù sao ông cũng đã tiếp xúc trực tiếp với kẻ địch rồi. Bộ Công

an đưa ông về phụ trách tình báo kỹ thuật. Có hai điều khiến ông muốn từ chối: một là ông muốn từ chối để trở lại chiến trường miền Nam. Thứ hai, công việc mới của ông sẽ phải phụ trách một Cục lớn của Bộ, Cục Kỹ thuật, ở đó có nhiều kỹ sư, phó tiến sĩ được đào tạo từ nước ngoài về, mà ông đâu có học gì về kỹ thuật, làm sao lãnh đạo. Bản khoản này được Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn giải thích: Công việc vô cùng cần thiết, là bộ phận chủ lực để đánh biệt kích. Mà đánh địch thì không chỉ là vấn đề kỹ thuật. Đây là nơi cần các chiến sĩ phản gián và các kỹ sư cùng làm việc. Còn yêu cầu chính trị nữa, nên cấp trên vẫn quyết định, và ông Mười Hương thành Đại tá Cục trưởng. Đó là một Cục lớn nhất của Bộ khi đó, chiến đấu bằng kỹ thuật. Qua cuộc chiến tranh nhìn lại, thấy một thành tựu rất rõ: Cục đã là lực lượng chủ lực phối hợp với các cục nghiệp vụ khác làm phá sản âm mưu dùng biệt kích đánh phá miền Bắc. Ông là người đã nhận việc gì tổ chức giao là làm tới nơi tới chốn. Nên ông đã phải để ra mấy tháng học về công tác chống biệt kích và tính năng tác dụng của máy móc kỹ thuật. Đã nói đến hoạt động gián điệp bao giờ cũng liên quan đến các phương tiện liên lạc bằng kỹ thuật, do đó phải canh gác bầu trời 24/24 giờ. Phát hiện, định vị, truy bắt biệt kích, ông tham gia với đơn vị, có khi đi đến tận nơi bom đạn.

Cục Kỹ thuật làm nhiệm vụ chống gián điệp, là phản gián kỹ thuật, tình báo kỹ thuật. Ông nói: “Công tác tình báo khó nhất là giao thông liên lạc. Không có nó thì chẳng có ý nghĩa. Thời kỳ đó Mỹ thả biệt kích ra để phá hoại miền Bắc lúc đó là hậu phương lớn của chiến trường miền Nam. Thời phát xít Đức nó cũng làm như vậy với Liên Xô.”

Cục Kỹ thuật của ông theo dõi sự liên lạc của bọn chúng. Phải có một trung tâm thông tin đâu đó ở một số nước gần như Nhật, Philippine. Biệt kích sẽ liên lạc điện đài để nhận sự điều hành và Cục của ông làm công việc “tuần tra” thanh sát trên không để phát hiện làn sóng lạ, tìm ra tần sóng, nơi phát để rồi định vị. Tất cả các yếu tố để vây bắt gọn đều được tính đến rất tỉ mỉ, kể cả việc đi tìm nơi chúng ẩn náu khi đã được thả xuống. Bọn chúng nhất định phải ở gần nơi có nguồn nước, gần nhà dân, các vùng dân cư phức tạp. Xác định một khu vực lớn, khoanh vùng, phán đoán và truy lùng. Giặc Mỹ

có thể có máy móc tinh vi hơn, nhưng một kết quả không thể chối cãi là tất cả các toán biệt kích thời kỳ đó đều bị bắt gọn.

Thời gian này Mỹ bắt đầu ném bom phá hoại, thả biệt kích xuống miền Bắc. Bác Hồ và Bộ Chính trị nhận định, phải đề phòng khả năng địch đánh bộ binh ra miền Bắc. Ông Trần Quốc Hoàn giao chuẩn bị phương án đề phòng. Theo đó, có phương án giao cho Cục Chính trị của Bộ Công an tuyển ba lớp nữ trinh sát đặc biệt gồm 100 cháu độ tuổi từ 12 đến 15 để đào tạo kỹ năng hoạt động địch hậu. Ông Hoàn đề nghị: người có thể đào tạo tốt nhất lớp hoạt động địch hậu không ai khác ngoài đồng chí Mười Hương. Ông được giao phụ trách chung, lên chi tiết nội dung và thời gian học tập, chương trình vừa học vừa thực hành, ở dưới còn ba cán bộ cấp cục quản lý. Cán bộ giảng dạy là của Trường C500 (nay là Học viện An ninh). Được chăm nom và giáo dục chu đáo, tất cả các cô bé của lớp học ngày đó nay đã trưởng thành. “Tôi mừng là không có đứa nào hư họ đều là cán bộ công an, mang quân hàm từ trung úy tới thượng tá cả rồi”. - Ông Mười Hương cười, mắt lấp lánh.

\*\*\*

Năm 1968 chuẩn bị chiến dịch Mậu Thân, chiến trường miền Nam lại xin ông trở vào. Lần này ông đi cùng đoàn cán bộ cao cấp, có cả đồng chí Đinh Đức Thiện. Lộ trình đi sang Trung Quốc, về Phnom Pênh, rồi từ đó về Sài Gòn.

Trước khi ông đi, Bác Hồ và đồng chí Trường Chinh có dặn dò: “Chú nhớ nhé, mình là người Cộng sản. Đối với công việc, việc nào nhỏ nhất mà có lợi cho nước cho dân thì nhỏ mấy cũng làm. Việc nào mà không có lợi cho dân cho nước thì không nói, không biết, không làm. Bởi vì mình là người Cộng sản.”

Lần đi trước, ông để lại gia đình, lúc đó đưa con gái út mới biết bò. Đi hoạt động bí mật ở chiến trường, không có thời hạn, không biết bao giờ ra, không thư từ tin tức, không hình ảnh. Đến khi ông trở ra sau mười năm, đưa con gái thắc mắc hỏi bà thím: “Có ông nào về nhận là bố con. Không biết có thật không”. Nay ông trở lại vào chiến trường trong khi đã mang một vết thương trong chuyện đời riêng của cuộc hôn nhân đổ vỡ.

Những năm tháng cả dân tộc bước vào một chiến dịch quyết định ngày toàn thắng, ông làm gì?” Tôi trở vào Nam sau khi chiến trường Mậu Thân đã ở cuối đợt một. Bom đạn dữ lắm. Các anh bố trí tôi ở Ban an ninh Miền, phụ trách an ninh đô thị và trinh sát vũ trang vì tôi trước đó hoạt động đô thị.”

Năm 1970 ông làm Trưởng ban An ninh Sài Gòn - Gia Định cho đến tận năm 1975.

Công tác an ninh lúc đó phát triển mạnh, chuẩn bị cho chiến dịch lớn. Mỗi huyện đều có Ban An ninh, chúng ta phải xây dựng những “lỗm chính trị”, không chỉ ngành công an mà các đoàn thể cũng làm nhiệm vụ này rất tích cực. Đó là những khu vực của địch nhưng ta dựa vào phong trào thanh niên trốn lính và lính trốn, xây dựng những “lỗm” liên hoàn thành một vành đai tròn ngoại thành, để lực lượng cách mạng ra vào được dễ dàng. Công việc này có hiệu quả lớn. Ta làm chủ được ban đêm. Bọn ác ôn nào nổi lên là bị lực lượng vũ trang trấn áp liền. Đến năm 1975 thì các lỗm này đã khép kín quanh Sài Gòn, tạo được hành lang từ căn cứ Củ Chi vào, làm đường vận chuyển vũ khí nhẹ vào nội đô. Những lỗm chính trị này làm cho cơ sở tề nguy rệu rã mất thế. Lực lượng vũ trang làm cho giấc muốn hung hăng không được, các hoạt động chính trị dễ dàng hơn, quần chúng trốn lính cũng dễ. “Tôi thường đi ở những vòng ngoài ấy, xuống Củ Chi, Gò Vấp, xuống cơ sở vào ban đêm, có hầm bí mật để trú được ở đó.”

\*\*\*

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Mỹ-ngụy vẫn trắng trợn chà đạp hầu hết các điều khoản trọng yếu của Hiệp định, tiếp tục tiến hành “Cuộc chiến tranh Việt Nam hóa” trên quy mô lớn với nhiều biện pháp và thủ đoạn mới. Bộ Chính trị xác định, chúng ta tiếp tục cuộc đấu tranh tổng hợp bằng ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao, tiến lên hoàn thành mục tiêu cách mạng của mình. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Trung ương Cục miền Nam giao cho ông Mười Hương tuyển chọn thanh niên, sinh viên... cài vào hoạt động trong lực lượng thứ ba. Ông Linh nói: “Những người thông minh sắc sảo hoạt động ngoài ủng lăm”. Trong số những người được tuyển chọn có nhóm của họa sĩ Ốt - tức Huỳnh Bá Thành - báo Điện Tín, và Ngô Công Đức, Dương Văn Ba, Lý Quý Chung...

Đầu năm 1975, ông Mười Hương giao cho nhóm một nhiệm vụ trực tiếp cực kỳ quan trọng: Thâm nhập sâu trong lực lượng thứ ba của Dương Văn Minh để tác động, vận động lực lượng này chống đối, cô lập, chia rẽ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu nhằm vô hiệu hóa sự chống phá của kẻ thù trước ngày toàn thắng của cách mạng. Ông Mười Hương nói: “Nhất định kỳ này mình dứt điểm thống nhất nước nhà, cần tạo điều kiện gần gũi những người có ảnh hưởng quyết định. Nhưng các cậu phải chú ý: Thứ nhất, làm sao cho họ thấy, kỳ này nhất định quân ta giải phòng Sài Gòn, tình thế không thể đảo ngược, cưỡng lại không được đâu. Thứ hai, họ nên có sáng kiến, cử chỉ gì - trên cương vị nhà cầm quyền Việt Nam Cộng hòa - để quân đội quốc gia của họ bất động, làm dịu sự đối địch, không gây cảnh đổ nát cho Sài Gòn. Nhớ khéo léo, tránh chạm đến tự trọng, tự ái của người ta, làm sao để người ta có sáng kiến quyết định, chứ mình không đưa ra phương án cụ thể”.

9 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, Đài phát thanh Sài Gòn phát bản Tuyên bố của Tổng thống Dương Văn Minh kêu gọi quân ngụy đơn phương ngừng bắn và bàn giao chính quyền cho cách mạng. Tuyên bố án binh bất động của Dương Văn Minh đặt quân đội ngụy vào thế tan rã tinh thần. Tiểu đoàn dù ở ngã tư Bảy Hiền thì rã toàn bộ. Có nhiều người lính chạy sang các hàng thợ may xung quanh để mượn quần áo mặc, trút bỏ đồ lính. Chúng kiến cảnh nháo nhào, mẹ của họa sĩ Ốt ở tiệm may Tuấn gần đó

cũng vội vàng tiếp tay, mang quần áo ra cho. Tất nhiên vẫn có những tên ngoan cố, thí dụ, như một tên đại úy ở Giang Thuyền, quận 8 đã rút súng ra bắn lên trời, chửi đổng: Tổng thống mẹ gì mà mới vậy đã án binh bất động.”

Khi nghe bản Tuyên bố lúc 9 giờ 30 sáng đó, tôi mừng vô cùng và điện ngay cho anh Linh. Quân ta vẫn tiếp tục tiến công theo kế hoạch.”

Ngay khi Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu, Thành ủy phân công từng đồng chí trong Thường vụ đi theo từng cánh, thí dụ như cánh của Bình Chánh, quận 7, 8 có anh Ba Tôn phụ trách. Ông Mười Hương đi cánh phía Bắc: Từ Tân Bình, vào quận 5, 6, vào các quận trung tâm, sang đến Bà Chiểu. “Tôi vào Sài Gòn, đưa anh em ta vào ém quân ở Tân Bình từ đêm 28/4. Ở với cơ sở, với nhiệm vụ hễ khi nào thấy pháo bắn vào Tân Sơn Nhất thì giải tán được chính quyền ngay ở cơ sở. Nhưng đêm 29 tề ngụy bỏ chạy hết. Tôi đi với mấy đồng chí quận ủy lâm thời như Bình Thạnh, thị xã Gia Định cũ, sau này chị Sáu Kẹo làm Bí thư. Có anh Út Thành Bí thư ở Tân Bình... Chúng tôi vào ban đêm, ở nhà cơ sở, nhà của một người dân quê gốc Củ Chi chạy bom đạn dòi về đó. Sáng 30 tháng Tư cánh của anh Năm Nghị về quận 5, họ chỉ gặp một trung đội cảnh sát dã chiến. Cánh đi ở Bà Chiểu - Phú Nhuận đến ngã tư Bảy Hiền thì gặp cảnh nhón nháo của tiểu đoàn lính dù đóng ở đó. Những ngày ấy binh lính ngụy tan rã từng tiểu đoàn, từng mảng lớn. Quân chính quy của bộ đội giải phóng tiến vào thành phố. Cánh quân Tây Nam của ông Lê Đức Anh vượt sông Vàm Cỏ từ Bình Chánh vào, anh em không biết đường đi, chúng tôi đón xe tăng ở đường 10, mạn Phú Lâm, cử một chị đi cùng dẫn đường về trụ sở Quân khu Thủ đô của chính quyền. Họ bỏ chạy hết, xe tăng cứ thế tiến vào một cách bất ngờ.”

Đang ở trong khu lao động người Hoa chỗ Đầm Sen quận 11, ông Mười Hương lên xe lam đi vào khu nội đô xem khu Dinh Độc Lập, Tòa Đại sứ Mỹ ra sao. “Suốt dọc đường bà con bán cờ giải phóng đỏ rợp trời, cứ y như sự xuất hiện cờ đỏ sao vàng hồi Cách mạng Tháng Tám 1945. Khi quân cách mạng vào đến trụ sở các quận của chính quyền cũ, đã thấy người dân treo cờ ở đó rồi.”

Sau ngày toàn thắng, trong lần gặp Dương Văn Minh, ông Lê Đức Thọ hỏi: “Những ngày tháng Tư có nhiều lực lượng tác động đến ông, công an có, tình báo có, trí vận có, lực lượng thứ ba có... Lực lượng nào tác động mạnh nhất để ông ra tuyên bố sáng 30 tháng Tư đó?”.

Dương Văn Minh trả lời: Nhóm họa sĩ Ót.

Câu chuyện cuộc tấn công về mặt chính trị những ngày tháng Tư đó giải thích lý do tại sao cả tấn thuốc nổ đã được đặt ở cầu Sài Gòn lại không nổ. Hãy thử hình dung: Một cú nổ, cầu Sài Gòn sập, ta sẽ phải bắc cầu phao, sẽ mất nhiều thời gian, có thể bị bắn tỉa, không tránh khỏi đổ nát, hy sinh, mất mát... Sài Gòn đã được giải phóng nguyên vẹn trong sự hân hoan tột đỉnh của cả dân tộc.

“Một người tình báo giỏi trong chiến tranh có tác dụng hơn cả một binh đoàn” - không thể có gì chính xác hơn câu nói của Stalin trong trường hợp này.

Thành phố Sài Gòn giải phóng. Niềm vui chiến thắng to lớn bao nhiêu thì nhiệm vụ lo an toàn cũng hiện ra nhiều bấy nhiêu. Lệnh nhận được là phải giữ gìn an ninh trật tự, những kho gạo phải nguyên vẹn, không được để người dân đói, đảm bảo điện, nước sinh hoạt bình thường, Đài phát thanh, bưu điện hoạt động, không bị phá hủy. Ban Quân quản thành lập. Thành phố bước từ nhiệm vụ chiến đấu sang quản lý, xây dựng cuộc sống mới. Công việc phải làm ngốn ngàng. Ông Mười Hương là Phó bí thư Thường trực, phụ trách tổ chức, tiếp nhận rất nhiều nguồn cán bộ. Từ anh em được giải phóng ra khỏi nhà tù, cho tới anh em từ miền Bắc vào, cán bộ tại chỗ, các tỉnh chi viện cho thành phố, tất cả đoàn kết thành một sức mạnh lo cho một thành phố lớn. Ban lãnh đạo thành phố lúc đó đã làm được một nhiệm vụ chiến lược lớn: xây dựng một hệ thống chính quyền mạnh.



## X. Hương sự thật

Nhìn lại cuộc đời ông Trần Quốc Hương ta như thấy hiện lên cả một chiều dài lịch sử kháng chiến.

Có thể nói bản lý lịch công tác của đời ông khá điển hình cho cuộc đời của một thế hệ chiến sĩ lão thành, được Đảng phân công làm rất nhiều công tác khác nhau đều nỗ lực hoàn thành. Về cuộc đời ông Mười Hương, các đồng chí của ông nhận xét rằng, không chỉ là một cuộc đời mang nhiều chiến công gắn bó với các giai đoạn cách mạng, mà đời ông còn cho thấy ông là một người dám nói ra nhận định của mình một cách thẳng thắn. Thái độ cư xử với những thăng trầm cuộc đời, với những điều không may, với bè bạn, rất rõ những suy nghĩ sâu sắc, mang phong cách riêng.

“Suốt cuộc đời tôi sống không có gì phải ân hận.” Câu nói này chúng ta đã nghe ở nhiều người. Ý nghĩa chính mà họ nghĩ có lẽ là: Cả đời đã cống hiến, đã đi theo cách mạng là đúng, không có gì phải ân hận. Nhưng nếu xét chi li kỹ lưỡng theo những gì một đời người phải trải qua, phải giải quyết, có thể có gì sai không, thì nói ra được câu ấy, không phải chuyện dễ.

“Tôi là người dạng ưu tư, hay nghĩ ngợi lắm. Suốt gần 6 năm ở trong tù chế độ Ngô Đình Diệm, tôi nghĩ kiểm lại toàn bộ quá khứ. Là bởi vì ở trong tù luôn căng thẳng, luôn phải nghĩ ngợi, cái đầu làm sao giữ được quân bình và sáng suốt. Muốn vậy trong lòng phải thật sự không có gì phải ân hận hay vương mắc. Tôi nhớ lúc đó mình chỉ tiếc một điều là ra đi không để cho con một tấm hình nào, nếu từ đây không bao giờ được trở về nữa thì con nó không biết gì về cha. Còn ngoài ra lòng tôi thanh thản vì đã sống đúng, làm việc hết mình cho cách mạng. Nếu trước đây sống bừa bãi, sai trái thì lúc ở tù nghĩ lại ấy chắc chắn sẽ ân hận giày vò không thể nào sống yên được. Không quan tòa nào bằng lương tâm, mình không thể giấu chính mình được. Giả dụ như tòa án của nó không giết mình được, không xử tội mình được, nhưng nếu mình làm điều gì sai trái thì quả là sống dở chết dở.” Chính vì vậy mà ông nói rằng đời ông không có gì ân hận. Ông là người coi trọng đạo đức, lương tâm. Với Đảng, ông luôn trung thực nghĩ gì nói nấy.

“Người ta bảo tại tôi có một quá trình lịch sử tốt mới dám nói thẳng.”  
Nhưng để có một lịch sử tốt, lại càng phải có tình. Ông thích câu thơ đơn giản của Tố Hữu khi nói về Bác Hồ: “Bác để tình thương cho chúng con”. Tình thương yêu là quan trọng. Ông bảo: “Các con tôi sẽ mừng vì cha để lại bản lý lịch cuộc đời rất trong sáng. Chúng đến đâu nơi cha mình từng làm việc đều thấy mọi người quý hóa. Khi tôi trở lại những đơn vị cũ đã công tác qua ở cả Hà Nội hay Thành phố Hồ Chí Minh, làm ngành công an, quân đội, hay tình báo, tôi cảm động vì tình thương yêu của mọi người. Trở lại những gia đình cơ sở cũng vậy, tình cảm đó không gì mua được?”

Ông có một phương châm sống, hay nói đó là triết lý sống cũng được: chịu đựng, rồi sự thật sẽ chiến thắng. Khi bị giam cầm đầy đọa, giặc hành hạ ông bằng đủ cách. Cho ăn cơm sống, ông vẫn ăn và nghĩ theo lời người lính đưa cơm còn chút lương tâm đã khuyên ông: bác chịu khó. Cuộc đấu tranh còn gian khổ lắm. Lúc ra khỏi tù do chính quyền Diệm đổ, ông ở trong tình trạng tê bại, mắc bệnh trĩ nặng. Căn bệnh hành ông một thời gian dài. Cho đến tận năm 1975 vừa hành quân, ông vừa dùng tay đẩy hậu môn. Đi cầu, ra máu như cắt tiết gà, răng lung lay hết, ảnh hưởng cả cái đầu, thần kinh căng thẳng để hậu quả lên cái dạ dày. Ông là thương binh loại 1/4. Khi trở ra Bắc, được nằm Quân y viện 108 dưỡng bệnh mà buổi trưa nằm nghỉ, thấy bóng những người y tá qua lại, ông vẫn tưởng đó là bọn mật thám canh gác ông. Một vị bác sĩ đã nhận xét: Ông bệnh nhân này cư xử, cảm nhận như một người tù.

Không chỉ là sự chịu đựng, cảm nhận đến giới hạn kinh khủng nhất của con người là cái sống - chết, ông còn nói rằng chính sự từng trải mọi thử thách khốc liệt đó khiến mình bình tĩnh và bao dung. “Ra tù, thấy lòng mình nhân ái hơn.” Nếu nhìn vào câu chuyện đời ông, có cả những chuyện xưa nay khó có ai viết ra trong sách vở, hồi ký, dù sự thật ngoài đời ai cũng biết, thì sẽ thấy lòng nhân ái, sự chịu đựng và niềm tin mãnh liệt vào sự thật, vào sự ngay thẳng ở ông không phải là lời nói văn chương, hoa mỹ.

Ông đã giải quyết cho bản thân mình, đã ứng xử ra sao trước các nghi vấn, các lời tố cáo ông sau này một cách thiếu cơ sở? Ông bảo: “Tổ chức Đảng

đã xác minh và kết luận sáng rõ tất cả.”

Thực tế, ông Mười Hương đã phải đề đạt ý kiến xin làm rõ vấn đề có người khiếu nại ông. Đảng làm đi làm lại công tác kiểm tra tới 5 lần, mãi tới Đại hội V năm 1980 mới kết luận.

Cũng rất may cho ông, lúc Đảng kiểm tra xác minh những người liên quan còn cả, giấy tờ hồ sơ của địch vẫn còn nguyên. Và ông đã được tổ chức kết luận qua xác minh từ các đồng chí bị tù chung cho đến lời khai của những tên đang bị ta giam giữ cải tạo sau giải phóng trước đây có liên quan việc giam giữ ông.

Nhưng trong quá trình còn chưa được làm sáng tỏ, ông sống và nghĩ sao?

“Đây là một thực tế xảy ra trong Đảng, nếu Đảng làm rõ, chỉ có lợi về chính trị. Vì đất nước ta trải qua cuộc chiến tranh lâu dài và quá phức tạp. Nhiều cán bộ bị tù đày ra, còn phải tiếp tục chịu đựng sự kiểm tra của tổ chức, có thể bị hàm oan nữa.” Đó là chưa kể tới sự tố giác có khi rất nguy hiểm. Bởi không phải có thể luôn làm rõ được mọi trường hợp.

Ông bị nghi vấn vì “sao Ngô Đình Nhu không giết mà lại gặp ông”, “Sao bị nó biết là tình báo cao cấp, ông lại được thả”, v.v...

Những nghi vấn chỉ của một số cá nhân, nhưng tổ chức phải làm rõ. Việc này ảnh hưởng đến việc đề cử ông vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ông chấp hành quyết định của Tổ chức nhưng quan điểm của ông cũng rõ và thẳng thắn. Ông nói “Tôi chấp hành nhưng phải làm rõ. Nếu không làm rõ, sau này tôi không nhận công tác đâu”.

Vốn là một người công tác lâu năm với đồng chí Trường Chinh từ thời đầu cách mạng, nên đồng chí Trường Chinh rất hiểu và tin ông. “Một lần đồng

chí Trường Chinh kêu tôi sang ăn cơm. Anh ấy hỏi: Chú thấy tôi có cần nói việc của chú với anh Ba (đồng chí Lê Duẩn) không? Tôi bảo không. “Anh nói mà anh Ba không nghe thì anh có ngừng lại không? Tôi tin là anh không thể ngừng. Tôi không muốn vì tôi mà có gì ảnh hưởng tới sự đoàn kết nhất trí của Đảng. Anh cứ yên trí. Tôi chỉ có mỗi việc bị bắt thôi. Bây giờ tài liệu sống cũng có, tài liệu chết cũng có: Tụi bắt tôi, trừ Dương Văn Hiếu, tất cả đều còn trong trại cả. Hồ sơ của địch về tôi cũng còn nguyên. Mọi chuyện của tôi đều rất rõ. Trung ương có muốn làm hay không thôi”.

Vậy nên làm gì? Anh Trường Chinh rất thương và muốn giúp làm sáng tỏ. Tôi bảo: Nếu anh nói cho tôi, không có lợi đâu, bởi ai cũng biết rõ tôi với anh có quan hệ như thế nào. Tôi sẽ tự đặt vấn đề với Bộ Chính trị. Nếu không giải quyết được, tôi đề nghị đưa ra Ban Chấp hành. Nếu vẫn không được, tôi sẽ đưa ra trước Đại hội để tranh thủ ý kiến cao nhất là trí tuệ đại hội giúp cho làm rõ mọi chuyện. Anh Trường Chinh: Tôi tán thành ý kiến của chú. Trong Đảng cứ nguyên tắc điều lệ mà làm. Ở xã hội cứ theo luật pháp mà làm.”

Về sau, một số đồng chí như các ông Lê Văn Lương, Hoàng Quốc Việt đều gặp ông nói: Cậu dũng cảm, không nóng nảy, xử sự như thế là tốt cho Đảng. Chịu đựng, âm thầm suy nghĩ, không hay to chuyện, nhưng lại làm đến tận cùng. Ông Mười Hương dựa vào tổ chức, không bao giờ bất mãn cá nhân, và rất cương quyết, dứt khoát. Ông không dựa vào cá nhân. Bởi theo ông “mình sống, làm việc là quan trọng quyết định chứ một vài người quý hóa nâng đỡ cũng không có ý nghĩa gì. Những suy nghĩ của tôi về sự nghiệp của Đảng, về vấn đề cán bộ, về nhận định thời cuộc, tôi có trao đổi với anh Nguyễn Văn Linh. Anh Linh bảo: Ông nghĩ thế là đúng. Nếu ông không nghĩ thế, không phải là ông nữa.”

Ông không nghĩ thế, không phải là ông nữa - lời nhận xét ấy trùng hợp với những gì người ta nghĩ về Mười Hương. Ông có những suy nghĩ riêng, có phong cách. Một trong những đặc điểm của “phong cách Mười Hương” là ông tin con người theo nhận xét của mình, dù người đó có bị ai nói vào nói ra ra sao, ông vẫn giữ niềm tin.

Làm được gì mình oan cho con người, nếu ông biết, ông đều làm với tất cả lòng tin vào sự thật. “Có nhiều giai đoạn phức tạp, không phải không có người bị hàm oan. Trường hợp của anh Nguyễn Phổ, con ông Nguyễn Văn Vĩnh, là một thí dụ. Anh Phổ bị tù vì nghi là người của Pháp cài lại, phá hoại đốt nhà máy. Ngày xưa, khi tôi còn nhỏ, lên Hà Nội được học nghề in từ anh Phổ ở nhà in Trung Bắc Tân Văn. Tôi biết anh là người tốt. Anh đã từng giúp cán bộ ta kỹ thuật làm micrô phim để chuyển tài liệu. Tôi gặp các anh có trách nhiệm trình bày, yêu cầu thẩm tra lại.”

Kết quả việc thẩm tra này thật tốt đẹp. Nhà nước đã trả lại quyền lợi và danh dự cho gia đình anh Nguyễn Phổ. Tất cả động cơ việc làm này dựa trên một lòng tin sáng suốt vào con người. Ông Mười Hương nói: “Nói cậu Phổ theo Tây làm hại cách mạng, tôi không bao giờ tin.”

“Vì công việc đặc biệt, nên tôi hay để ý con người”. Có thể lấy ra làm thí dụ: Ông từng nhận xét và tin tưởng hai người bị đánh giá không đúng, bị hàm oan.

Đến nay qua một chặng đường dài ngoảnh lại, mới thấy lòng tin của ông đúng.

Trường hợp thứ nhất là Nguyễn Hữu Đang. “Ngay khi nghe báo cáo lại rằng Đang theo Thụy An, tôi không tin. Đang bị tù 18 năm, rồi đưa về quản chế ở Thái Bình. Mà tôi biết Đang tham gia Đoàn Thanh niên Cộng sản từ năm 1929. Tôi sống với anh, biết anh không phải người xấu. Tôi có viết thư lên Ban Tổ chức Trung ương, quan điểm tôi cho rằng 18 năm tù quá đủ rồi, nay ra tù đưa về quê, ở đó đâu còn gì cho người ta sống. Vì vậy tiếng nói đó góp phần giúp Đang được ở lại Hà Nội. Bây giờ có dịp ra Hà Nội tôi đều gặp Đang.”

Ông còn vui vẻ kể về hình ảnh Nguyễn Hữu Đang. Họ thân nhau, gọi nhau bằng mày, tao. “Nó bảo: tao thỏa mãn rồi, có đòi hỏi gì nhiều đâu. Ngày xưa mày nhớ chứ, tao ở Hà Nội mày biết rồi, rất khổ. Bây giờ có nhà, có công trình vệ sinh. Còn về ăn: ngày xưa phải khó khăn lắm mới đãi được bạn, bây giờ tao đãi tụi mày năm, mười đĩa cũng được. Còn về mặc thì xưa không có nổi cái áo len, nay thì hai, ba cái áo ấm, có thể muốn cho ai cũng được. Còn về đi lại, (ông Tôn Văn nói bốn nhu cầu y, thực, trú, hành) thì tao có ba cái xe đạp, nếu muốn có xe máy cũng có đưa nó cho được. Ở đời cái gì mình cần, có rồi thì không đòi hỏi quá.”

Ông Mười Hương vẫn còn nhớ công lao của Nguyễn Hữu Đang trong việc tổ chức lễ Tuyên ngôn Độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945. “Dù thành công buổi lễ là nhờ ở phong trào nhân dân, nhưng phải thấy Đang rất giỏi”.

Năm 1945 chuẩn bị cho ngày lễ Tuyên ngôn Độc lập, Thường vụ Trung ương thành lập một ban chuẩn bị cuộc mít tinh lớn trước quốc dân đồng bào. Đồng chí Trường Chinh yêu cầu: một cuộc mít tinh có tính chất văn hóa, lịch sử của đất nước độc lập, nên mời người bên văn hóa cứu quốc lo. Ông hỏi Mười Hương: “Cậu giới thiệu ai?”.

“Tôi nghĩ không ai hơn Nguyễn Hữu Đang được. Con người năng nổ, biết tổ chức, có uy tín trong nhân dân và đang là nhân vật có tiếng ở Hội Truyền bá quốc ngữ. Tôi gặp đưa Đang sang hội Trí Tri ở phố Hàng Quạt, Hà Nội, cơ sở của phong trào Đông kinh nghĩa thực. Cụ Nguyễn Văn Tố dạy tiếng Pháp ở đó. Họ gặp nhau, bàn bạc cùng ông Liệu lúc đó là Bộ trưởng Tuyên truyền và ông Xuân Thủy chủ bút báo Cứu Quốc.

Lúc đó Bác Hồ thực hiện sách lược mềm dẻo, tập hợp nên mới có cuộc vận động Bảo Đại thoái vị. Trưởng đoàn đi vận động là ông Nguyễn Lương Bằng là chủ tịch Tổng bộ Việt Minh, trong đoàn có cả Huy Cận. Chở đoàn đi chưa về, Nguyễn Hữu Đang sốt ruột bảo tôi: “Anh giục đi. Muốn làm một cuộc mít tinh lớn phải có thời gian chuẩn bị, từ chỗ đứng, khán đài...”

Lúc chờ đợi ấy, có ai đó nêu lên một câu lo ngại: Nhỡ Bảo Đại không chịu thoái vị thì sao? Không có chính quyền hợp pháp của nhà Nguyễn trao cho Việt Minh thì sao?”. Tôi nhớ mãi câu nói của Bác Hồ, nhẹ nhàng thoải mái: “Thì Bảo Đại cứ làm vua. Hồ Chí Minh làm Thủ tướng, có gì đâu!”.

Một người góp công cũng lớn trong tổ chức lễ là ông Phạm Văn Khoa, lúc đó đang hoạt động ở Hội Truyền bá quốc ngữ.

Để chuẩn bị cho lễ đài, cần đến vải che. Vải lúc đó hiếm lắm. Đang phải xin Bác. Cụ cho một cái lệnh mới dám yên góp. Tôi coi đó như một Khuê Văn Các, bây giờ mỗi khi phim tài liệu chiếu lại cảnh đó trên tivi, tôi không bao giờ kìm giữ được nước mắt. Tôi còn nhớ sau lễ, trở về nhà, Bác nói: “Không thể hình dung đồng bào đông và trật tự, trang nghiêm đến thế”. Và Bác nói đây là hạnh phúc lớn nhất trong đời hoạt động của Bác. Vụ án Nhân văn giai phẩm diễn ra ở miền Bắc, lúc ông Mười Hương đang ở trong tù của chế độ Ngô Đình Diệm. Ông biết tin tức trong một tình thế cô đơn nhất, và Ngô Đình Cần là người cho ông thông tin đó chứng minh sai lầm của miền Bắc làm vũ khí đánh về mặt tinh thần ông. Nhưng lòng ông vẫn tin ở cách mạng. “Sau khi thoát khỏi nhà tù, năm 1964 tôi ra Bắc, nhận được lá thư rất ngắn của Đảng. Đảng viết đại ý: Tao bây giờ khổ lắm. Đi tù 16 năm về bị quản chế ở quê tao. Tao chưa biết chết sẽ chôn ở đâu.

Tôi liền về Thái Bình tìm Đảng ngay. Trước đây chúng tôi vẫn thường về đó. Bây giờ gia đình Đảng không còn ai. Sống khổ lắm. Chúng tôi mới có dịp trao đổi với nhau thông tin tôi nghe được lúc tôi ở tù. Tôi hỏi: Sao người ta nói mày đi theo Thụy An nhỉ, để mang cái án theo làm gián điệp, nguy hiểm quá. Đảng bảo: Nó nói láo đấy. Lúc ra tòa đứng cạnh tôi, Thụy An bảo: Tôi có tội với ông Đảng, tôi khai bậy cho ông.

Ông Mười Hương luôn tin ở bạn mình. Ông viết lá thư dài cho người phụ trách tổ chức lúc đó là ông Nguyễn Đình Hương, khẳng định phẩm chất và công trạng của Nguyễn Hữu Đang. Ông còn phê phán: Không có lý gì khi ở tù lâu như thế, còn giam lỏng người ta ở Thái Bình.

Sau này Nguyễn Hữu Đang đã nhận được những điều kiện sống tốt hơn, do tình hình đã trở nên rõ ràng. Năm 1965, ông được về Hà Nội sống, có nhà ở, có lương chuyên viên 7, ngang với Thứ trưởng. Năm nào từ Sài Gòn ra Hà Nội, ông Mười Hương và Nguyễn Hữu Đang cũng gặp nhau.

Người thứ hai là ông Nguyễn Tài. Giờ đây ông Nguyễn Tài đã được minh oan và được phong anh hùng. Nhưng hãy nghe những dòng sau đây, ông Mười Hương nói về ông Nguyễn Tài từ những năm mọi việc còn trong sương khói mờ mịt của sự nghi kỵ. “Tài là một cán bộ công an dũng cảm lắm. Cậu ấy rất kỹ, nhưng bị bắt bất ngờ. Căn cứ ở Bến Tre lúc đó tôi có đến, khi cậu ấy bị bắt thì tôi đã về R rồi. Ai đi cậu cũng dặn cẩn thận, vậy mà chính cậu bị. Vì cậu hay nghe đài miền Bắc, sớm hơn giờ miền Nam 1 giờ nên có vặn đồng hồ lại. Đến lúc đi tới điểm hẹn công việc, quên không chỉnh đồng hồ nên ra sớm mất một tiếng, chưa xả giới nghiêm, dò đi bị chặn hỏi. Trùng thời điểm đó bộ đội Bến Tre đánh tàu giặc. Ba người ngồi một ghe nhưng căn cước lại ở hai nơi khác nhau. Tài có căn cước ở địa phương nhưng lại nói tiếng Bắc. Nó bắt đưa về Mỹ Tho, đưa xuống Quân đoàn 4 đánh dã man mãi cũng không được. Chúng không biết Tài đã là Thường vụ Khu ủy, Trưởng ban An ninh T4 Sài Gòn - Gia Định. Bọn giặc quyết tìm hiểu xem Tài là ai, dùng người nhận diện, biết Tài là một cán bộ quan trọng, là Cục trưởng Cục Bảo vệ Chính trị, một cục chủ lực của Công an ta. Chúng tìm được tấm hình Bác Hồ đi Ấn Độ, có Tài đi bảo vệ. Chúng mới biết Tài là con nhà văn Nguyễn Công Hoan, cháu ông Lê Văn Lương, Ủy viên Bộ Chính trị. Chúng đưa về giam ở số 3 Bạch Đằng Nha Tinh báo Trung ương, giam vào xà lim mấy năm liền, cho tới tận 1975 giải phóng miền Nam.”

Một người đầy công lao như thế nhưng cũng bị thành nạn nhân của những tổ giặc, Tài bị nghi là người của CIA. Nhiều cư xử khiến lòng đau đốn, và không phải ai cũng có thể nhận ra và thông cảm với nỗi đau đốn của con người. Đến nỗi con của Tài có chuyện yêu thương với con một đồng chí lãnh đạo cao cấp cũng gặp khó khăn. Chúng khóc với đồng chí lãnh đạo đó và dẫn ra: ba biết chú Mười Hương và tin chú. Mà chú Mười Hương lại tin

bố Tài thì không lý nào bố Tài xấu. Con không tin. Ba hỏi chú Mười Hương xem”. Ông Mười Hương nghi ngay ở đây có vấn đề nội bộ.

“Tôi cứ nghĩ những chuyện đó mà thương Tài lắm. Năm 1975, thời kỳ tôi là Phó Bí thư Thành ủy dự kiểm thảo Tài trước khi bổ nhiệm Tài trở lại công tác sau khi ở tù ra.

Lúc Tài bị hàm oan, cứ thừa mãi. Kết luận hai, ba lần không minh bạch, Tài không chịu. Thời kỳ đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư, tôi có đề nghị tiến hành làm lại, kết luận lại, góp phần minh oan cho Tài. Bây giờ thì mọi sự đã rõ rồi.”

Ông đối với anh em đồng chí thủy chung như nhất. Nhưng có một chuyện với một người mà ông cứ nhắc mãi. Người đó là nhà báo Cao Dao. Anh không do ông trực tiếp phụ trách. Anh quen nhiều chính khách của Diệm - Nhu và chuyên viết báo. Anh cũng từng bị chỉ điểm, bị địch bắt giữ song bọn chúng phải thả anh vì không khai thác được gì, không chứng cứ. “Ngay sau giải phóng có một lần Cao Dao tới chỗ tôi. Anh để râu tóc rậm, bảo vệ ngại không cho vào ngay mà kêu chờ ở cổng. Hay tin, tôi vội ra thì anh đã vừa đi mất, chạy đuổi theo mà không kịp, anh đã khuất dạng ở khúc quẹo ngã tư. Tôi có ý tìm mãi, song thâm tâm cũng biết rằng khó gặp lại được vì những trí thức như anh vốn đầy kiêu hãnh.

Mãi sau này tôi mới biết Cao Dao đã sang châu Âu với con, và mất ở bên ấy. Đó là một kỷ niệm buồn, tôi cứ day dứt mãi, không biết anh ấy có cần giúp đỡ gì không...”

“Đời buồn vì những chuyện ấy.” - Ông Mười Hương nhận xét, có lẽ là vì cả tai nạn của bản thân ông cùng cảnh ngộ - “Hoạn nạn mới hiểu nhân tình thế thái, mới hiểu lòng bạn bè.”

Cái tên gọi “Hương sự thật” cũng do một số bạn bè, đồng chí gọi ông, do ông luôn dũng cảm và kiên định với sự thật, không xu thời. Ông tự nhận: “Tôi có một nhược điểm là không phản ứng đấu tranh nhanh như người ta. Phải nghĩ thật chín rồi mới làm tới nơi tới chốn”. Điều đặn trong thời kỳ kháng chiến, mỗi ngày ông lại để ra ít thời gian, khoảng nửa giờ để nghĩ lại mọi việc trong ngày.

Những kinh nghiệm sống, chiến đấu và làm việc ngày nào vẫn trao đổi, dặn dò anh em khi hoạt động, nay ông truyền lại cho những người trẻ tuổi. Đồng chí Phạm Văn Hùng, sĩ quan tiếp cận luôn bên ông kể lại: “Ông rất quan tâm tới mọi người, tới những người từng giúp ông từ trước đến giờ. Ông nhắc nhở chúng tôi, thân thiện, nhẹ nhàng và trù mến như dạy dỗ con cái trong nhà: “Có ba việc lúc nào cũng phải trau dồi: Một, sống phải biết thế nào là vừa, thế nào là đủ. Hai, trong công việc phải luôn luôn vượt lên chính mình. Và thứ ba, nên làm việc bằng chính cái đầu của mình, không được để lại căng”. Đây cũng chính là những điều mà chúng tôi tâm đắc. Thú thật, đã có những lúc đứng trước cảm dỗ, song lạ lùng là lời ông dặn cứ vang lên trong đầu, giúp tôi tỉnh trí.”

Với bạn chiến đấu trước kia và các đồng nghiệp sau này, khi tâm sự ông thường nhắc tới câu: “Làm công an, công tác tình báo và an ninh cái đầu phải lạnh, trái tim phải nóng, và bàn tay phải sạch, như thế thì làm cái gì cũng dễ, làm cái gì cũng được, trăm trận trăm thắng. Công việc mình làm dù khó khăn đến đâu cứ bình tĩnh và thận trọng giải quyết từng bước một thì thế nào cũng thành công. Luôn luôn phải khiêm tốn cả với cấp trên và cấp dưới, đừng bao giờ thỏa mãn với công việc của mình và nhất là đừng để chữ tôi lên đầu.” Những kinh nghiệm chất chiu từ một đời cống hiến hết mình cho Tổ quốc của một thời oanh liệt hào hùng ấy được truyền sang cho lớp trẻ, ngọt và ấm nóng như mật.

Đã qua những chức vụ cao, đã qua các chìm nổi trong cuộc đời một người chỉ huy tình báo, nay là một đảng viên lão thành, ông vẫn là con người của sự chân thật như bản chất ban đầu. Ông vẫn thường nói thẳng suy nghĩ của mình đối với Đảng về thời cuộc, sự đúng, sai.

Có lẽ vì cuộc đời của những cán bộ như ông, trung thành, nhiều kinh nghiệm và luôn trung thực xây dựng Đảng, nên Đảng và Nhà nước vẫn luôn lắng nghe. Ông là một trong số cán bộ lão thành thường được mời phát biểu ý kiến đóng góp cho các vấn đề quan trọng của lãnh đạo, của đất nước.

Gặp các đồng chí lãnh đạo, ông thường nói: “Tôi ở tuổi không biết sống chết lúc nào, nhìn cái đã qua không ân hận gì với Đảng và Nhà nước, nhưng nhìn nhân tình thế thái, còn băn khoăn lắm. Cái lớn của đất nước là con người. Có giữ được đất nước không, Đảng có mạnh hay không, vấn đề cốt lõi là con người. Con người khỏe thì tổ chức mạnh. Tôi luôn tâm đắc nhận định ở Đại hội VI: Nguyên nhân của mọi nguyên nhân là công tác cán bộ. Nhân sự là vấn đề rất lớn.”

Khi đóng góp nhận xét vào tình hình đất nước, vào tổng kết các nhiệm vụ cách mạng, ông cũng đưa ra cách nhìn thẳng thắn. “Tiến hành cuộc chiến tranh, chúng ta xây dựng được hai việc lớn: Tinh thần anh hùng cách mạng và tinh thần vì miền Nam ruột thịt. Hàng triệu gia đình tình nguyện đưa con em mình vào chiến trường. Thời chiến tranh khó khăn mà xã hội lành mạnh, đất nước gặp lúc nguy nan lướt qua được. Nhớ lại hồi Bác mất, các nghị quyết, khắp nơi giữ an ninh trật tự một cách tự giác, xã hội như trong sạch hơn khi gặp đau thương. Máy bay Mỹ ném bom Hà Nội, tưởng bom đạn thế là mất an ninh, nhưng Hà Nội lại không hề có trộm cắp, tinh thần đùm bọc nhau rất tốt. Có phải tại ta xây dựng được tinh thần trên, chi phối con người không? Tại sao bây giờ có những kẻ không phải do đói, do nghèo mà lại tiêu cực? Tội làm bậy lại không phải người nghèo đói. Hình như có nhiều người còn né, sợ nói đến khó khăn, không dám đối mặt với thực tế.”

Ông cho rằng: phải học người Nhật cúi mặt làm việc, tạo ra cả một tâm lý dân tộc: thua phải biết bứt dây. Có lúc ta sau chiến thắng 1975 không tỉnh táo. Có người còn hy vọng viễn vông Mỹ nó đền bù. Hết kiêu ngạo, rồi gặp khó khăn là đổ cho diễn biến hòa bình. Không vững vàng. Ai nói ngược lại cho họ là CIA. Đâu cũng có CIA. Tâm địa vậy là không tốt. Ông mong

muốn có thể phát huy tất cả lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, kích thích người dân mình làm việc hết lòng xây dựng đất nước sao cho không hổ thẹn với truyền thống. Dân tộc ta không chỉ đánh giặc giỏi mà còn là một dân tộc văn hóa rất hay.

Ông góp ý thêm về cái nhìn với con người, đánh giá con người của dân tộc cần rộng mở, không chỉ có tiêu chuẩn của Đảng: “Tôi nghĩ Đảng ta phải nhìn thấy nhiều vấn đề khác nữa. Nhìn lại ngành giáo dục, thời kỳ kháng chiến mà hưng thịnh. Bộ trưởng Giáo dục giỏi như Nguyễn Văn Huyên, sau này có các nhà giáo dục như Nguyễn Như Kon Tum, Tạ Quang Bửu lúc đó đâu có phải là đảng viên?”.

Đánh giá đúng con người, tin tưởng họ, điều này ông đã được Bác Hồ nhận xét khi ông được chọn vào chi viện cho miền Nam. Bác Hồ bảo: “Chú ấy đánh giá đối tượng, con người đúng và chú ấy biết dùng người”.

Có lẽ nhờ vào điều này mà ông là người “viết kịch bản” cho những nhà tình báo nổi tiếng nhất như Vũ Ngọc Nhạ, Phạm Ngọc Thảo, Lê Hữu Thúy, Phạm Xuân Ẩn. Tuy nhiên, ông luôn luôn khiêm tốn: “Khi làm tổng kết của ngành, tôi đã nói: Những nhà tình báo tài năng của chúng ta họ hoàn toàn độc lập trong hoạt động và thành công.” Nhưng rõ ràng, nhờ vào việc tìm ra “kịch bản” - đường lối hoạt động - thì các “diễn viên” mới có thể hoàn thành xuất sắc vai trò của mình.

\*\*\*

Cuộc đời của ông Mười Hương tham dự vào nhiều sự kiện lịch sử lớn lao. Nhưng trong cuốn sổ tự ghi của ông mang tên “Hành trang quý báu trong đời”, ông Mười Hương nhớ nhất là thời kỳ làm việc ở Đội Công tác trực thuộc Trung ương từ giữa năm 1943 cho đến trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Có thể là vì giai đoạn ấy chính ông được làm việc và được

các lãnh tụ vĩ đại nhất của cách mạng Việt Nam dẫn dắt. Ông viết trong phần kết thúc:

“Đối với tôi, những năm tháng được giúp việc Thường vụ Trung ương trong Công tác Đội ở An toàn khu của Trung ương thật sự là thời gian tu dưỡng về lý luận cách mạng, chủ trương, đường lối, chính sách cụ thể của Đảng cũng như kiểm nghiệm trong thực tiễn công tác. Đó là hành trang quý báu giúp tôi rất nhiều trong cuộc đời cách mạng của mình, trải qua nhiều công tác khác nhau trên mọi miền đất nước.”

Suốt một chặng dài gần trọn đời rong ruổi theo sự nghiệp Cách mạng với đủ đầy những vinh, nhục, buồn, vui, ông luôn mang theo mình hành trang đó. Một hành trang lặng lẽ và quả cảm giúp ông vươn tới sự tôn vinh đầy tính thuyết phục của đồng chí, đồng nghiệp: “Người thầy” của những nhà tình báo huyền thoại.

Song một điều không phải ai trong ngày hôm nay cũng nhận ra, Mười Hương - người chiến sĩ cách mạng khi về già, ngồi soát xét lại toàn bộ hành trang cuộc đời của mình đã tìm ra một báu vật với nụ cười thanh thản: đó chính là niềm tin yêu mãnh liệt vào con người và lòng trung thực. Và ngẫm cho cùng, đây cũng chính là khía cạnh nhân bản lấp lánh, bất diệt của Cách mạng

**HẾT**



# THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỎI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN  
[WWW.SACHMOI.NET](http://WWW.SACHMOI.NET)

